

CÔNG TY TNHH MOA VINA

----- ✧ -----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

**NHÀ MÁY 2 – CÔNG TY TNHH MOA VINA**

**ĐỊA ĐIỂM: ĐƯỜNG SỐ 3, KCN TAM PHƯỚC, PHƯỜNG TAM PHƯỚC,  
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**

**TP. Đồng Nai, năm 2026**

**CÔNG TY TNHH MOA VINA**

----- ❖ -----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

**NHÀ MÁY 2 – CÔNG TY TNHH MOA VINA**

**ĐỊA ĐIỂM: ĐƯỜNG SỐ 3, KCN TAM PHƯỚC, PHƯỜNG TAM PHƯỚC,  
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**

**CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ  
CÔNG TY TNHH MOA VINA**

**GIÁM ĐỐC**



**KIM SUNAM**

**TP. Đồng Nai, năm 2026**

MỤC LỤC

<b>DANH MỤC BẢNG .....</b>	<b>v</b>
<b>DANH MỤC HÌNH.....</b>	<b>vi</b>
<b>CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....</b>	<b>1</b>
1. Tên chủ dự án đầu tư (Chủ sở hữu hoặc tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, vận hành toàn bộ dự án, cơ sở); tổ chức xác nhận, chủ thể phát hành trái phiếu xanh (đối với trường hợp xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg).....	1
2. Tên dự án đầu tư.....	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư .....	6
3.1. Công suất của dự án đầu tư .....	6
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, đánh giá việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư .....	6
3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư .....	9
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư.....	11
4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu sử dụng.....	11
4.2. Nguồn cung cấp điện năng.....	14
4.3. Nguồn cung cấp nước.....	15
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư.....	16
5.1. Danh mục máy móc, thiết bị sử dụng tại dự án .....	16
5.2. Tiến độ thực hiện dự án.....	17
5.3. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án .....	18
5.4. Nhu cầu lao động.....	18
<b>CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH,..</b>	<b>19</b>
<b>KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG .....</b>	<b>19</b>
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường .....	19
1.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia ....	19

---

1.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	20
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường .....	26
2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với hệ thống thoát nước mưa của khu vực	26
2.2. Sự phù hợp của dự án đối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải của khu vực .....	27
2.3. Sự phù hợp của dự án đối với nguồn tiếp nhận khí thải .....	27
2.4. Sự phù hợp của dự án đối với nguồn tiếp nhận chất thải rắn.....	28
<b>CHƯƠNG III. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ</b> .....	<b>29</b>
1.1. Thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án .....	29
1.2. Các đối tượng nhạy cảm về môi trường bị tác động của dự án .....	29
2.1. Mô tả tóm tắt đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn nước tiếp nhận nước thải ..	30
2.2. Mô tả chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải: đánh giá chất lượng nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải trên cơ sở kết quả phân tích chất lượng nước nguồn tiếp nhận hoặc kết quả thu thập tài liệu, số liệu liên quan đến diễn biến chất lượng nguồn nước tiếp nhận (chỉ rõ nguồn thu thập tài liệu, số liệu) .....	31
2.3. Mô tả các hoạt động khai thác, sử dụng nước tại khu vực tiếp nhận nước thải .....	38
2.4. Mô tả hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải	38
3. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án .....	38
3.1. Kết quả đo đạc, lấy mẫu phân tích, đánh giá hiện trạng môi trường khu vực tiếp nhận các loại chất thải của dự án .....	38
3.2. Đánh giá được hiện trạng các thành phần môi trường khu vực dự án trước khi triển khai xây dựng.....	38
<b>CHƯƠNG IV. ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG</b> .....	<b>39</b>
1. Đánh giá, dự báo tác động môi trường.....	39
2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường .....	39

---

2.1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án.....	39
a) Về nước thải.....	39
b) Về bụi, khí thải.....	40
c) Về chất thải rắn sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.....	42
d) Về tiếng ồn, độ rung.....	43
đ) Các biện pháp bảo vệ môi trường khác.....	43
2.2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành.....	44
a) Về công trình, biện pháp xử lý nước thải.....	45
b) Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	58
c) Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn (gồm: rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại).....	61
d) Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.....	65
đ) Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức.....	67
3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.....	70
3.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư.....	70
3.2. Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục.....	71
3.3. Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác.....	71
3.4. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.....	72
4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo.....	72
<b>CHƯƠNG V. PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.....</b>	<b>75</b>
<b>CHƯƠNG VI. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG .</b>	<b>76</b>
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	76
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với bụi, khí thải.....	76

---

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	77
3.1. Tiếng ồn.....	77
3.2. Độ rung.....	78
4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn .....	78
4.1. Khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh .....	78
4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.....	79
<b>CHƯƠNG VII. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN .....</b>	<b>82</b>
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư....	82
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm .....	82
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.....	82
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật .....	83
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ .....	83
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	83
2.3. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án .....	83
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm .....	83
<b>CHƯƠNG VIII. NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG ĐỂ ĐƯỢC XÁC NHẬN DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC DANH MỤC PHÂN LOẠI XANH .....</b>	<b>85</b>
<b>CHƯƠNG IX. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....</b>	<b>86</b>

**DANH MỤC BẢNG**

Bảng 1.1. Hạng mục công trình.....	5
Bảng 1.2. Sản phẩm của dự án.....	10
Bảng 1.3. Danh mục nguyên, vật liệu sử dụng của dự án.....	12
Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng nước và xả thải.....	16
Bảng 1.5. Danh mục máy móc, thiết bị.....	16
Bảng 1.6. Tiến độ thực hiện dự án .....	17
Bảng 2.1. Ngành nghề được phép thu hút đầu tư của KCN Tam Phước.....	21
Bảng 2.2. Danh sách Công ty thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Công nghiệp Diing JYuo Việt Nam.....	25
Bảng 3.1. Kết quả phân tích chất lượng nước thải đầu vào (NT1).....	32
Bảng 3.2. Kết quả phân tích chất lượng nước thải đầu ra (NT2).....	34
Bảng 3.3. Kết quả phân tích chất lượng nước mặt thượng nguồn, hạ nguồn suối Nước Trong .....	36
Bảng 4.1. Các nguồn gây tác động xấu và biện pháp giảm thiểu tương ứng trong giai đoạn vận hành.....	44
Bảng 4.2. Giới hạn tiếp nhận KCN Tam Phước .....	57
Bảng 4.3. Đặc tính kỹ thuật của 1 hệ thống xử lý hơi dung môi .....	60
Bảng 4.4. Đặc tính kỹ thuật của 1 hệ thống xử lý hơi dung môi .....	61
Bảng 4.5. Thành phần và khối lượng rác sinh hoạt.....	62
Bảng 4.6. Khối lượng chất thải rắn thông thường trong giai đoạn hoạt động .....	63
Bảng 4.7. Khối lượng chất thải nguy hại trong giai đoạn hoạt động dự án .....	64
Bảng 4.8. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường .....	71
Bảng 4.9. Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác .....	71
Bảng 4.10. Tổ chức quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường .....	72
Bảng 4.11. Đánh giá độ tin cậy của các kết quả đánh giá.....	73
Bảng 6.1. Thông số và giá trị của các chất ô nhiễm trong khí thải.....	77
Bảng 6.2. Khối lượng, chủng loại chất thải sinh hoạt phát sinh tại dự án .....	78
Bảng 6.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh tại dự án... ..	78
Bảng 6.4. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh tại dự án.....	79
Bảng 7.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải .....	82
Bảng 7.2. Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải .....	82
Bảng 7.1. Tổng kinh phí dự toán cho giám sát môi trường hàng năm của dự án.....	84

**DANH MỤC HÌNH**

Hình 1.1. Vị trí dự án trong cụm nhà xưởng cho thuê .....	2
Hình 1.2. Hình ảnh hiện trạng dự án .....	3
Hình 1.3. Sơ đồ bố trí công năng của dự án.....	4
Hình 1.4. Quy trình sản xuất .....	7
Hình 1.5. Hình ảnh về sản phẩm của dự án .....	11
Hình 1.6. Sơ đồ quản lý và thực hiện dự án.....	18
Hình 4.1. Phương án thu gom nước mưa .....	45
Hình 4.2. Phương án thu gom, xử lý nước thải.....	46
Hình 4.3. Cấu tạo bể tự hoại 5 ngăn.....	47
Hình 4.4. Sơ đồ công nghệ Hệ thống xử lý nước thải KCN Tam Phước công suất 7.000 m <sup>3</sup> /ngày.đêm .....	49
Hình 4.5. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý hơi dung môi trong công đoạn in.....	59
Hình 4.6. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý hơi dung môi từ công đoạn pha trộn hóa chất .....	60

## **CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

**1. Tên chủ dự án đầu tư (Chủ sở hữu hoặc tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, vận hành toàn bộ dự án, cơ sở); tổ chức xác nhận, chủ thể phát hành trái phiếu xanh (đối với trường hợp xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg)**

- Tên chủ dự án: Công ty TNHH Moa Vina.

- Địa chỉ văn phòng: Đường số 3, KCN Tam Phước, phường Tam Phước, Thành phố Đồng Nai.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: Ông KIM SUNAM

- Chức vụ: Giám đốc.

- Điện thoại: 02513506967

- Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mã số doanh nghiệp 3602629351 đăng ký lần đầu ngày 17/10/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 25/09/2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8706802757, chứng nhận lần đầu ngày 24/12/2025, chứng nhận điều chỉnh lần thứ nhất ngày 31/3/2026 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế cấp.

## **2. Tên dự án đầu tư**

“Nhà máy 2 - Công ty TNHH Moa Vina”.

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư:

Công ty TNHH Công nghiệp Diing JYuo Việt Nam đã ký hợp đồng cho thuê nhà xưởng với Công ty TNHH Moa Vina tại Hợp đồng số 11DJ/2025/HĐTX ngày 05/07/2025. Tổng diện tích nhà xưởng thuê là 7.332 m<sup>2</sup>.

Dự án được thực hiện tại nhà xưởng cho thuê của Công ty TNHH Công nghiệp Diing JYuo Việt Nam. Vị trí dự án tại nhà xưởng 4 Đường số 3, Khu Công Nghiệp Tam Phước, phường Tam Phước, Thành phố Đồng Nai.

Vị trí thực hiện dự án được thể hiện trong hình sau:



**Hình 1.1. Vị trí dự án trong cụm nhà xưởng cho thuê**

Dự án được thực hiện tại toàn bộ nhà xưởng 4 trong cụm nhà xưởng cho thuê của Công ty TNHH Công nghiệp Diing JYuo Việt Nam, có vị trí tiếp giáp như sau:

+ Phía Đông: giáp nhà xưởng 5 cho thuê của Công ty TNHH Công nghiệp Diing JYuo Việt Nam. Hiện nay đã được Công ty CP Kỹ nghệ ván Long Việt thuê.

+ Phía Tây: giáp các hạng mục công trình phụ trợ như nhà văn phòng, nhà bảo vệ, nhà nghỉ trưa của Công ty TNHH Công nghiệp Diing JYuo Việt Nam. Hiện nay đang là nhà xưởng trống, chưa cho thuê.

+ Phía Nam: giáp đường nội bộ của Công ty TNHH Công nghiệp Diing JYuo Việt Nam.

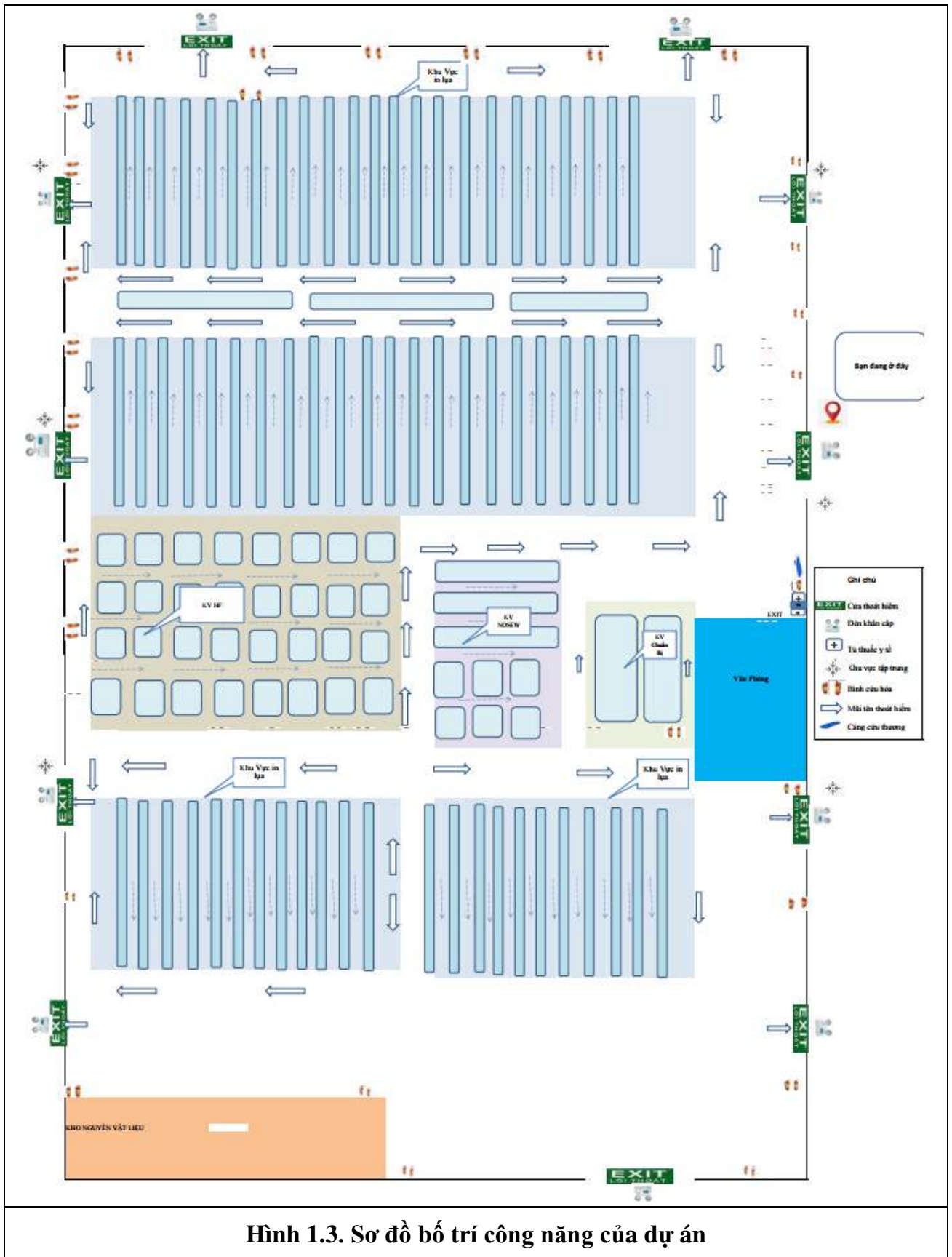
+ Phía Bắc: giáp nhà xưởng 2 cho thuê của Công ty TNHH Công nghiệp Diing JYuo Việt Nam. Hiện nay đã được Công ty TNHH Qing Shan thuê.

Hiện nay, nhà xưởng cho thuê đang là nhà xưởng trống. Hình ảnh hiện trạng nhà xưởng được thể hiện trong hình sau:



**Hình 1.2. Hình ảnh hiện trạng dự án**

Khi dự án vào hoạt động, Chủ dự án sẽ bố trí công năng từng khu vực như sau:



Hình 1.3. Sơ đồ bố trí công năng của dự án

Theo Hợp đồng số 11DJ/2025/HĐTX ngày 05/07/2025 Hợp đồng cho thuê nhà xưởng giữa Công ty TNHH Công nghiệp Diing JYuo Việt Nam với Công ty TNHH

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường*

Moa Vina, tổng diện tích nhà xưởng thuê là 7.332 m<sup>2</sup>, được bố trí thành các hạng mục công trình như sau:

**Bảng 1.1. Hạng mục công trình**

STT	Hạng mục	Diện tích sàn (m <sup>2</sup> )	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Hạng mục công trình chính</b>		
1	Khu vực in lụa	7.332	
2	Kho nguyên vật liệu		
3	Khu vực chuẩn bị		
4	Khu vực ép cao tầng		
5	Khu vực ép lực		
<b>II</b>	<b>Công trình bảo vệ môi trường</b>		
6	Khu lưu giữ chất thải		
6.1	<i>Khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường</i>	15	Sử dụng chung phần diện tích trong khuôn viên Công ty TNHH Công nghiệp Diing Jyuo Việt Nam
6.2	<i>Khu lưu giữ chất thải nguy hại</i>	8	
<b>III</b>	<b>Cây xanh</b>	-	Sử dụng chung phần diện tích trong khuôn viên Công ty TNHH Công nghiệp Diing Jyuo Việt Nam
<b>IV</b>	<b>Đường nội bộ</b>		
<b>Tổng</b>		<b>7.332</b>	

*(Nguồn: Công ty TNHH Moa Vina)*

- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư

+ Hợp đồng thuê nhà xưởng tại Hợp đồng số 11DJ/2025/HĐTX ngày 05/07/2025 giữa Công ty TNHH Công nghiệp Diing Jyuo Việt Nam với Công ty TNHH Moa Vina.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 543300 ngày 23/06/2016.

- Quy mô của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công

\* Quy mô của dự án (phân loại theo tiêu chí qui định của pháp luật về đầu tư công):

+ Tổng mức vốn đầu tư của dự án là 104.080.000.000 (*một trăm lẻ bốn tỷ, không trăm tám mươi triệu đồng*).

+ Căn cứ theo khoản 3, điều 11, Luật đầu tư công số 58/2024/QH15 do Quốc Hội ban hành ngày 29/11/2024, Dự án thuộc quy mô nhóm C.

\* Quy mô dự án (phân loại theo tiêu chí quy định tại Luật BVMT năm 2020)

+ Căn cứ theo số thứ tự 2, Mục II, Phụ lục V thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường, Dự án thuộc nhóm III.

→ Dự án thuộc đối tượng phải lập báo cáo Đề xuất cấp giấy phép môi trường. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép giấy phép môi trường cho Công ty sẽ là Ban quản lý các Khu công nghiệp, khu kinh tế Thành phố Đồng Nai.

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khác không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Phân nhóm dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường: nhóm III.

### **3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư**

#### **3.1. Công suất của dự án đầu tư**

Ngành nghề sản xuất và công suất tương ứng của dự án bao gồm:

- Sản xuất, gia công chi tiết, phụ kiện cho các sản phẩm may mặc như chi tiết, phụ kiện của trang phục, nón, mũ, giày với công suất 12.000.000 sản phẩm/năm, tương đương 05 tấn sản phẩm/năm.

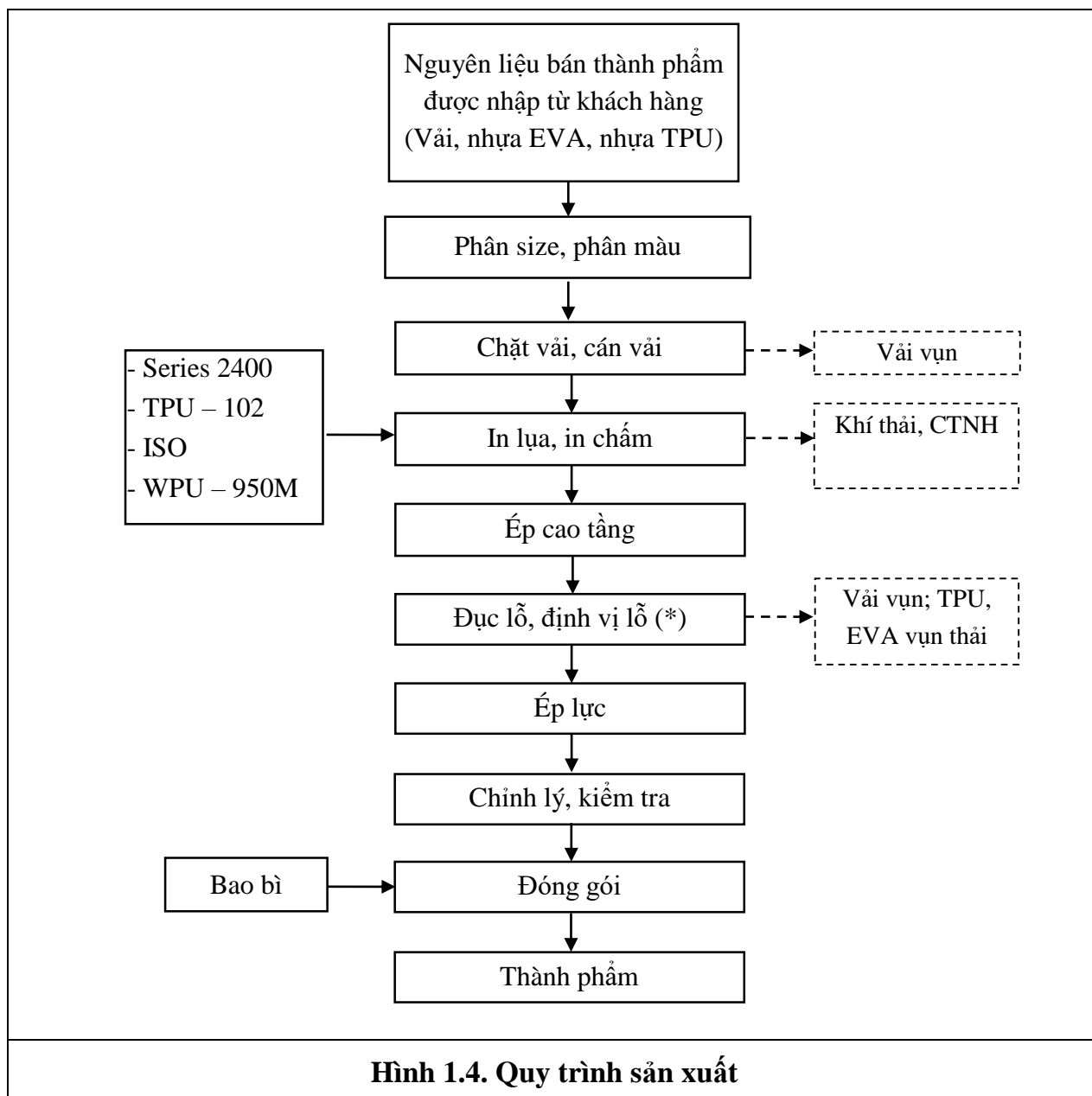
- Gia công thêu, in trên giày và các chi tiết, phụ kiện của chúng với công suất 12.000.000 sản phẩm/năm, tương đương 05 tấn sản phẩm/năm.

#### **3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, đánh giá việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư**

##### **3.2.1. Công nghệ sản xuất của dự án**

Dự án sản xuất với 01 quy trình chính là: Sản xuất, gia công chi tiết, phụ kiện cho các sản phẩm may mặc như chi tiết, phụ kiện của trang phục, nón, mũ, giày; Gia công thêu, in trên giày và các chi tiết, phụ kiện của chúng. Quy trình công nghệ sản xuất của dự án được thể hiện như sau:

### 🔗 Quy trình công nghệ sản xuất của dự án



Hình 1.4. Quy trình sản xuất

#### \* Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu (vải, EVA, TPU):

Nguyên liệu đầu vào của quy trình gồm vải, nhựa EVA và nhựa TPU. Đây là các bán thành phẩm do khách hàng cung cấp, Công ty không thực hiện công đoạn sản

xuất nguyên liệu mà chỉ thực hiện gia công in và ép nhằm tạo ra sản phẩm hoàn chỉnh theo yêu cầu của khách hàng.

Phân size, phân màu:

Sau khi được cung cấp, các bán thành phẩm sẽ được công nhân tiến hành phân loại theo kích thước (size) và màu sắc, sau đó phân chia theo từng lô sản xuất để chuyên đến các bộ phận gia công tương ứng, đảm bảo phù hợp với yêu cầu của từng đơn hàng.

Chặt vải, cán vải:

Vải sau khi nhập về được đưa qua công đoạn cán vải nhằm làm phẳng bề mặt vật liệu, sau đó tiến hành chặt vải và cuộn lại thành các cuộn nhỏ theo kích thước phù hợp. Công đoạn này giúp thuận tiện cho quá trình in lụa ở công đoạn tiếp theo. Trong quá trình chặt vải có thể phát sinh vải vụn, được thu gom và xử lý theo quy định.

In lụa, in chấm:

Bán thành phẩm sau khi phân loại sẽ được đưa qua công đoạn in lụa hoặc in chấm để tạo hoa văn, ký hiệu theo yêu cầu sản phẩm.

Đối với in lụa, quá trình in được thực hiện thủ công bằng cách sử dụng khuôn in lụa đã được chuẩn bị sẵn, sau đó công nhân tiến hành quét mực in lên bề mặt vật liệu thông qua khuôn in.

Đối với in chấm, quá trình được thực hiện bằng máy móc thiết bị theo các thông số cài đặt sẵn.

Trong quá trình in có phát sinh giẻ lau dính mực và dung môi từ hoạt động vệ sinh khuôn in lụa. Các chất thải này được thu gom, phân loại và lưu giữ theo quy định đối với chất thải nguy hại, sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định hiện hành.

Ép cao tăng:

Bán thành phẩm sau khi in được chuyển sang công đoạn ép cao tăng. Tại đây, các lớp vật liệu được ghép lại với nhau bằng công nghệ sóng cao tần, giúp liên kết các lớp vật liệu thành một khối thống nhất và tăng độ bền cho sản phẩm.

Đục lỗ, định vị lỗ:

Sau công đoạn ép cao tăng, bán thành phẩm được đưa vào công đoạn đục lỗ và định vị lỗ bằng máy ép chuyên dụng nhằm tạo các vị trí lỗ theo đúng kích thước, hình

dạng và khoảng cách theo yêu cầu kỹ thuật của từng sản phẩm. Công đoạn này giúp cố định vị trí các chi tiết, thuận tiện cho quá trình lắp ráp, may hoặc gắn phụ kiện ở các công đoạn tiếp theo. Trong quá trình thực hiện, máy hoạt động theo khuôn mẫu định sẵn nên độ chính xác cao, hạn chế lỗi sản phẩm phát sinh.

Ép lực:

Tiếp tục, bán thành phẩm tiếp tục được đưa vào máy ép lực. Tại công đoạn này, máy sử dụng lực nén thích hợp để tăng độ kết dính giữa các lớp vật liệu, góp phần nâng cao độ bền và độ ổn định của sản phẩm.

Chỉnh lý, kiểm tra:

Sản phẩm sau khi ép được chuyển sang bộ phận chỉnh lý và kiểm tra. Công nhân tiến hành kiểm tra các tiêu chí như kích thước, màu sắc, độ bám dính và chất lượng bề mặt nhằm đảm bảo sản phẩm đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trước khi đóng gói.

Đóng gói:

Các sản phẩm đạt yêu cầu sẽ được đóng gói, nhập kho và lưu trữ, sau đó xuất bán cho khách hàng theo kế hoạch.

*(\*) Ghi chú: Công đoạn đục lỗ, định vị lỗ chỉ thực hiện trong quá trình sản xuất, gia công chi tiết, phụ kiện cho các sản phẩm may mặc như chi tiết, phụ kiện của trang phục, nón, mũ, giày.*

### **3.2.2. Đánh giá việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư**

Công nghệ được sử dụng tại dự án là công nghệ hiện đại, tính tự động hoá cao. Quy trình hoạt động được tiến hành trong môi trường sạch, với những công đoạn cần độ chính xác cao được thực hiện bởi máy móc nên đảm bảo được chất lượng đầu ra sản phẩm đáp ứng được yêu cầu thị trường.

Dự án sử dụng máy móc thiết bị mới, hiện đại nhằm hạn chế các nguồn thải phát sinh cũng như hao hụt nguyên liệu đầu vào trong quá trình sản xuất.

Định hướng của dự án là phát triển bền vững thân thiện môi trường, phát triển đồng hành với bảo vệ môi trường, do đó sẽ chú trọng quan tâm đầu tư công nghệ và dây chuyền sản xuất tiên tiến tạo giá trị cao cho các sản phẩm của dự án.

### **3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư**

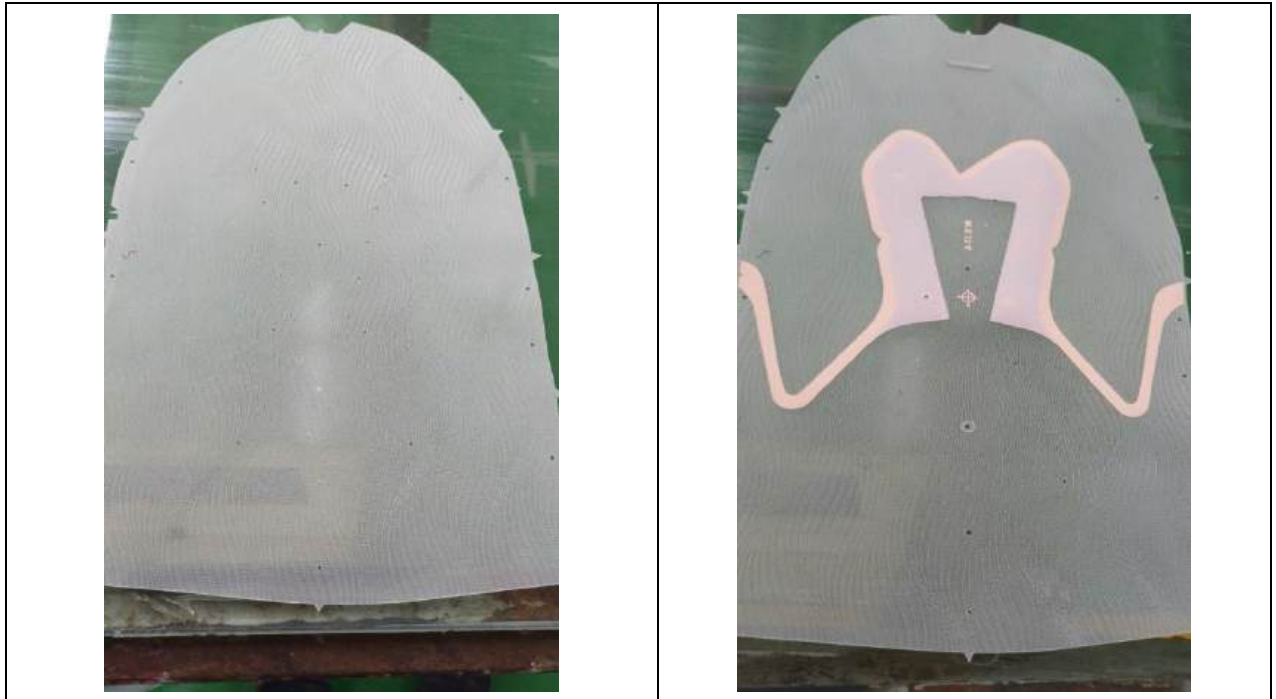
Sản phẩm của dự án được thể hiện trong bảng sau:

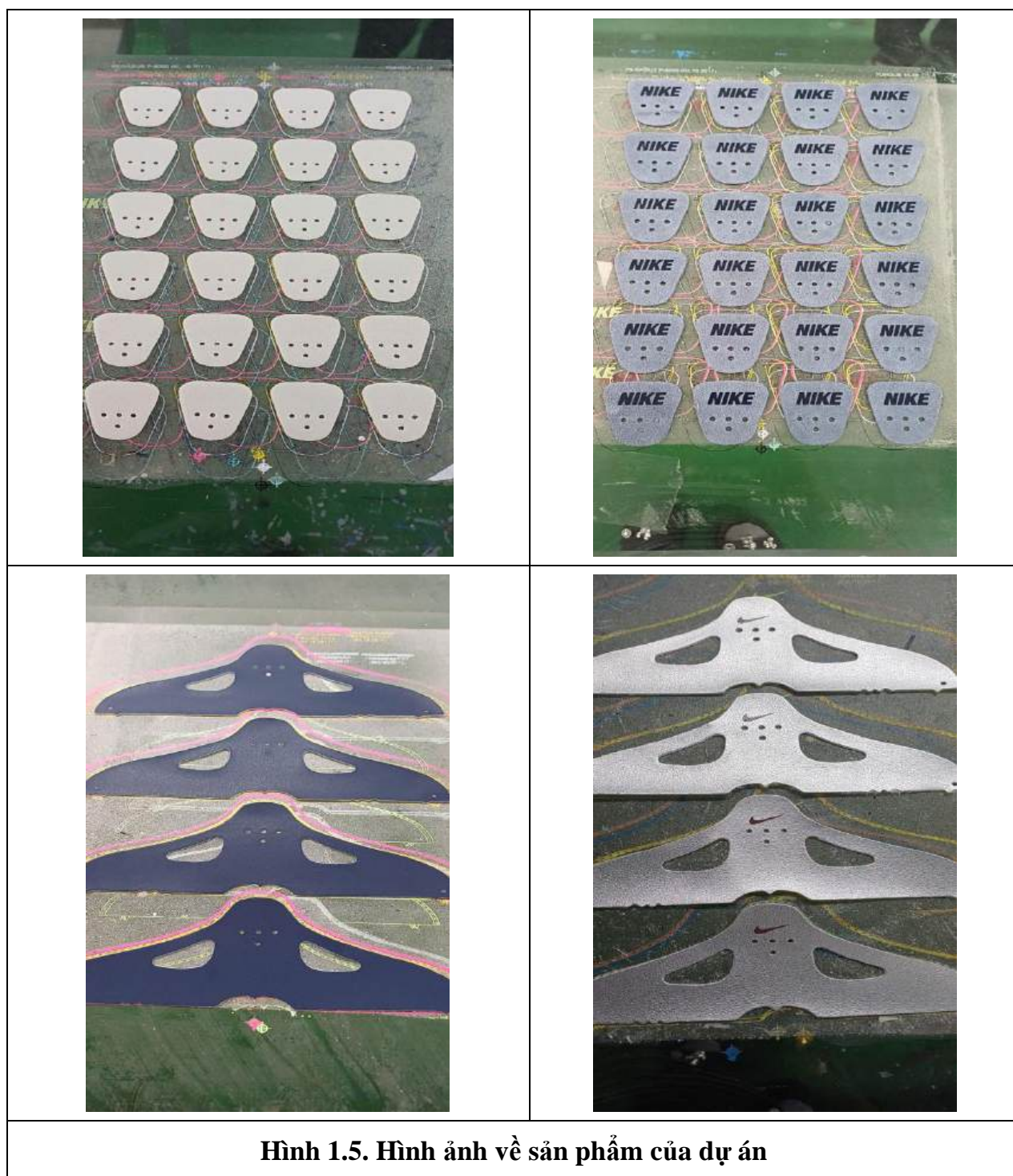
**Bảng 1.2. Sản phẩm của dự án**

STT	Sản phẩm	Khối lượng (Sản phẩm/năm)	Khối lượng (Tấn sản phẩm/năm)
1	Sản xuất, gia công chi tiết, phụ kiện cho các sản phẩm may mặc như chi tiết, phụ kiện của trang phục, nón, mũ, giày	12.000.000	5
2	Gia công thêu, in trên giày và các chi tiết, phụ kiện của chúng	12.000.000	5
<b>TỔNG</b>		<b>24.000.000</b>	<b>10</b>

(Nguồn: Công ty TNHH Moa Vina)

Một số hình ảnh về sản phẩm dự kiến của dự án như sau:





(Nguồn: Công ty TNHH Moa Vina)

#### 4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

##### 4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu sử dụng

Danh mục nguyên vật liệu sử dụng dự kiến trung bình một năm của dự án được thể hiện trong bảng sau:

**Bảng 1.3. Danh mục nguyên, vật liệu sử dụng của dự án**

STT	Tên	Khối lượng (kg/năm)	Xuất xứ
<b>1</b>	<b>Nguyên, vật liệu sản xuất, gia công chi tiết, phụ kiện cho các sản phẩm may mặc như chi tiết, phụ kiện của trang phục, nón, mũ, giày</b>		
1.1	Vải	3.500	Việt Nam
1.2	TPU	1.000	Việt Nam
1.3	EVA	2.000	Việt Nam
1.4	Mực in gốc nước	1.500	Việt Nam
1.5	Mực in gốc dầu	1.000	Việt Nam
1.6	Dung môi pha mực	250	Việt Nam
1.7	Dung môi vệ sinh khuôn	250	Việt Nam
1.8	Bịch PE	1.500	Việt Nam
<b>2</b>	<b>Nguyên, vật liệu gia công thô, in trên giày và các chi tiết, phụ kiện của chúng</b>		
2.1	Vải	1.500	Việt Nam
2.2	Mực in gốc nước	500	Việt Nam
2.3	Mực in gốc dầu	200	Việt Nam
2.4	Dung môi pha mực	50	Việt Nam
2.5	Dung môi vệ sinh khuôn	50	Việt Nam
2.6	Bịch PE	600	Việt Nam
	<b>Tổng</b>	<b>13.900</b>	

(Nguồn: Công ty TNHH Moa Vina)

Thành phần, tính chất một số loại hóa chất đặc trưng sử dụng cho dự án được thể hiện trong bảng sau:

TT	Tên thường gọi	Tên thương mại	Thành phần, tính chất	Độc tính
1	Dung dịch pha loãng	Methanol	- Chất lỏng, không màu, giống mùi rượu, tan trong dung môi hữu cơ	Gây khó chịu cho mắt và hệ thần kinh trung ương. Có thể ảnh hưởng đến hệ thần kinh trung ương, gây độc cho thần kinh thị giác,

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường*

<b>TT</b>	<b>Tên thường gọi</b>	<b>Tên thương mại</b>	<b>Thành phần, tính chất</b>	<b>Độc tính</b>
				là những tác động có thể dẫn đến mù lòa và kích ứng đường hô hấp
2	Mực in hệ nước	WPL # 2010 DNC- 100	- Là mực in gốc nước, có mùi nhẹ đặc trưng. Hòa tan trong nước. - Thành phần: Poly(hexamethylene diisocyanate), Ethyl acetate	Gây kích ứng đường hô hấp khi tiếp xúc quá mức, tổn thương mắt nghiêm trọng nếu tiếp xúc, có thể gây kích ứng da.
		WPL # 2010 F/Magenta	- Là mực in hệ nước. - Thành phần: Polyurethane resin, nước, phụ gia	Gây kích ứng đường hô hấp khi tiếp xúc quá mức, tổn thương mắt nghiêm trọng nếu tiếp xúc, có thể gây kích ứng da.
		WPL # 2010 PL- 5424	- Là mực in hệ nước - Thành phần: Polyurethane resin, Silicon dioxide (2-5%), Mica (10-15%), nước	Có hại nếu nuốt phải
3	Mực in hệ dầu	MSP#60 01B	- Là mực in gốc dầu, chất lỏng nhớt, mùi dung môi đặc trưng, không hòa tan trong nước, hoà tan hoàn toàn trong dung môi hữu cơ. - Thành phần: Polyurethane Resin, Dimethyl Carbonate, PMA	Có hại nếu nuốt phải
		MSP#60 KSV-005	- Là chất lỏng, mùi dung môi hữu cơ, không hòa tan trong nước. - Thành phần: Dimethyl Carbonate, PMA	Có hại nếu nuốt phải
		MSP#60 K705N	- Là chất lỏng, mùi dung môi hữu cơ, không hòa tan trong nước. - Thành phần: Aliphatic Polyisocyanate, Ethyl acetate	

Nhằm kiểm soát lượng chất thải phát sinh, sau khi tham khảo khối lượng đầu vào, sản phẩm đầu ra và lượng chất thải phát sinh từ các Nhà máy sản xuất có cùng

công nghệ, Chủ dự án tiến hành thực hiện cân bằng khối lượng vật chất trong quá trình hoạt động của dự án như sau:

- Lượng nguyên liệu đầu vào: Khối lượng nguyên liệu đầu vào của dự án được tổng hợp tại bảng trên là: 13,9 tấn/năm.

- Sản phẩm dự án: 10 tấn sản phẩm/năm.

- Lượng chất thải phát sinh: Quy trình sản xuất của dự án được thực hiện tự động hóa nên độ chính xác cao, đồng thời được kiểm tra nghiêm ngặt qua từng bước, kịp thời phát hiện lỗi sai và sửa chữa sản phẩm tại từng công đoạn. Do đó, lượng chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất không cao. Khối lượng chất thải phát sinh khoảng 3,9 tấn/năm, bao gồm:

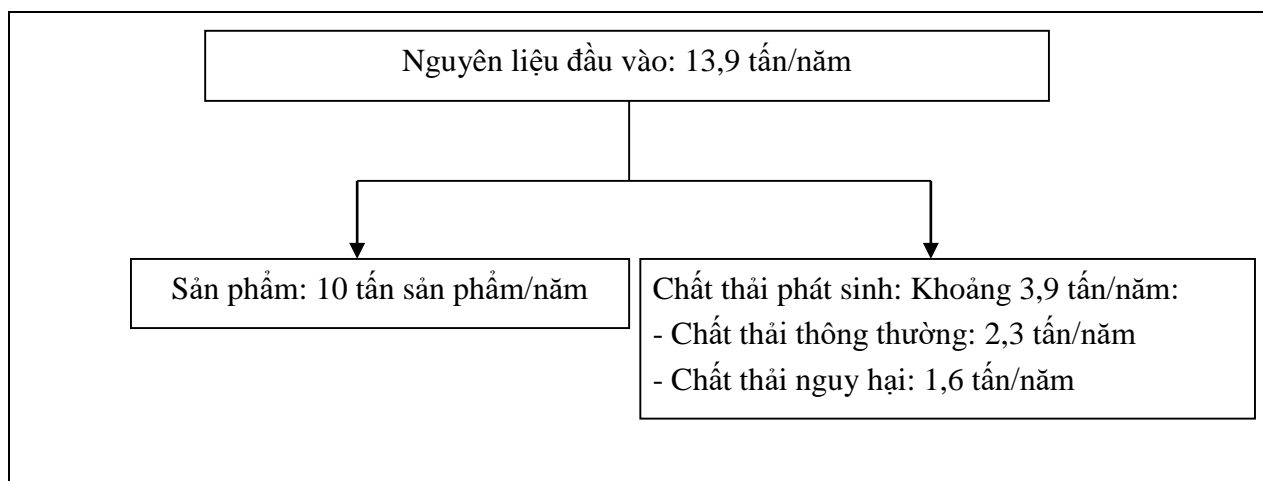
+ Chất thải công nghiệp không dính thành phần nguy hại trong quá trình sản xuất: chiếm 15% nguyên liệu sản xuất tương đương 1.300 kg/năm.

+ Vải vụn thừa ước tính tỷ lệ hao hụt khoảng 1.000 kg/năm.

+ Dung môi rửa khuôn: chiếm 0,8% hóa chất sử dụng, tương đương 20 kg/năm.

+ Bao bì cứng thải (thùng sơn, thùng hóa chất, thùng keo,...): Chiếm khoảng 0,4% hóa chất sử dụng, tương đương 1.500 kg/năm.

Bảng cân bằng vật chất được thể hiện như sau:



#### 4.2. Nguồn cung cấp điện năng

- Nguồn cung cấp điện:

+ Nguồn cung cấp điện cho hoạt động của dự án do Công ty TNHH Công nghiệp Diing JYuo Việt Nam cung cấp được lấy từ mạng lưới điện quốc gia tại KCN

Tam Phước, sau đó hạ thế thông qua trạm biến áp rồi đưa vào sử dụng cho hoạt động sản xuất và sinh hoạt tại dự án.

+ Ngoài ra, trong trường hợp cúp điện cục bộ, nguồn điện cung cấp cho dự án được lấy từ máy phát điện dự phòng của Công ty TNHH Công nghiệp Diing JYuo Việt Nam.

- Nhu cầu sử dụng điện: Ước tính nhu cầu sử dụng điện năng khi dự án đi vào hoạt động khoảng 4.454.880 Kwh/năm (Công ty không thực hiện lắp điện năng lượng mặt trời áp mái). Điện được sử dụng cho các mục đích sau:

+ Thắp sáng.

+ Hoạt động của máy móc, thiết bị.

### **4.3. Nguồn cung cấp nước**

- Nguồn cung cấp nước: Nguồn cung cấp nước tại dự án do Công ty TNHH Công nghiệp Diing JYuo Việt Nam cung cấp.

- Dự án không sử dụng nước trong hoạt động sản xuất. Bên cạnh đó, Công ty không thực hiện nấu ăn tại dự án và đặt suất ăn công nghiệp cho công nhân viên.

Do đó, nhu cầu sử dụng nước chủ yếu phục vụ cấp nước sinh hoạt cho cán bộ, công nhân viên vệ sinh cá nhân (rửa tay, vệ sinh...) tại nhà vệ sinh (đã có sẵn đường ống cấp nước do Công ty TNHH Công nghiệp Diing JYuo Việt Nam lắp đặt).

Nhu cầu sử dụng nước tại dự án như sau:

#### **(1) Nước cấp cho sinh hoạt**

Số lượng lao động dự kiến tại Dự án là 100 người. Căn cứ theo QCVN 01:2021/BXD, tiêu chuẩn cấp nước cho sinh hoạt là 80 lít/người. Nhu cầu cấp nước cho sinh hoạt là:

$$100 \text{ người} \times 80 \text{ lít/người} = 8 \text{ (m}^3\text{/ngày.đêm)}$$

#### **(2) Nước cấp cho cây xanh, phun ẩm đường nội bộ**

Dự án thuê lại xưởng của Công ty TNHH Công nghiệp Diing JYuo Việt Nam, diện tích đường cây xanh, nội bộ sử dụng chung do Công ty cho thuê xưởng quản lý. Do đó, dự án không sử dụng nước cho hoạt động này.

Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước và lượng nước thải của dự án như sau:

**Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng nước và xả thải**

TT	Mục đích sử dụng	Nhu cầu dùng nước (m <sup>3</sup> /ngày)	Nhu cầu xả thải (m <sup>3</sup> /ngày)	Ghi chú
1	Nước sinh hoạt	8,0	8,0	Chiếm 100% nước sử dụng.
<b>Tổng cộng</b>		<b>8,0</b>	<b>8,0</b>	

Như vậy, tổng nhu cầu sử dụng nước cho toàn dự án là 8 m<sup>3</sup>/ngày.đêm tương ứng nhu cầu xả thải là 8 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Toàn bộ lượng nước thải sẽ được đầu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước thải do Công ty TNHH Công nghiệp Diing JYuo Việt Nam đầu tư.

Nước thải từ nhà vệ sinh sau khi qua bể tự hoại 5 ngăn cùng với nước thải sinh hoạt từ quá trình rửa mặt, tay, chân từ xưởng 4 sau đó theo đường ống PVC, đường kính DN 200mm, dài 20m dẫn thoát vào hệ thống thu gom, thoát nước thải của Công ty TNHH Công Nghiệp Diing Jyuo Việt Nam (đơn vị cho thuê nhà xưởng) đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN theo đường ống BTCT, đường kính DN 200mm, dài 3m; sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Tam Phước tại 1 vị trí hố ga (tọa độ X: 1202185.84; Y: 410658.06) nằm trên đường số 3.

## 5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư

### 5.1. Danh mục máy móc, thiết bị sử dụng tại dự án

Các loại máy móc sử dụng cho quá trình sản xuất của dự án được trình bày trong bảng sau:

**Bảng 1.5. Danh mục máy móc, thiết bị**

STT	Danh mục thiết bị	Loại	Đơn vị tính	Số lượng	Công suất (KW/thiết bị)	Tổng công suất (KW)	Mục đích sử dụng	Tình trạng	Xuất xứ
<b>I</b>	<b>Máy móc, thiết bị sản xuất</b>								
1	Bàn in lụa	30m	m	69			In lụa	Mới 100%	Việt Nam
2	Máy Ép Cao Tầng	Đơn	Kw	12	9Kw	108Kw	Ép	Mới 100%	Trung quốc
3	Máy Ép Cao Tầng	Đôi	Kw	22	16Kw	352Kw	Ép	Mới 100%	Trung quốc Hàn Quốc

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường*

STT	Danh mục thiết bị	Loại	Đơn vị tính	Số lượng	Công suất (KW/thiết bị)	Tổng công suất (KW)	Mục đích sử dụng	Tình trạng	Xuất xứ
4	Máy Ép Cao Tầng Đứng		Kw	5	16Kw	80Kw	Ép	Mới 100%	Hàn Quốc
5	Máy Cắt	Đơn	Kw	3	3.7Kw	11.1Kw	Cắt	Mới 100%	Trung Quốc
6	Máy Cắt	TPU	Kw	1	1.5Kw	1.5Kw	Cắt	Mới 100%	Trung Quốc
7	Máy Ép Nóng/Lạnh		Kw	8	20Kw	160Kw	Ép nóng/lạnh	Mới 100%	Trung Quốc
8	Máy Ép Nóng Đơn		Kw	10	8Kw	80Kw	Ép nóng	Mới 100%	Trung Quốc
9	Máy Ép Nóng Trượt		Kw	1	15Kw	15Kw	Ép nóng	Mới 100%	Trung Quốc
<b>II</b>	<b>Máy móc, thiết bị phụ trợ khác</b>								
1	Xe Tải	Suzuki	kg	1	500Kg	500Kg	Chở Hàng	Mới 100%	Nhật Bản
2	Xe Tải	Suzuki	kg	2	705Kg	1410Kg	Chở Hàng	Mới 100%	Nhật Bản
3	Máy Nén Khí	37KW	Kw	1	37Kw	37Kw	Nén Khí	Mới 100%	Trung Quốc
4	Máy Nén Khí	22KW	Kw	2	22KW	44Kw	Nén Khí	Mới 100%	Hàn Quốc, Trung Quốc
5	Máy Sấy Khí	1Kw	Kw	3	1Kw	3Kw	Sấy Khí	Mới 100%	Hàn Quốc, Trung Quốc
6	Máy Chụp Bản	Kw	Kw	2	3Kw	6Kw	Chụp Film	Mới 100%	Trung Quốc

*(Nguồn: Công ty TNHH Moa Vina)*

## 5.2. Tiến độ thực hiện dự án

Tiến độ thực hiện dự án được trình bày trong bảng sau:

**Bảng 1.6. Tiến độ thực hiện dự án**

STT	Công việc	Tiến độ thực hiện			
		Năm 2026			
		T1 – T3	T3 – T6	T7	T8
01	Thành lập dự án	x			
02	Lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường		x		

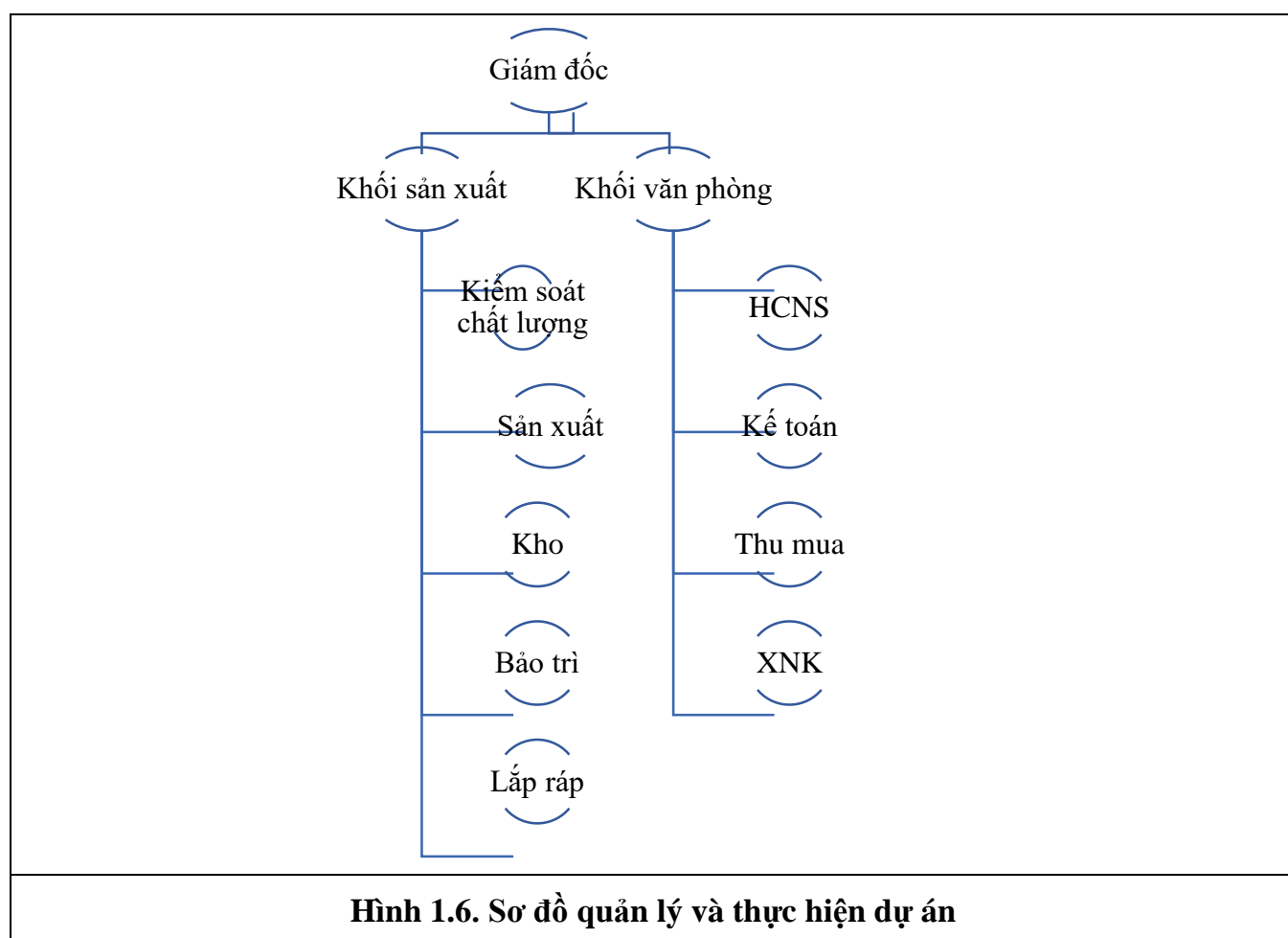
## Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Công việc	Tiến độ thực hiện			
		Năm 2026			
		T1 – T3	T3 – T6	T7	T8
03	Lắp đặt máy móc thiết bị			x	
04	Dự án đi vào vận hành chính thức				x

(Nguồn: Công ty TNHH Moa Vina)

### 5.3. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án

Tổ chức quản lý thực hiện dự án khi dự án đi vào hoạt động được mô tả trong hình sau:



### 5.4. Nhu cầu lao động

Khi dự án đi vào hoạt động, nhu cầu lao động tại dự án gồm:

- Số lượng lao động: 100 người.
- Thời gian làm việc: 1 ca/ngày tương đương 8h làm việc/1 ca, 26 ngày/tháng.

## **CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

### **1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường**

#### **1.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia**

Theo Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 05/09/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, quan điểm chỉ đạo là khuyến khích phát triển kinh tế phù hợp với đặc tính sinh thái của từng vùng, ít chất thải, cacbon thấp, hướng tới nền kinh tế xanh. Tầm nhìn của chiến lược đến năm 2030 ngăn chặn đẩy lùi xu hướng gia tăng ô nhiễm môi trường, hình thành các điều kiện cơ bản cho nền kinh tế xanh, ít chất thải, cacbon thấp vì sự thịnh vượng và phát triển bền vững đất nước.

Quy trình sản xuất của dự án có tính tự động hóa cao, máy móc thiết bị được đầu tư mới, tối ưu hóa, sử dụng chủ yếu bằng điện năng. Do đó, dự án phù hợp với khuyến khích phát triển kinh tế.

#### **Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia:**

- Quyết định số 586/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 03 tháng 7 năm 2024 về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 05/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 12/1/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia giai đoạn 2016 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định 274/QĐ-TTg năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 27/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

## **1.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường**

### **📌 Quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:**

- Quyết định số 2862/QĐ-UBND ngày 03/11/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2025.

- Quyết định số 2249/QĐ-UBND ngày 22/7/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai V/v điều chỉnh nội dung quyết định số 2862/QĐ-UBND ngày 03/11/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2025.

- Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện Chiến lược bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại các khu công nghiệp Đồng Nai.

- Kế hoạch số 5973/KH-UBND ngày 28/5/2020 về triển khai thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2020 – 2025.

- Văn bản số 12691/UBND-KTN ngày 22/10/2020 và phê duyệt đề cương, dự toán kinh phí thực hiện xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất độc trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Kế hoạch số 4611/KH-UBND ngày 04/5/2021 về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh năm 2021, trên cơ sở đó Sở Tài nguyên và Môi trường cũng đã ban hành Kế hoạch bảo vệ môi trường của Sở để triển khai thực hiện.

- Kế hoạch số 7729/KH-UBND ngày 06/7/2021 về triển khai Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Quyết định số 2728/QĐ-UBND ngày 10 tháng 08 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai V/v Ban hành kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Đồng Nai, giai đoạn 2021 – 2030 tầm nhìn đến năm 2050.

- Văn bản số 10777/UBND-KTN ngày 07/9/2021 về việc thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh.

## *Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường*

- Văn bản số 10883/UBND-KTN ngày 09/9/2021 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 1316/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Kế hoạch số 2742/KH-UBND ngày 18/3/2021 thực hiện Chương trình Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2021.

- Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2022 Kế hoạch bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2022.

- Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2015 của UBND tỉnh Đồng Nai Về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Quyết định 36/2018/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai V/v Sửa đổi bổ sung Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Điều 1 của Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

### **\* Thủ tục bảo vệ môi trường của KCN Tam Phước:**

- Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa là doanh nghiệp được thành lập để thực hiện dự án khu công nghiệp Tam Phước theo giấy chứng nhận ĐKKD số 3600964611 do Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 08/01/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 9, ngày 04 tháng 01 năm 2023.

- Giấy phép môi trường số 541/GPMT-BNNMT ngày 12/12/2025 do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp.

- Những ngành nghề thu hút đầu tư vào KCN Tam Phước được thể hiện dưới bảng sau:

**Bảng 2.1. Ngành nghề được phép thu hút đầu tư của KCN Tam Phước**

STT	Các ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành kinh tế Việt Nam
1	Sản xuất, chế biến thực phẩm	C10 (trừ C10101)
2	Sản xuất bia	C1103
3	Sản xuất mạch nha ủ men bia	C1104
4	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	C1105
5	Dệt (không bao gồm công đoạn nhuộm; bao gồm công đoạn in ấn lên sản phẩm may)	C13
6	Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	C1410
7	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú (đã qua sơ chế)	C1420

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường*

<b>STT</b>	<b>Các ngành nghề thu hút đầu tư</b>	<b>Mã ngành kinh tế Việt Nam</b>
8	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	C1430
9	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm (không bao gồm sơ chế da, thuộc da, nhuộm da)	C1512
10	Sản xuất giày, dép (không bao gồm sơ chế da, thuộc da, nhuộm da)	C1520
11	Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tét bện	C16
12	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	C1702
13	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	C1709
14	In ấn và dịch vụ liên quan đến in	C181
15	Sản xuất hóa chất cơ bản, phân bón và hợp chất ni tơ; sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (không bao gồm sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản)	C201
16	Sản xuất sản phẩm hóa chất khác	C202 (trừ C2021)
17	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu (chi tiết: sản xuất thuốc sát trùng dùng trong chăn nuôi)	C2100
18	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su (trừ sử dụng nhựa tái chế nhập khẩu)	C2219
19	Sản xuất sản phẩm từ plastic (trừ sử dụng nhựa tái chế nhập khẩu)	C2220
20	Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	C23
21	Sản xuất kim loại	C24
22	Sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng, bể chứa và nồi hơi (không bao gồm công đoạn xi mạ)	C251
23	Rèn, đập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	C2591
24	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (không bao gồm công đoạn xi mạ)	C2592
25	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng (không bao gồm công đoạn xi mạ)	C2593
26	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (không bao gồm công đoạn xi mạ, trừ Công ty TNHH Home Reen (Việt Nam), Công ty TNHH Golden, Công ty TNHH Tôn Tráng Kẽm Việt Nam)	C2599
27	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy tính và sản phẩm quang học	C26
28	Sản xuất thiết bị điện	C27

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường*

<b>STT</b>	<b>Các ngành nghề thu hút đầu tư</b>	<b>Mã ngành kinh tế Việt Nam</b>
29	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	C2817
30	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	C2822
31	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	C2825
32	Sản xuất máy chuyên dụng khác	C2829
33	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	C2930
34	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (bao gồm công đoạn in ấn trên sản phẩm)	C31
35	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	C3230
36	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	C3240
37	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	C3290
38	Sửa chữa, bảo dưỡng các sản phẩm kim loại đúc sẵn	C3311
39	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị	C3312
40	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện	C3314
41	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	C3320
42	Điện mặt trời	D35123
43	Thu gom rác thải không độc hại (chỉ áp dụng đối với Công ty Cổ phần phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa có hoạt động trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường và Công ty TNHH Đại Lam Sơn theo quy mô công suất hiện trạng và lộ trình hoạt động tuân theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, không thu hút dự án đầu tư mới)	E3811
44	Thu gom rác thải độc hại (chỉ áp dụng đối với Công ty TNHH Đại Lam Sơn, không thu hút dự án đầu tư mới)	E3812
45	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại (chỉ áp dụng đối với Công ty TNHH Đại Lam Sơn, không thu hút dự án đầu tư mới)	E3821
46	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại (chỉ áp dụng đối với Công ty TNHH Đại Lam Sơn, không thu hút dự án đầu tư mới)	E3822
47	Tái chế phế liệu	E3830
48	Xây dựng nhà các loại	F41
49	Xây dựng công trình điện	F4221
50	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	F4222
51	Xây dựng công trình công ích khác	F4229
52	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	F4299

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường*

STT	Các ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành kinh tế Việt Nam
53	Lắp đặt hệ thống điện	F4321
54	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	F4322
55	Hoàn thiện công trình xây dựng	F4330
56	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	F4390
57	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	G4641
58	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	G4653
59	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	G4659
60	Bán buôn chuyên doanh khác	G467
61	Bán buôn tổng hợp	G4690
62	Nhà hàng dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	I5610
63	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (cho thuê nhà xưởng)	M6810
64	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	N7110
65	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	N749
66	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	O7730
67	Dịch vụ đóng gói	O8292
68	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	T9610

Mục tiêu hoạt động của dự án là sản xuất, gia công chi tiết, phụ kiện cho các sản phẩm may mặc như chi tiết, phụ kiện của trang phục, nón, mũ, giày thuộc ngành nghề sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) có mã ngành C1410; Gia công thêu, in trên giày và các chi tiết, phụ kiện của chúng thuộc ngành nghề sản xuất giày, dép (không bao gồm sơ chế da, thuộc da, nhuộm da) có mã ngành C1520. Do đó, mục tiêu hoạt động của dự án hoàn toàn phù hợp với ngành nghề được phép thu hút đầu tư vào KCN.

**\* Thủ tục bảo vệ môi trường của Công ty TNHH Công nghiệp Diing JYuo Việt Nam (Bên cho thuê nhà xưởng):**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV mã số doanh nghiệp 3600525205 đăng ký lần đầu ngày 02/07/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 23/10/2024 do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường*

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9954021649, chứng nhận lần đầu ngày 02/07/2001, chứng nhận thay đổi lần thứ 5 ngày 08/02/2018 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cấp.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 543300 ngày 23/6/2016.

- Hợp đồng xử lý nước thải tại KCN Tam Phước số 28/HĐNT ngày 06/8/2008 giữa Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa và Công ty TNHH Công nghiệp Diing Jyuo Việt Nam.

- Giấy xác nhận Đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường số 187/XN-KCNĐN ngày 19/12/2019 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp cho dự án “Kinh doanh bất động sản (cho thuê nhà xưởng, nhà văn phòng và các công trình phụ trợ) với diện tích 34.995 m<sup>2</sup>” của Công ty TNHH Công nghiệp Diing JYuo Việt Nam.

- Mục tiêu của Công ty TNHH Công nghiệp Diing JYuo Việt Nam: Cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ thuê nhà xưởng, nhà kho để sản xuất – kinh doanh.

- Công suất hoạt động của Công ty TNHH Công nghiệp Diing JYuo Việt Nam:

Hiện tại, Công ty TNHH Công nghiệp Diing JYuo Việt Nam đã cho 5 đơn vị thuê xưởng với tổng diện tích 34.995 m<sup>2</sup>, cụ thể các công ty thuê xưởng như sau:

**Bảng 2.2. Danh sách Công ty thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Công nghiệp Diing JYuo Việt Nam**

STT	Hạng mục công trình	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Nhà xưởng 1 (Công ty TNHH Nhôm Alanmi)	6.864	9,11	-
2	Nhà xưởng 2 (Công ty TNHH Qing Shan)	7.488	9,94	-
3	Nhà xưởng 3 (Công ty TNHH Trang Bình)	4.608,0	6,12	-
4	Nhà xưởng 4 (Công ty TNHH Moa Vina)	7.332,0	9,73	<i>Công ty TNHH Moa Vina đang thuê</i>

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường*

<b>STT</b>	<b>Hạng mục công trình</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>	<b>Ghi chú</b>
5	Nhà xưởng 5 (Công ty CP Kỹ nghệ ván Long Việt)	6.708,0	8,91	-
6	Nhà văn phòng	930,00	1,23	-
7	Nhà bảo vệ	45,1	0,06	-
8	Nhà nghỉ trưa 1	525,0	0,70	-
9	Nhà nghỉ trưa 2	540,0	0,72	-
10	Nhà vệ sinh công nhân	51,84	0,07	-
11	Nhà nghỉ giữa ca 3	60,48	0,08	-
12	Đường nội bộ	12.456,7	16,54	-
13	Cây xanh	15.063,8	20,00	-
14	Đất dự trữ	12.646,12	16,79	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>75.319,00</b>	<b>100,0</b>	

## **2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường**

Dự án được thực hiện tại nhà xưởng cho thuê của Công ty TNHH Công nghiệp Diing JYuo Việt Nam. Đơn vị cho thuê đã đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng gồm: hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải, hệ thống cấp điện, cấp nước, hệ thống cây xanh...

### **2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với hệ thống thoát nước mưa của khu vực**

Hệ thống thu gom nước mưa xung quanh dự án đã được Công ty TNHH Công nghiệp Diing JYuo Việt Nam đầu tư hoàn thiện với cống BTCT đường kính Ø400 – Ø1.200, sau đó đấu nối vào KCN Tam Phước tại 01 vị trí hố ga với tọa độ (X: 1202178.24; Y: 410565.65).

Hệ thống thoát nước mưa của KCN Tam Phước là hệ thống thoát nước mưa riêng, đảm bảo tiêu thoát nước dễ dàng. Nước mưa được chuyển bằng hệ thống cống BTCT (D600-D2000) đặt ngầm dọc theo hai bên đường.

## **2.2. Sự phù hợp của dự án đối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải của khu vực**

Công ty TNHH Công nghiệp Diing JYuo Việt Nam đã đầu tư hoàn thiện hệ thống thu gom nước thải cho toàn cụm nhà xưởng cho thuê.

Dự án thuê lại nhà xưởng 4 trong cụm nhà xưởng cho thuê của Công ty TNHH Công nghiệp Diing JYuo Việt Nam, đã được đầu tư hoàn thiện hệ thống thu gom nước thải.

Hệ thống thu gom nước thải như sau:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh được thu gom theo đường ống PVC đường kính 200mm – 500mm về bể tự hoại 05 ngăn, cấu tạo BTCT với dung tích 45 m<sup>3</sup>, nhằm xử lý sơ bộ.

- Nước thải từ nhà vệ sinh sau khi qua bể tự hoại 5 ngăn cùng với nước thải sinh hoạt từ quá trình rửa mặt, tay, chân từ xưởng 4 sau đó theo đường ống PVC, đường kính DN 200mm, dài 20m dẫn thoát vào hệ thống thu gom, thoát nước thải của Công ty TNHH Công Nghiệp Diing Jyuo Việt Nam (đơn vị cho thuê nhà xưởng) đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN theo đường ống BTCT, đường kính DN 200mm, dài 3m; sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Tam Phước tại 1 vị trí hố ga (tọa độ X: 1202185.84; Y: 410658.06) nằm trên đường số 3.

Hệ thống thoát nước thải của KCN Tam Phước được tách riêng với hệ thống thoát nước mưa, có cấu tạo BTCT (D400-D600) đặt ngầm dọc theo hai bên đường và dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 7.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm của KCN. Năm 2025, hệ thống XLNT của KCN đã tiếp nhận và xử lý khoảng 570 m<sup>3</sup>/ngày.đêm đạt khoảng 28,50% công suất hệ thống.

## **2.3. Sự phù hợp của dự án đối với nguồn tiếp nhận khí thải**

Dự án được thực hiện tại nhà xưởng 4 cho thuê của Công ty TNHH Công nghiệp Diing JYuo Việt Nam trên đường số 3, KCN Tam Phước. Theo báo cáo quan trắc môi trường định kỳ tại KCN trong năm gần nhất, báo cáo tổng hợp quan trắc môi trường không khí trên địa bàn Thành phố Đồng Nai, chất lượng không khí tại khu vực tốt, đều đạt giới hạn cho phép khi so sánh với các quy chuẩn hiện hành.

Như vậy, môi trường không khí tại khu vực dự án vẫn còn khả năng tiếp nhận khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án.

#### **2.4. Sự phù hợp của dự án đối với nguồn tiếp nhận chất thải rắn**

Đối với CTR công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh thì dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý đúng quy định.

Ngoài ra, Đồng Nai thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, là cửa ngõ phía Đông của thành phố Hồ Chí Minh và là một trung tâm kinh tế lớn của khu vực phía Nam, nối Nam Trung Bộ, Nam Tây Nguyên với toàn bộ vùng Đông Nam Bộ. Với vị trí nằm giữa các trung tâm trọng điểm phát triển công nghiệp là thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, tỉnh Bình Dương (nay đều thuộc TP. Hồ Chí Minh); Đồng Nai có nhiều dự án, công trình trọng điểm quốc gia đã và đang được triển khai trên cơ sở các tuyến đường giao thông huyết mạch kết nối các trung tâm lớn (Quốc lộ 1, Quốc lộ 51, đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành – Dầu Giây, đường cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu, đường cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu, sân bay quốc tế Long Thành,...), mang lại lợi thế lớn về phát triển công nghiệp cho toàn tỉnh.

Như vậy, vị trí thực hiện dự án tại nhà xưởng cho thuê thuộc Công ty TNHH Công nghiệp Diing JYuo Việt Nam tại KCN Tam Phước phù hợp với các quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường; khu vực dự án vẫn còn khả năng tiếp nhận chất thải phát sinh từ dự án.

### **CHƯƠNG III. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

#### **1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật**

##### **1.1. Thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án**

###### ***a) Các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án***

Quá trình hoạt động của dự án làm phát sinh bụi, khí thải, nước thải, tiếng ồn, chất thải rắn. Do đó, hoạt động của dự án sẽ gây tác động trực tiếp đến các thành phần môi trường:

- Môi trường không khí.
- Môi trường đất.
- Môi trường nước mặt.

###### ***b) Chất lượng của các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án***

Dự án thuộc dự án đầu tư nhóm III. Do đó, báo cáo không trình bày nội dung này.

###### ***c) Số liệu, thông tin về đa dạng sinh học có thể bị tác động bởi dự án***

Dự án thuộc dự án đầu tư nhóm III. Do đó, báo cáo không trình bày nội dung này.

##### **1.2. Các đối tượng nhạy cảm về môi trường bị tác động của dự án**

###### ***a) Các đối tượng nhạy cảm về môi trường gần nhất có thể bị tác động của dự án***

Dự án được thực hiện tại nhà xưởng cho thuê thuộc Công ty TNHH Công nghiệp Diing JYuo Việt Nam tại KCN Tam Phước. Xung quanh khu vực chủ yếu là các Công ty sản xuất, đất trống của KCN.

Trong khu vực dự án không có môi trường nước tự nhiên nên báo cáo không đánh giá nội dung này.

Các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án: xung quanh dự án chủ yếu là đất trống của KCN và các Công ty sản xuất nên hoạt động của dự án không gây tác động đến các đối tượng nhạy cảm về môi trường trong khu vực.

###### ***b) Danh mục và hiện trạng các loài thực vật, động vật hoang dã, trong đó có các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài đặc hữu có trong vùng***

*có thể bị tác động do dự án; số liệu, thông tin về đa dạng sinh học biển và đất ngập nước ven biển có thể bị tác động bởi dự án.*

Dự án thuộc dự án đầu tư nhóm III. Do đó, báo cáo không trình bày nội dung này.

## **2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án**

### **2.1. Mô tả tóm tắt đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn nước tiếp nhận nước thải**

#### *a) Các yếu tố địa lý, địa hình, khí tượng khu vực tiếp nhận nước thải*

Dự án thuộc dự án đầu tư nhóm III. Do đó, báo cáo không trình bày nội dung này.

*b) Hệ thống sông suối, kênh, rạch, hồ ao khu vực tiếp nhận nước thải; chế độ thủy văn/hải văn của nguồn nước: diễn biến dòng chảy mùa lũ, mùa kiệt, thời kỳ kiệt nhất trong năm, lưu lượng dòng chảy kiệt nhất trong năm, chế độ thủy triều, hải văn*

Nước thải sau xử lý từ bể tự hoại 5 ngăn được thoát vào tuyến công thoát nước thải của KCN có đường kính D1000, chiều dài 115m, độ dốc  $i=1\%$  để dẫn vào hệ thống XLNT tập trung của KCN Tam Phước. Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột A sẽ chảy vào mương hở B600, độ dốc  $i=1,5\%$  chạy dọc đường số 2 về cửa xả nước thải sau đó vào kênh dẫn ra suối Nước Trong, sau đó chảy vào nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Đồng Nai. Như vậy, trong báo cáo này sẽ đề cập đến chế độ thủy văn nguồn nước tiếp nhận nước thải đối với sông Đồng Nai.

#### **\* Sông Đồng Nai:**

Sông Đồng Nai chảy qua các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Nông, Bình Phước, Đồng Nai, Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh với chiều dài trên 437 km và lưu vực 38.600 km<sup>2</sup>. Sông Đồng Nai đổ vào biển Đông tại khu vực huyện Cần Giờ.

Dòng chính sông Đồng Nai ở thượng nguồn còn gọi là sông Đa Dâng. Sông xuất phát từ cao nguyên Lâm Viên, uốn khúc theo chảy theo hướng Đông Bắc – Tây Nam vượt khỏi miền núi ra đến Bình Nguyên ở Tà Lài (huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai).

Sau khi gặp sông Bé, sông Đồng Nai thành ranh giới tự nhiên giữa Đồng Nai (Vĩnh Cửu) và Bình Dương (Tân Uyên). Đến phường Uyên Hưng thị xã Tân Uyên tỉnh Bình Dương thì sông Đồng Nai chảy theo hướng Bắc - Nam ôm lấy cù lao Tân Uyên và Cù Lao Phố.

Sông Đồng Nai chảy qua thành phố Biên Hòa, rồi chảy dọc theo ranh giới giữa Đồng Nai (Long Thành, Nhơn Trạch) và thành phố Hồ Chí Minh (quận 9, quận

2, quận 7, Nhà Bè, Cần Giờ), giữa Bà Rịa - Vũng Tàu (Phú Mỹ) và Thành phố Hồ Chí Minh (Cần Giờ).

Các phụ lưu chính của nó gồm sông Đa Nhim, sông Bé, sông La Ngà, sông Sài Gòn, sông Đa Hoai và sông Vàm Cỏ.

Sông Đa Nhim, góp nước vào sông Đồng Nai ở Đại Ninh. Ở khoảng hợp lưu với sông Bé thì có thủy điện Trị An chắn dòng sông, tạo nên hồ nước nhân tạo lớn nhất miền Nam, tức hồ Trị An cung cấp nước cho nhà máy thủy điện Trị An. Hồ Trị An cũng là nơi sông La Ngà từ triền núi phía nam cao nguyên Di Linh dồn nước về.

Sông Đồng Nai hòa với nước của sông Vàm Cỏ từ Long An đổ về trước khi chảy ra biển Đông.

Hai phân lưu chính của sông Đồng Nai là:

- Sông Soài Rạp đổ vào vịnh Soài Rạp tại cửa Soài Rạp (rộng 2.000 - 3.000 m, sâu 6 – 8 m) ở huyện Cần Giờ.

- Sông Lòng Tàu (sâu 15–20 m) đổ vào vịnh Gành Rái. Sông Lòng Tàu lại chia thành hai nhánh là sông Đồng Tranh và sông Ngã Bảy.

Lưu lượng dòng chảy của Sông Đồng Nai bình quân là 770,65 m<sup>3</sup>/s. Theo kết quả Quan trắc mức nước Sông Đồng Nai tại Trạm Biên Hoà mực nước cao nhất 1,59 mét và thấp nhất là -1,79 mét và trung bình là khoảng 0,23 mét so với mực nước biển.

## **2.2. Mô tả chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải: đánh giá chất lượng nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải trên cơ sở kết quả phân tích chất lượng nước nguồn tiếp nhận hoặc kết quả thu thập tài liệu, số liệu liên quan đến diễn biến chất lượng nguồn nước tiếp nhận (chỉ rõ nguồn thu thập tài liệu, số liệu)**

Nước thải phát sinh chủ yếu là nước thải sinh hoạt của công nhân. Toàn bộ nước thải sinh hoạt sẽ được thu gom và xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 5 ngăn với thể tích là 45 m<sup>3</sup>. Nước thải sau bể tự hoại sẽ chảy vào hệ thống thu gom nước thải đã được Công ty TNHH Công nghiệp Diing JYuo Việt Nam đầu tư hoàn thiện, sau đó đầu nối vào KCN Tam Phước trước khi thải vào suối Nước Trong, sau đó chảy vào nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Đồng Nai.

*\* Theo kết quả quan trắc nước thải năm 2025 do KCN Tam Phước cung cấp, nồng độ các chất ô nhiễm được thể hiện như sau:*

- Thời gian quan trắc: tháng 12 năm 2025.

- Vị trí các điểm quan trắc: Đầu vào, đầu ra của hệ thống xử lý nước thải và nước mặt suối Nước Trong.

- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 03 mẫu/đợt

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 40:2011, cột A,  $K_q=0,9$ ,  $K_f=1,0$ .

\* **Kết quả phân tích nước thải**

**Bảng 3.1. Kết quả phân tích chất lượng nước thải đầu vào (NT1)**

TT	Thông số	Đơn vị	NT1	QCVN 40:2011/BTNMT cột A $K_q=0,9$ ; $K_f=0,9$
1	pH	-	7,64	6 ÷ 9
2	Nhiệt độ	°C	33,7	40
3	Clo dư	mg/L	0,38	0,81
4	Độ màu	Pt-Co	43,4	50
5	TSS	mg/L	11,4	40,5
6	COD	mg/L	57,6	60,75
7	BOD <sub>5</sub>	mg/L	29,3	24,3
8	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/L	5,88	4,05
9	F <sup>-</sup>	mg/L	0,751	4,05
10	S <sup>2-</sup>	mg/L	KPH (MDL=0,03)	0,162
11	Tổng Nito	mg/L	19,9	16,2
12	Tổng Phosphor	mg/L	1,33	3,24
13	Fe	mg/L	0,23	0,81
14	CN <sup>-</sup>	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,0567
15	Coliform	MPN/100mL	13×10 <sup>3</sup>	3.000
16	Pb	mg/L	KPH (MDL=0,0015)	0,081
17	Crom (III) (Cr <sup>3+</sup> )	mg/L	KPH (MDL=0,025)	0,162
18	Polyclobiphenyl (PCBs)	mg/L		0,00243
	PCB 52	mg/L	KPH (MDL=0,0001)	
	PCB 101	mg/L	KPH (MDL=0,0001)	
	PCB 138	mg/L	KPH	

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường*

			(MDL=0,0001)	
	PCB 153	mg/L	KPH (MDL=0,0001)	
	PCB 180	mg/L	KPH (MDL=0,0001)	
19	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (MDL=1)	4,05
20	Tổng Phenol	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,081
21	As	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,0405
22	Cu	mg/L	KPH (MDL=0,03)	1,62
23	Zn	mg/L	<0,12	2,43
24	Mn	mg/L	0,09	0,405
25	Ni	mg/L	<0,12	0,162
26	Crom VI (Cr <sup>6+</sup> )	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,0405
27	Hg	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,00405
28	Cd	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,0405
29	Tổng hóa chất BVTV Clo hữu cơ	mg/L		0,0405
	Aldrin	mg/L	KPH (MDL=0,000005)	
	Gamma-BHC (Lindane)	mg/L	KPH (MDL=0,000005)	
	Dieldrin	mg/L	KPH (MDL=0,000005)	
	4,4-DDD	mg/L	KPH (MDL=0,000005)	
	4,4 - DDE	mg/L	KPH (MDL=0,000005)	
	4,4 - DDT	mg/L	KPH (MDL=0,000005)	
	Heptachlor	mg/L	KPH (MDL=0,000005)	
	Heptachlor Epoxide	mg/L	KPH (MDL=0,000005)	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

30	Tổng hóa chất BVTV Phospho hữu cơ	mg/L		0,243
	Dimethoate	mg/L	KPH (MDL=0,00002)	
	Diazinon	mg/L	KPH (MDL=0,00002)	
	Parathion - ethyl (Parathion)	mg/L	KPH (MDL=0,00002)	
	Disulfoton	mg/L	KPH (MDL=0,00002)	
	Parathion - methyl	mg/L	KPH (MDL=0,00002)	

(Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của KCN Tam Phước, 2025)

**Bảng 3.2. Kết quả phân tích chất lượng nước thải đầu ra (NT2)**

TT	Thông số	Đơn vị	NT2	QCVN 40:2011/BTNMT cột A K <sub>q</sub> =0,9; K <sub>f</sub> =0,9
1	pH	-	6,88	6 ÷ 9
2	Nhiệt độ	°C	31,5	40
3	Clo dư	mg/L	0,19	0,81
4	Độ màu	Pt-Co	14,5	50
5	TSS	mg/L	KPH (MDL=3)	40,5
6	COD	mg/L	<9,6	60,75
7	BOD <sub>5</sub>	mg/L	KPH (MDL=1)	24,3
8	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/L	KPH (MDL=1)	4,05
9	F <sup>-</sup>	mg/L	0,735	4,05
10	S <sup>2-</sup>	mg/L	KPH (MDL=0,03)	0,162
11	Tổng Nito	mg/L	<6	16,2
12	Tổng Phosphor	mg/L	1,06	3,24
13	Fe	mg/L	<0,105	0,81
14	CN <sup>-</sup>	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,0567
15	Coliform	MPN/100mL	94	3.000
16	Pb	mg/L	KPH (MDL=0,0015)	0,081
17	Crom (III) (Cr <sup>3+</sup> )	mg/L	KPH (MDL=0,025)	0,162
18	Polyclobiphenyl (PCBs)	mg/L	-	0,00243
	PCB 52	mg/L	KPH (MDL=0,00001)	
	PCB 101	mg/L	KPH (MDL=0,00001)	

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường*

	PCB 138	mg/L	KPH (MDL=0,00001)	
	PCB 153	mg/L	KPH (MDL=0,00001)	
	PCB 180	mg/L	KPH (MDL=0,00001)	
19	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (MDL=1)	4,05
20	Tổng Phenol	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,081
21	As	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,0405
22	Cu	mg/L	KPH (MDL=0,03)	1,62
23	Zn	mg/L	<0,12	2,43
24	Mn	mg/L	0,08	0,405
25	Ni	mg/L	KPH (MDL=0,04)	0,162
26	Crom VI (Cr <sup>6+</sup> )	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,0405
27	Hg	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	0,00405
28	Cd	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,0405
29	Tổng hóa chất BVTV Clo hữu cơ	mg/L	-	0,0405
	Aldrin	mg/L	KPH (MDL=0,000005)	
	Gamma-BHC (Lindane)	mg/L	KPH (MDL=0,000005)	
	Dieldrin	mg/L	KPH (MDL=0,000005)	
	4,4-DDD	mg/L	KPH (MDL=0,000005)	
	4,4 - DDE	mg/L	KPH (MDL=0,000005)	
	4,4 - DDT	mg/L	KPH (MDL=0,000005)	
	Heptachlor	mg/L	KPH (MDL=0,000005)	
	Heptachlor Epoxide	mg/L	KPH (MDL=0,000005)	
30	Tổng hóa chất BVTV Phospho hữu cơ	mg/L		0,243
	Dimethoate	mg/L	KPH (MDL=0,00002)	
	Diazinon	mg/L	KPH (MDL=0,00002)	
	Parathion - ethyl (Parathion)	mg/L	KPH (MDL=0,00002)	
	Disulfoton	mg/L	KPH (MDL=0,00002)	
	Parathion - methyl	mg/L	KPH (MDL=0,00002)	

(Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của KCN Tam Phước, 2025)

**\* Nhận xét**

Qua kết quả phân tích chất lượng nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải cho thấy tất cả các thông số đều đạt quy chuẩn quy định QCVN 40:2011/BTNMT, cột A.

**Bảng 3.3. Kết quả phân tích chất lượng nước mặt thượng nguồn, hạ nguồn suối Nước Trong**

TT	Thông số	Đơn vị	Nước mặt suối Nước Trong	
			Thượng nguồn	Hạ nguồn
1	TOC	mg/L	6,4	3
2	pH	-	6,72	6,74
3	DO	mg/L	5,2	5,9
4	TSS	mg/L	10	30
5	COD	mg/L	46,4	19,2
6	BOD <sub>5</sub>	mg/L	15,3	6,3
7	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/L	1,5	1,26
8	Cl <sup>-</sup>	mg/L	66,9	26,1
9	F <sup>-</sup>	mg/L	0,487	KPH (MDL=0,05)
10	Nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> tính theo N)	mg/L	0,22	0,09
11	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> tính theo N)	mg/L	7,3	7,06
12	Phosphate (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> tính theo P)	mg/L	0,09	0,08
13	CN <sup>-</sup>	mg/L	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)
14	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)
15	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	KPH (MDL=0,02)	KPH (MDL=0,02)
16	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)
17	Tổng dầu mỡ	mg/L	KPH (MDL=1)	KPH (MDL=1)
18	Tổng Phenol	mg/L	KPH	KPH

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

TT	Thông số	Đơn vị	Nước mặt suối Nước Trong	
			Thượng nguồn	Hạ nguồn
			(MDL=0,001)	(MDL=0,001)
19	Escherichia coli	MPN/100mL	40	21
20	Coliform	MPN/100mL	790	700
	Aldrin	µg/L	KPH (MDL=0,005)	KPH (MDL=0,005)
	Dieldrin	µg/L	KPH (MDL=0,005)	KPH (MDL=0,005)
	Tổng BHC	µg/L	KPH (MDL=0,005)	KPH (MDL=0,005)
	Fe	mg/L	0,4	1,17
	As	mg/L	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)
	Cu	mg/L	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)
	Zn	mg/L	<0,12	KPH (MDL=0,04)
	Mn	mg/L	<0,075	<0,075
	Crom VI (Cr <sup>6+</sup> )	mg/L	KPH (MDL=0,003)	KPH (MDL=0,003)
	Hg	mg/L	KPH (MDL=0,00025)	KPH (MDL=0,00025)
	Ni	mg/L	<0,0075	<0,0075
	Pb	mg/L	KPH (MDL=0,0015)	0,008
	Cd	mg/L	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)
	Cr	mg/L	0,008	0,011
	Tổng DDT (C <sub>14</sub> H <sub>9</sub> Cl <sub>5</sub> )	µg/L	KPH (MDL=0,005)	KPH (MDL=0,005)
	Heptachlor & Heptachlor Epoxide	µg/L	KPH (MDL=0,005)	KPH (MDL=0,005)

## Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

TT	Thông số	Đơn vị	Nước mặt suối Nước Trong	
			Thượng nguồn	Hạ nguồn
	(C <sub>10</sub> H <sub>5</sub> Cl <sub>17</sub> & C <sub>10</sub> H <sub>5</sub> Cl <sub>7</sub> O)			

(Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của KCN Tam Phước, 2025)

### \* **Kết luận**

Dựa vào kết quả phân tích ta thấy tất cả thông số quan trắc đều đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A.

Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN đang áp dụng xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi xả thải vào môi trường.

Do đó, hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp vẫn còn khả năng tiếp nhận nước thải của công ty sau khi dự án đi vào hoạt động.

### **2.3. Mô tả các hoạt động khai thác, sử dụng nước tại khu vực tiếp nhận nước thải**

Dự án thuộc dự án đầu tư nhóm III. Do đó, báo cáo không trình bày nội dung này.

### **2.4. Mô tả hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải**

Dự án thuộc dự án đầu tư nhóm III. Do đó, báo cáo không trình bày nội dung này.

## **3. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án**

### **3.1. Kết quả đo đạc, lấy mẫu phân tích, đánh giá hiện trạng môi trường khu vực tiếp nhận các loại chất thải của dự án**

Dự án thuộc nhóm C. Căn cứ theo điểm c Khoản 2 Điều 9, Thông tư 09/2026/TT-BTNMT dự án thuộc danh mục trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung nên không đánh giá hiện trạng môi trường nơi thực hiện dự án đầu tư.

### **3.2. Đánh giá được hiện trạng các thành phần môi trường khu vực dự án trước khi triển khai xây dựng**

Dự án thuộc dự án đầu tư nhóm III. Do đó, báo cáo không trình bày nội dung này.

## **CHƯƠNG IV. ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Việc thực hiện dự án sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến môi trường bên trong và bên ngoài khu vực dự án ở các mức độ khác nhau. Một số tác động ở mức độ không đáng kể, mang tính tạm thời. Bên cạnh đó, một số tác động khác nhau mang tính chất thường xuyên trong suốt quá trình hoạt động của dự án.

Công ty TNHH Moa Vina sẽ thuê lại nhà xưởng của Công ty TNHH Công nghiệp Diing JYuo Việt Nam và tiến hành lắp đặt máy móc thiết bị để phục vụ cho quá trình hoạt động của dự án.

Nhà xưởng đã được Công ty TNHH Công nghiệp Diing JYuo Việt Nam đầu tư hoàn thiện. Do đó, dự án chỉ đánh giá các tác động tiêu cực đến môi trường theo 02 giai đoạn, gồm:

- Giai đoạn thi công lắp đặt máy móc, thiết bị:
- + Hoạt động vận chuyển máy móc, thiết bị.
- + Hoạt động của công nhân thi công.
- + Hoạt động lắp đặt máy móc, thiết bị.
- Giai đoạn vận hành.

### **1. Đánh giá, dự báo tác động môi trường**

Dự án đầu tư nhóm III không phải thực hiện đánh giá quy định tại Mục 1 Chương này.

### **2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường**

#### **2.1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án**

##### **a) Về nước thải**

- *Nguồn phát sinh:*

Nước thải phát sinh chủ yếu là nước thải sinh hoạt của công nhân. Dự kiến số lượng công nhân tham gia trong giai đoạn lắp đặt máy móc tại dự án khoảng 10 người, thời gian thi công khoảng 20 ngày.

Theo QCVN 01:2021/BXD, tiêu chuẩn cấp nước cho sinh hoạt khoảng 80 lít nước/người.ngày. Tổng lượng nước sử dụng cho sinh hoạt là:

$$10 \text{ người} \times 80 \text{ l/người.ngày} = 0,8 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

Lưu lượng nước thải sinh hoạt tính bằng 100% lượng nước sử dụng, tương đương 0,8 m<sup>3</sup>/ ngày.

*- Biện pháp giảm thiểu:*

Để đảm bảo nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân trong quá trình thi công xây dựng không gây tác động xấu đến chất lượng môi trường, chủ dự án sẽ thực hiện một số các biện pháp sau:

- Sử dụng nhà vệ sinh hiện hữu của dự án đã được đơn vị cho thuê đầu tư hoàn thiện. Nước thải phát sinh sẽ được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 05 ngăn, sau đó chảy vào hố ga dọc hệ thống thu gom nước thải xung quanh dự án đã được Công ty TNHH Công nghiệp Diing JYuo Việt Nam đầu tư hoàn thiện với ống HDPE đường kính Ø200 – Ø500, sau đó đấu nối vào KCN Tam Phước tại 01 vị trí trên đường số 3.

- Nước thải từ nhà vệ sinh sau khi qua bể tự hoại 5 ngăn cùng với nước thải sinh hoạt từ quá trình rửa mặt, tay, chân từ xưởng 4 sau đó theo đường ống PVC, đường kính DN 200mm, dài 20m dẫn thoát vào hệ thống thu gom, thoát nước thải của Công ty TNHH Công Nghiệp Diing Jyuo Việt Nam (đơn vị cho thuê nhà xưởng) đấu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN theo đường ống BTCT, đường kính DN 200mm, dài 3m; sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Tam Phước tại 1 vị trí hố ga (tọa độ X: 1202185.84; Y: 410658.06) nằm trên đường số 3.

- Quy định nội quy cho công nhân tại công trường không được phóng uế bừa bãi tại công trường xây dựng Dự án.

**b) Về bụi, khí thải**

*\* Bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển máy móc thiết bị, từ phương tiện đi lại của công nhân thi công*

Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông và các máy móc thi công hoạt động trong khu vực dự án là nguồn ô nhiễm phân tán và rất khó kiểm soát. Để hạn chế các nguồn ô nhiễm trên, Chủ dự án và đơn vị thi công sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Các phương tiện giao thông vận tải và các máy móc thi công cơ giới phải sử dụng đúng với thiết kế của động cơ, không hoạt động quá công suất thiết kế.

- Các xe vận chuyển không chở quá 90% thể tích của thùng xe và được bao phủ kín khi vận chuyển, đảm bảo không để tình trạng rơi vãi trên đường vận chuyển.

- Các phương tiện đi vào khu vực dự án phải đậu đúng vị trí, tắt máy xe và sau khi bốc dỡ các loại nguyên vật liệu xây dựng xong mới được nổ máy ra khỏi khu vực.

- Quy định chế độ xe ra vào khu vực hợp lý.

- Tài xế lái xe tuân thủ các quy định luật giao thông nhằm tránh ùn tắc, an toàn khi di chuyển.

- Các phương tiện sử dụng trong vận chuyển và thi công xây dựng đạt tiêu chuẩn của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

**\* *Bụi từ quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị***

Các máy móc, thiết bị phục vụ dự án đã được thiết kế, gia công hoàn thiện sẵn sàng (bao gồm các công đoạn kết nối và sơn). Dự án chỉ tiếp nhận và bắt vít kết nối bổ sung các máy móc, thiết bị khi bố trí trên nền nhà xưởng hiện hữu. Do đó, tải lượng bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn lắp đặt máy móc thiết bị là không cao, phát sinh trong khoảng thời gian ngắn và chỉ ảnh hưởng cục bộ đến công nhân làm việc tại công đoạn này. Để hạn chế ô nhiễm từ quá trình này, Chủ dự án và đơn vị thi công sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Thực hiện biện pháp che chắn xung quanh khu vực lắp đặt máy móc, thiết bị nhằm ngăn ngừa bụi và khí thải phát tán ra môi trường xung quanh.

- Dùng quạt để làm thoáng không khí từ khu vực gia công nhằm tránh khí thải tập trung ảnh hưởng đến công nhân.

- Trang bị các phương tiện bảo hộ cá nhân phù hợp như: nón bảo hộ, khẩu trang, mắt kính, găng tay da... nhằm hạn chế các ảnh hưởng xấu đối với công nhân thi công.

**\* *Giảm thiểu ô nhiễm do quá trình hàn, cắt cơ khí***

Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn, cắt là không cao, phát sinh trong khoảng thời gian ngắn và chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân làm việc tại công đoạn này. Để hạn chế ô nhiễm từ quá trình này, Chủ dự án và đơn vị thi công sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Trang bị các phương tiện bảo hộ cá nhân phù hợp như: nón bảo hộ, mặt nạ hàn, mắt kính, găng tay da, yếm da... nhằm hạn chế các ảnh hưởng xấu đối với công nhân hàn.

- Thông thoáng khu vực gia công hàn, cắt nhằm tránh khí thải tập trung ảnh hưởng đến công nhân hàn.

- Các biện pháp trên sẽ được thực hiện trong suốt quá trình lắp đặt máy móc thiết bị của Dự án.

### **c) Về chất thải rắn sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại**

#### **❖ Chất thải rắn sinh hoạt**

Ước tính khoảng 5 kg/ngày, chủ yếu là thức ăn thừa, rác vô cơ vỏ chai, hộp đựng thức ăn,...

Các biện pháp giảm thiểu tác động của chất thải rắn sinh hoạt bao gồm:

- Bố trí các thùng rác có dung tích 120 lít, có nắp đậy, có bánh xe ở bên trong nhà xưởng và dọc đường nội bộ của dự án để thu gom, lưu giữ chất thải sinh hoạt của công nhân.

- Các thùng chứa được lót bên trong bằng túi nylon để tiện thu gom. Chất thải sau khi thu gom sẽ được bảo quản cẩn thận, không để xảy ra tình trạng các thùng chứa chất thải bị phân hủy bởi nước mưa và ánh sáng mặt trời (đặc biệt là đối với một số loại chất thải có khả năng gây ô nhiễm đất, hoặc đối với những chất thải có thành phần dễ hòa tan trong nước hay dễ phân hủy, từ đó làm ô nhiễm nguồn nước mặt).

- Nhắc nhở công nhân bỏ rác đúng nơi quy định, không vứt rác bừa bãi trên công trường.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển đưa đi xử lý theo đúng quy định.

#### **❖ Chất thải rắn công nghiệp**

Chất thải xây dựng: Ước tính khoảng 30 kg/thời gian thi công, bao gồm sắt thép vụn, đinh, vít, nhựa vụn,....

Đối với các loại chất thải này, nhà thầu tận thu để sử dụng lại hoặc bán cho các đơn vị có nhu cầu.

#### **❖ Chất thải nguy hại**

Chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn thi công, lắp đặt máy móc, thiết bị khoảng 5 kg gồm có dầu nhớt đã qua sử dụng, giẻ lau dính dầu, bóng đèn, thùng chứa dầu nhớt,... được phân loại và thu gom vào các thùng có nắp đậy dung tích 50 lít, đối

với nhót thải thu gom vào thùng phuy 100 lít có nắp đậy và chứa vào khu vực lưu chứa chất thải tạm thời tại khu vực dự kiến bố trí làm khu lưu chứa chất thải khi dự án đi vào hoạt động. Nhà thầu sẽ hợp đồng với các đơn vị có chức năng để xử lý chất những chất thải này trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị.

Khu vực lưu chứa độ cao nền đảm bảo không bị ngập lụt; mặt sàn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, sàn bảo đảm kín khít, không rạn nứt, bằng vật liệu chống thấm, chịu ăn mòn, không có khả năng phản ứng hóa học với chất thải nguy hại, tường và vách ngăn bằng vật liệu không cháy; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải nguy hại bằng vật liệu không cháy, có dán các bảng phân khu vực, trang bị các thùng chứa riêng cho từng loại chất thải.

Dự án lưu giữ chất thải nguy hại theo quy định đồng thời tiến hành hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định theo hướng dẫn của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ; Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính Phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025; Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

#### **d) Về tiếng ồn, độ rung**

Để giảm thiểu tác động của tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của các thiết bị, máy móc thi công, các biện pháp sau đây sẽ được thực hiện:

- Các máy móc, thiết bị thi công có xuất xứ kèm theo và được kiểm tra, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật.
- Thực hiện kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng, cho dầu mỡ bôi trơn trong quá trình sử dụng các máy, móc thiết bị tại công trường.
- Bố trí các máy móc thiết bị làm việc ở những khoảng cách hợp lý, tránh tập trung tiếng ồn trong khu vực.
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc trong công trường. Đồng thời, giám sát chặt chẽ và nhắc nhở việc thực hiện các nội quy về an toàn lao động của tất cả công nhân.

#### **đ) Các biện pháp bảo vệ môi trường khác**

*\* Nước mưa chảy tràn*

Do dự án được triển khai trong nhà xưởng cho thuê của Công ty TNHH Công Nghiệp Diing Jyuo Việt Nam, đã được đầu tư hoàn thiện hệ thống thoát nước mưa hoàn chỉnh, đồng bộ nên khả năng ngập úng và nước mưa chảy tràn lôi cuốn chất thải gây ô nhiễm môi trường là không thể xảy ra. Công ty chỉ duy trì các biện pháp phòng chống ngập úng và giảm thiểu ô nhiễm môi trường hiện hữu được áp dụng như sau:

- Quản lý tốt chất thải phát sinh tại khu vực nhằm hạn chế tình trạng rơi vãi xuống đường thoát nước mưa gây tắc nghẽn dòng chảy và gây ô nhiễm môi trường.
- Cử nhân viên thu dọn vật liệu rơi vãi sau mỗi ngày làm việc.
- Kịp thời thay thế các nắp hố ga bị bể (trong trường hợp do quá trình thi công gây ra) để hạn chế khả năng chất thải rơi xuống hố ga.
- Yêu cầu công nhân không được xả rác bừa bãi để tránh tình trạng rác thải bị lôi cuốn vào tuyến thoát nước mưa.

## 2.2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

Các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực mà quá trình hoạt động của dự án có thể gây ra được trình bày trong bảng sau:

**Bảng 4.1. Các nguồn gây tác động xấu và biện pháp giảm thiểu tương ứng trong giai đoạn vận hành**

Khi dự án đi vào hoạt động	Biện pháp giảm thiểu tương ứng
<b>1. Nước thải</b>	
Nước thải sinh hoạt	Công ty TNHH Công Nghiệp Diing Jyuo Việt Nam đã đầu tư hoàn thiện hệ thống thu gom nước thải: <ul style="list-style-type: none"><li>- Nước thải sinh hoạt sẽ được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 5 ngăn, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom chung của đơn vị cho thuê để đầu nối vào KCN.</li><li>- Công ty TNHH Công Nghiệp Diing Jyuo Việt Nam sẽ chịu trách nhiệm việc đầu nối nước thải vào KCN.</li></ul>
Nước mưa chảy tràn	Công ty TNHH Công Nghiệp Diing Jyuo Việt Nam đã đầu tư hoàn thiện hệ thống thu gom nước mưa: <ul style="list-style-type: none"><li>- Tách riêng với hệ thống thoát nước thải.</li><li>- Thu gom sau đó đầu nối vào KCN.</li><li>- Công ty TNHH Công Nghiệp Diing Jyuo Việt Nam sẽ chịu trách nhiệm việc đầu nối nước mưa vào KCN</li></ul>
<b>2. Bụi và khí thải</b>	
Bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển	<ul style="list-style-type: none"><li>- Kiểm tra, bảo dưỡng thường xuyên các phương tiện vận tải.</li></ul>

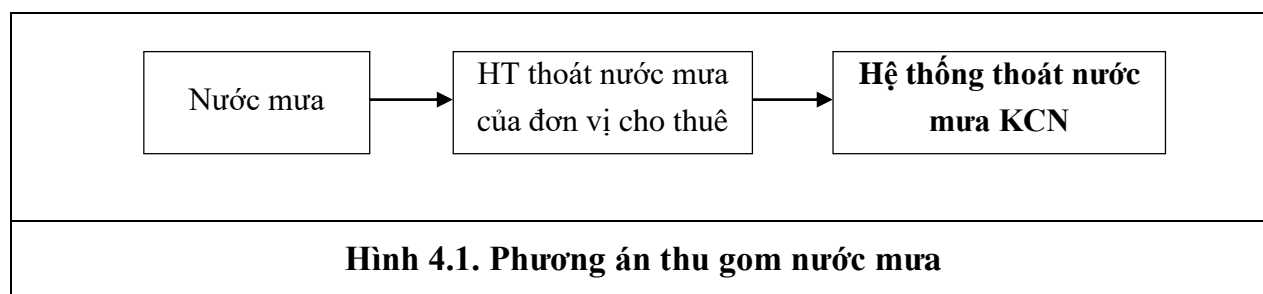
*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường*

<b>Khi dự án đi vào hoạt động</b>	<b>Biện pháp giảm thiểu tương ứng</b>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp.</li> <li>- Bố trí, sắp xếp thời gian vận chuyển hợp lý.</li> <li>- Giảm tốc độ khi ra vào dự án, tắt máy trong quá trình bốc dỡ hàng.</li> </ul>
Bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quét dọn, thu hồi lượng bụi rơi vãi quanh khu vực phát sinh thường xuyên bằng các máy hút bụi công nghiệp. Phần bụi phát sinh này được thu gom như chất thải rắn thông thường và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định hiện hành;</li> <li>- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nhằm giảm thiểu phát sinh bụi, khí thải trong quá trình hoạt động.</li> </ul>
Tiếng ồn từ quá trình hoạt động của thiết bị	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng thường xuyên các máy móc, thiết bị, lắp đặt thiết bị giảm ồn.</li> </ul>
<b>3. Chất thải rắn</b>	
Chất thải sinh hoạt của công nhân viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân loại tại nguồn, lưu giữ theo đúng quy định.</li> <li>- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.</li> </ul>
Chất thải rắn sản xuất	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân loại, thu gom và lưu giữ theo đúng quy định.</li> <li>- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.</li> </ul>
Chất thải nguy hại: bóng đèn Led thải; pin, ắc quy chì thải; thiết bị, dây điện,...	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân loại, thu gom và lưu giữ CTNH đúng quy định.</li> <li>- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.</li> <li>- Thực hiện quản lý và báo cáo tình hình phát sinh CTNH đúng quy định.</li> </ul>

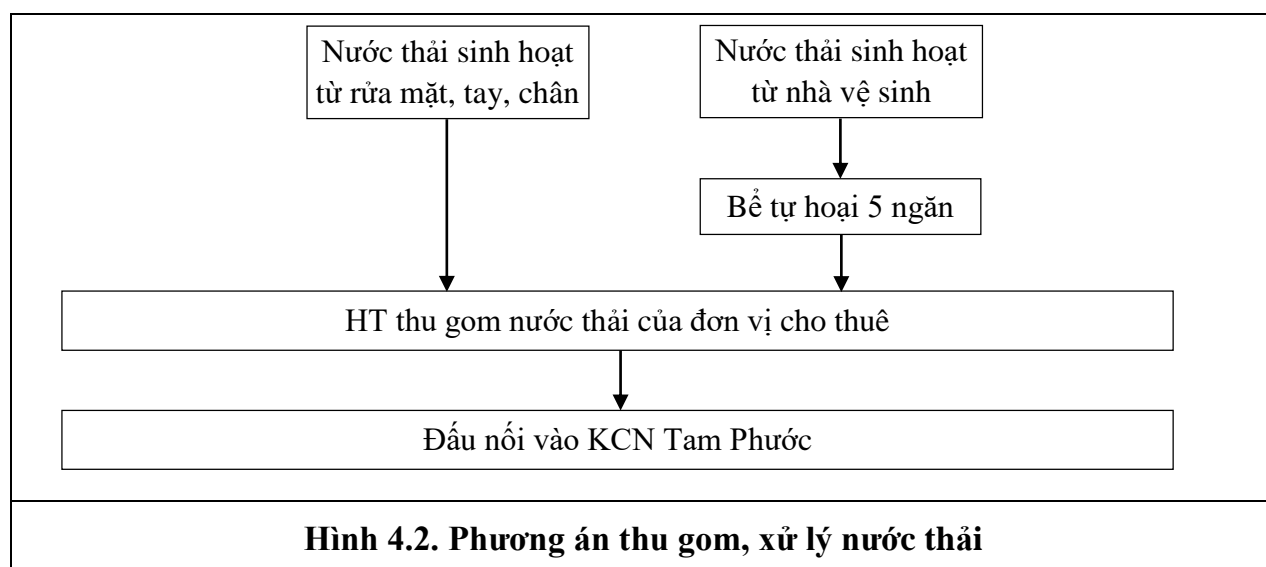
**a) Về công trình, biện pháp xử lý nước thải**

*\* Phương án xử lý và thoát nước chung hiện hữu của Công ty*

Phương án thu gom, xử lý nước mưa, nước thải của dự án được thể hiện trong hình sau:



## Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường



**Hình 4.2. Phương án thu gom, xử lý nước thải**

Công ty TNHH Moa Vina đã thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Công Nghiệp Diing Jyuo Việt Nam. Nhà xưởng đã được xây dựng hoàn thiện hệ thống thu gom nước mưa và hệ thống thu gom nước thải, sau đó đầu nối vào KCN. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải được bố trí như sau:

### **\* Công trình thu gom, xử lý nước mưa**

+ Nước mưa trên mái nhà xưởng được thu gom theo ống đứng bằng nhựa uPVC D90mm dẫn vào hệ thống thoát nước chung của Công ty TNHH Công Nghiệp Diing Jyuo Việt Nam.

+ Nước mưa chảy tràn được chảy theo độ dốc địa hình về các hố ga nước mưa bố trí dọc hệ thống thu gom nước mưa có cấu tạo BTCT, kích thước 1.000 x 1000.

Nước mưa trên mái nhà xưởng và nước mưa chảy tràn được thu gom về hệ thống thu gom nước mưa của đơn vị cho thuê xưởng (Công ty TNHH Công Nghiệp Diing Jyuo Việt Nam). Hệ thống thu gom nước mưa là đường ống D300, D400, D600, D800, D1.000, D1.200 trước khi đầu nối về hệ thống thoát nước của KCN Tam Phước tại 01 vị trí trên đường số 3.

Công ty TNHH Công Nghiệp Diing Jyuo Việt Nam sẽ chịu trách nhiệm về việc đầu nối nước mưa vào KCN.

### **\* Công trình thu gom, xử lý nước thải**

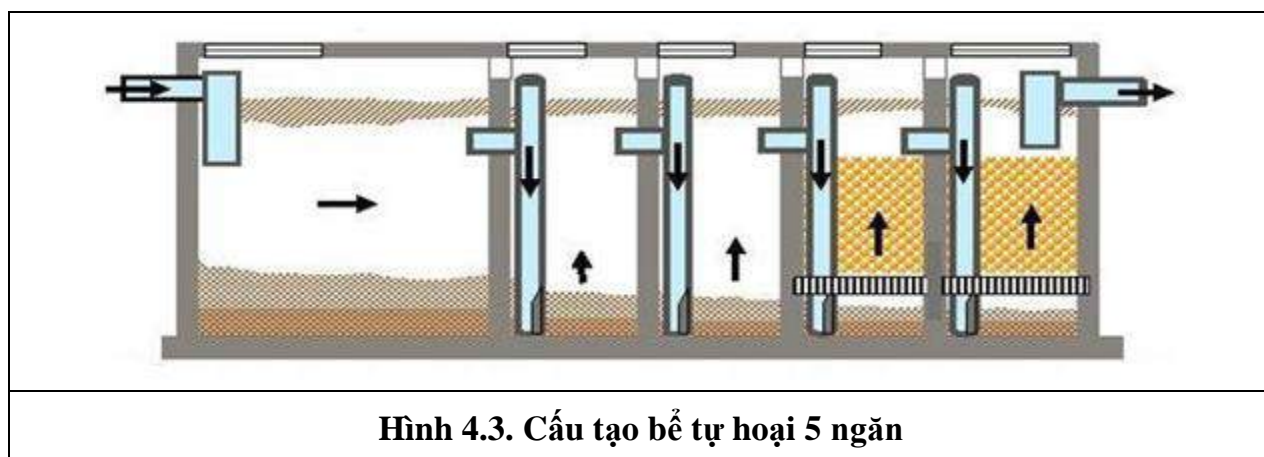
Dự án thuê lại nhà xưởng 4 trong cụm nhà xưởng cho thuê của Công ty TNHH Công Nghiệp Diing Jyuo Việt Nam, đã được đầu tư hoàn thiện hệ thống thu gom nước thải.

Hệ thống thu gom nước thải như sau:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh được thu gom theo đường ống PVC đường kính 200mm – 500mm về bể tự hoại 05 ngăn, cấu tạo BTCT với dung tích 45 m<sup>3</sup>, nhằm xử lý sơ bộ.

Nước thải từ nhà vệ sinh sau khi qua bể tự hoại 5 ngăn cùng với nước thải sinh hoạt từ quá trình rửa mặt, tay, chân từ xưởng 4 sau đó theo đường ống PVC, đường kính DN 200mm, dài 20m dẫn thoát vào hệ thống thu gom, thoát nước thải của Công ty TNHH Công Nghiệp Diing Jyuo Việt Nam (đơn vị cho thuê nhà xưởng) đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN theo đường ống BTCT, đường kính DN 200mm, dài 3m; sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Tam Phước tại 1 vị trí hố ga (tọa độ X: 1202185.84; Y: 410658.06) nằm trên đường số 3.

Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 5 ngăn như sau:



**Hình 4.3. Cấu tạo bể tự hoại 5 ngăn**

***Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại được thể hiện như sau:***

Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh đi vào hầm tự hoại 05 ngăn và vào ngăn chứa lớn nhất của bể đóng vai trò là ngăn lắng và lên men kỵ khí, đồng thời điều hòa lưu lượng và nồng độ chất ô nhiễm có trong nước thải.

Nhờ các vách ngăn hướng dòng, ở những ngăn tiếp theo, nước thải chuyển động theo chiều từ dưới lên trên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành ở đáy bể trong điều kiện động, các chất ô nhiễm hữu cơ được các vi sinh vật hấp thụ và chuyển hóa, làm nguồn dinh dưỡng cho sự phát triển của chúng. Cũng nhờ có các ngăn này, công trình bể tự hoại trở thành một dãy bể phản ứng kỵ khí được bố trí nối tiếp, cho phép tách riêng 02 pha (lên men axit và lên men kiềm). Quần thể vi sinh vật trong từng ngăn sẽ khác nhau và có điều kiện phát triển thuận lợi. Ở ngăn đầu, các vi khuẩn tạo acid sẽ chiếm ưu thế, trong khi ở những ngăn sau, các vi khuẩn

sinh metan (lên men kiềm) sẽ là chủ yếu. Với nhiều vách ngăn, bể giúp tăng thời gian lưu bùn, nhờ vậy hiệu suất xử lý tăng trong khi lượng bùn cần xử lý lại giảm.

Tại 02 ngăn lọc cuối cùng của bể các vi sinh vật kỵ khí sống nhờ dính bám vào bề mặt các hạt vật liệu lọc sẽ ngăn chặn lơ lửng trôi ra theo với nước làm sạch nước thải.

Nước thải sau khi qua bể tự hoại 05 ngăn có hiệu suất xử lý như sau:

- Hiệu quả xử lý chất rắn lơ lửng SS đạt 75% - 95%
- Hiệu quả xử lý COD đạt 75 – 90%
- Hiệu quả xử lý BOD<sub>5</sub> đạt 71 – 85%

#### **Tính toán thể tích bể tự hoại**

Thể tích bể tự hoại được tính theo công thức sau:  $W = W_n + W_b$

Trong đó:

+  $W_n$ : thể tích nước thải vào bể tự hoại trong 1 ngày là  $4,8 \text{ m}^3/\text{ngày}$ , tính 60% tổng lượng nước thải sinh hoạt.

+  $W_b$ : thể tích phân bùn  $W_b = a \times N \times t \times (100 - P_1) \times 0,7 \times 1,2 \times (100 - P_2)/100.000$

Trong đó:

a: Tiêu chuẩn cặn lắng cho một người,  $a = 0,4 - 0,5 \text{ lít/ngày.đêm}$

N: Số công nhân viên của dự án,  $N = 100 \text{ người}$

t: Thời gian tích lũy cặn trong bể tự hoại,  $t = 90 - 365 \text{ ngày}$ . Chọn  $t=180 \text{ ngày}$ .

0,7: Hệ số tính đến 30% cặn đã phân hủy

1,2: Hệ số tính đến 20% cặn được giữ trong bể tự hoại đã bị nhiễm vi khuẩn cho cặn tươi.

$P_1$ : Độ ẩm của cặn tươi,  $P_1 = 95\%$

$P_2$ : Độ ẩm trung bình của cặn trong bể tự hoại,  $P_2 = 90\%$

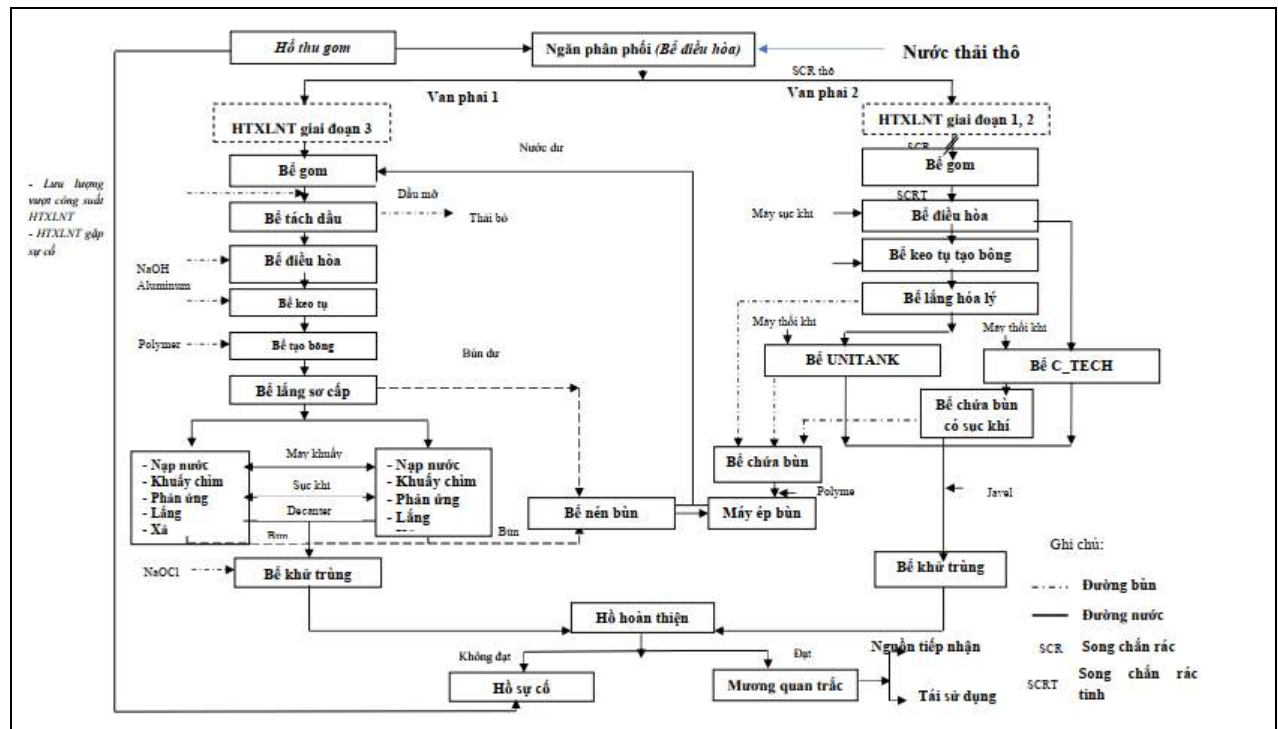
$$W_b = 0,5 \times 100 \times 180 \times (100 - 95) \times 0,7 \times 1,2 \times (100 - 90) / 100.000 = 3,78 \text{ m}^3$$

Như vậy, tổng thể tích bể tự hoại là:

$$W = W_n + W_b = 4,8 + 3,78 = 8,58 \text{ m}^3.$$

Như vậy, 01 bể tự hoại hiện hữu do Công ty TNHH Công Nghiệp Diing Jyuo Việt Nam đã đầu tư hoàn thiện có dung tích 45 m<sup>3</sup> đáp ứng được khả năng lưu chứa đối với nước thải dự án.

Nước thải từ nhà vệ sinh sau khi qua bể tự hoại 5 ngăn cùng với nước thải sinh hoạt từ quá trình rửa mặt, tay, chân từ xưởng 4 sau đó theo đường ống PVC, đường kính DN 200mm, dài 20m dẫn thoát vào hệ thống thu gom, thoát nước thải của Công ty TNHH Công Nghiệp Diing Jyuo Việt Nam (đơn vị cho thuê nhà xưởng) đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN theo đường ống BTCT, đường kính DN 200mm, dài 3m; sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Tam Phước tại 1 vị trí hồ ga (tọa độ X: 1202185.84; Y: 410658.06) nằm trên đường số 3 để xử lý đạt chuẩn môi trường. Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN có công suất 7.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm với quy trình xử lý như sau:



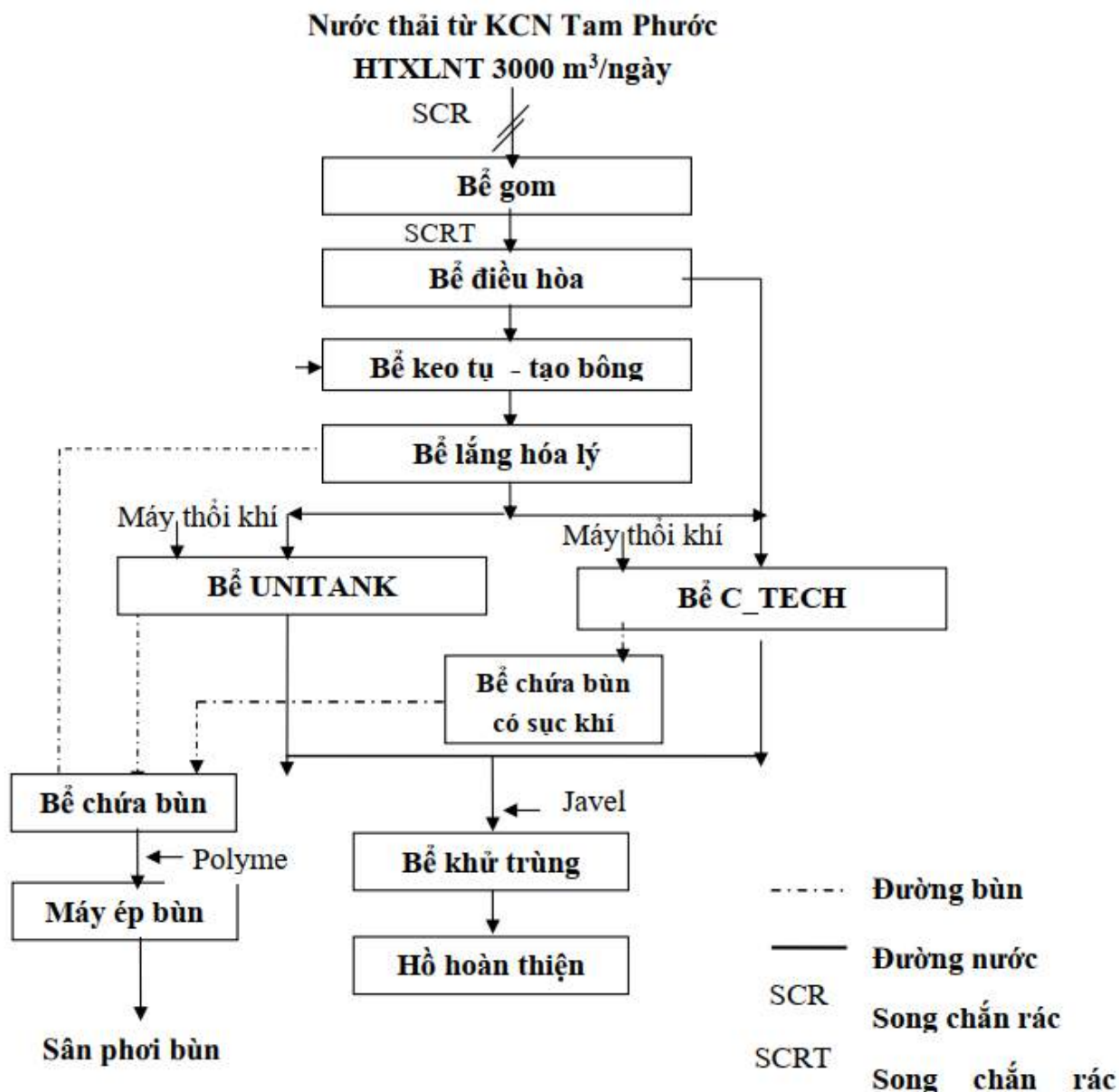
Hình 4.4. Sơ đồ công nghệ Hệ thống xử lý nước thải KCN Tam Phước công suất 7.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm

### Thuyết minh quy trình công nghệ xử lý nước thải:

Nước thải từ các nhà máy, cơ sở sản xuất trong KCN theo hệ thống thu gom, thoát nước thải dẫn về Nhà máy XLNT tập trung của KCN. Nước thải được đưa qua hệ thống song chắn rác thô nhằm loại bỏ rác hoặc các vật liệu dạng sợi lớn (>10 mm) nhằm bảo vệ các công trình phía sau trước khi vào ngăn phân phối nước thải. Tại ngăn phân phối, nước thải chia làm hai dòng và được điều chỉnh bằng hai van phai (DN600

& DN400), dòng 01 đi vào bể gom của HTXLNT giai đoạn 3 công suất 4.000 m<sup>3</sup>/ngày, dòng 02 đi vào bể gom của HTXLNT giai đoạn 1,2 công suất 3.000 m<sup>3</sup>/ngày.

Quy trình công nghệ của HTXLNT giai đoạn 1, 2 có công suất 3.000 m<sup>3</sup>/ngày:



*Thuyết minh quy trình công nghệ HTXLNT giai đoạn 1, 2:*

Nước thải đầu vào được phân phối bằng van phai 2 vào bể gom của HTXLNT giai đoạn 1, 2. Trong bể gom, lắp đặt 03 bơm nước thải, mỗi bơm có công suất 125 m<sup>3</sup>/h. Ngoài ra, trong bể còn được lắp đặt 01 sensor đo mức nước trong bể làm cơ sở để điều khiển mức độ hoạt động của các bơm.

Nước thải từ bể gom được bơm lên song chắn rác tinh và chảy vào bể điều hòa.

**Song chắn rác tinh:** sẽ loại bỏ những rác có kích thước nhỏ hơn 10 mm nhằm tránh gây hư hỏng các thiết bị bơm trong bể và tăng cường hiệu quả xử lý của các công đoạn tiếp theo.

**Bể điều hòa:** được sục khí liên tục, có tác dụng điều hòa lưu lượng và ổn định nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải từ đó giúp các hệ thống phía sau hoạt động ổn định, hiệu quả. Tại bể điều hòa có bố trí 03 bơm nước thải nhúng chìm công suất 125 m<sup>3</sup>/h bơm nước thải lên bể keo tụ tạo bông. Bơm nước thải được điều khiển bởi sensor đo mực nước trong bể.

Từ bể điều hòa, nước thải được chia làm 02 hướng: một là qua công nghệ UNITANK của giai đoạn 1 gồm bể keo tụ - tạo bông, bể lắng và bể Unitank; hai là qua công nghệ C-TECH của giai đoạn 2 gồm cụm bể C-Tech.

➤ **Công nghệ UNITANK của giai đoạn 1:**

**Bể keo tụ - tạo bông:** nước thải từ bể điều hòa được bơm lên sang bể keo tụ. Tại bể có lắp đặt đầu dò pH nhằm điều khiển bơm hóa chất NaOH và Axit duy trì pH thích hợp quá trình keo tụ, tạo bông. Dưới tác dụng của hệ thống cánh khuấy với tốc độ lớn được lắp đặt trong bể, hóa chất keo tụ PAC (Poly Aluminun Chloride) được châm vào được hòa trộn nhanh và đều vào trong nước thải, có tác dụng hình thành các hạt keo li ti từ các chất rắn lơ lửng trong bể.

Sau đó, hỗn hợp nước thải tự chảy qua bể tạo bông. Tại bể tạo bông, chất trợ lắng Polyme được châm vào, dưới tác dụng hệ thống cánh khuấy với tốc độ chậm, các hạt keo li ti từ bể keo tụ sẽ chuyển động, va chạm, dính kết và hình thành nên những bông cặn có kích thước và khối lượng lớn gấp nhiều lần các hạt keo ban đầu, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình lắng ở bể lắng hóa lý. Hỗn hợp nước thải và bông cặn sẽ tự chảy qua bể lắng hóa lý.

**Bể lắng hóa lý:** sau một thời gian lưu, các bông cặn lắng xuống đáy thành bùn hóa lý, phần nước thải sau lắng sẽ chảy qua máng răng cưa và vào mương trung hòa pH rồi được bơm luân phiên vào bể Unitank. Bùn lắng được bơm về bể chứa bùn của HTXLNT giai đoạn 1, 2.

**Bể UNITANK:** tại bể Unitank, quá trình xử lý sinh học hiếu khí lơ lửng được thực hiện. Trong bể Unitank diễn ra quá trình oxy hoá sinh hoá các chất hữu cơ hoà tan và dạng keo trong nước thải dưới sự tham gia của các vi sinh vật hiếu khí. Vi sinh vật sẽ tiêu thụ.

các chất hữu cơ trong nước thải để sinh trưởng. Vi sinh vật phát triển thành quần thể dạng bông bùn dễ lắng và được lắng ngay trong bể.

Bể Unitank xả liên tục 24/24, có 4 ngăn A, B, C, D. Ngăn D có chức năng chứa bùn dư bơm từ ngăn B về theo chế độ tự động. Ngăn B là ngăn trung gian, Ngăn A và ngăn C là ngăn xử lý chính.

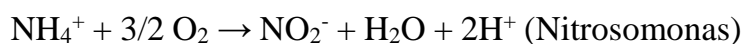
- Pha chính UA1: Nước nạp vào ngăn A với thời gian là 110 phút thì ngăn A, B sục; ngăn C lắng và xả.
- Pha chính UA2: Nước nạp vào ngăn B (50 phút), ngăn A. B sục, ngăn C vẫn lắng và xả nước.
- Pha chính UA3: Nước nạp vào ngăn B (20 phút), ngăn A. B sục, ngăn C vẫn lắng và xả nước. 20 phút cuối thì bùn được bơm từ ngăn B sang D nếu được đặt ở chế độ tự động
- Pha phụ UA4: Nước nạp vào ngăn B (60 phút), ngăn B sục, ngăn A, C lắng; ngăn C xả. Bơm bùn từ ngăn B sang D nếu ở chế độ tự động.
- Pha chính UC1, 2, 3, 4 như các pha của UA1, 2, 3, 4.

➤ **Công nghệ C-TECH của giai đoạn 2:**

**BỂ C-TECH:** bể C-TECH hoạt động như bể phản ứng sinh học dạng mẻ SBR (Sequency Batch Reactor). Bể C-TECH được xử lý luân phiên giữa 2 bể trong 1 chu kỳ hoạt động 4h, mỗi ngày được 6 chu kỳ đối với mỗi bể, tại đây diễn ra 5 pha theo thứ tự:

**Fill (làm đầy):** ở pha này, nước thải được bơm vào bể Selector sau đó chảy từ từ vào bể C-TECH, được sục khí tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động của vi sinh vật, và hàm lượng BOD, COD được loại bỏ một cách tốt nhất.

**React (Pha phản ứng, thổi khí):** trong pha này sẽ được cấp khí để tạo điều kiện cho phản ứng giữa nước thải và bùn hoạt tính, trong pha này diễn ra quá trình nitrat hóa xử lý nito và oxy hóa các chất hữu cơ. Quá trình nitrat hóa diễn ra một cách nhanh chóng: sự ôxy hóa amoni (NH<sub>4</sub><sup>+</sup>) được tiến hành bởi các loài vi khuẩn Nitrosomonas, quá trình này chuyển đổi amoni thành nitrit (NO<sub>2</sub><sup>-</sup>). Các loại vi khuẩn khác như Nitrobacter có nhiệm vụ oxy hóa nitrit thành nitrat (NO<sub>3</sub><sup>-</sup>).



Trong giai đoạn này cần kiểm soát các thông số đầu vào như: DO, BOD, COD, N, P, cường độ sục khí, nhiệt độ, pH... để có thể tạo bông bùn hoạt tính hiệu quả cho quá trình lắng sau này.

**Settle (Lắng):** trong pha này ngăn không cho nước thải vào bể SBR, không thực hiện thổi khí và khuấy trong pha này nhằm mục đích lắng trong nước trong môi trường

tĩnh hoàn toàn. Đây cũng là thời gian diễn ra quá trình khử nitơ trong bể với hiệu suất cao. Kết quả của quá trình này là tạo ra 2 lớp trong bể, lớp nước tách pha ở trên và phần cặn lắng chính là lớp bùn ở dưới.

**Draw (Rút nước):** nước đã lắng sẽ được hệ thống thu nước tháo ra không bao gồm cặn lắng nhờ thiết bị Decantor. Nước trong được đưa sang bể khử trùng, phần bùn lắng dư được bơm sang bể chứa bùn có sục khí để làm giảm khối lượng và thể tích, sau đó được bơm sang bể chứa bùn giai đoạn 1, 2 để phân hủy và làm đặc bùn.

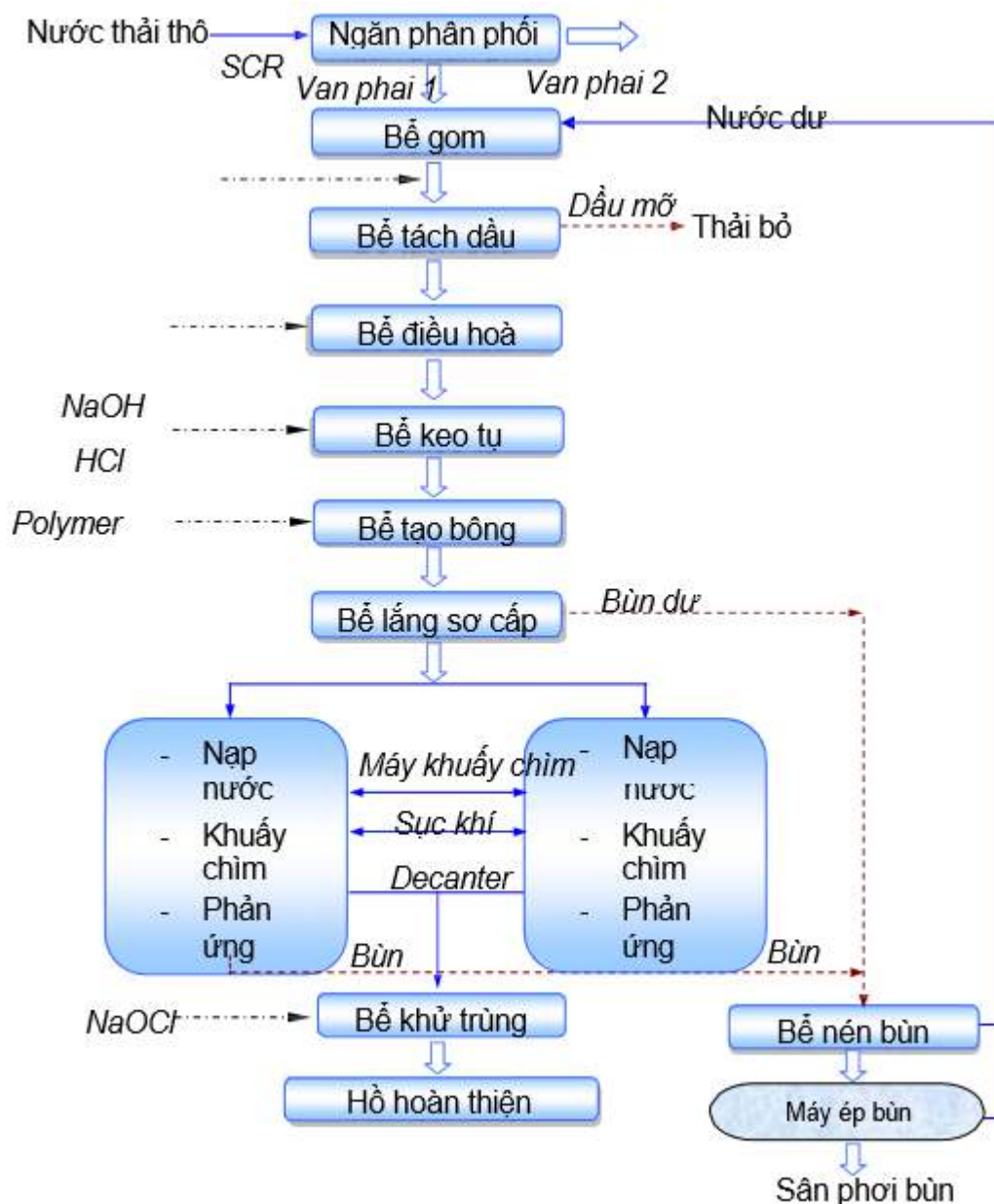
**Idle (Ngưng):** Chờ đợi để nạp mẻ mới, thời gian chờ đợi phụ thuộc vào thời gian vận hành 4 pha trên.

**Bể khử trùng:** tại ngăn đầu tiên của bể khử trùng, bơm định lượng sẽ cấp dung dịch Javel để khử trùng nước thải. Bể khử trùng được thiết kế nhiều ngăn nhằm tăng chiều dài dòng chảy làm tăng thời gian tiếp xúc giữa nước thải với Javel.

**Bể chứa bùn:** có tác dụng phân hủy và làm đặc bùn. Quá trình phân hủy hiếu khí sẽ tiếp tục làm giảm khối lượng và thể tích bùn dư, sau đó được bơm trực vít bơm lên làm khô bằng máy ép bùn. Nước trong bể phân hủy và làm đặc bùn sẽ tự chảy theo đường ống dẫn về bể gom để xử lý lại.

Nước sau xử lý đạt QCVN 40 :2011/BTNMT, cột A với  $K_q=0,9$  ;  $K_f=0,9$  – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp, sau đó chảy vào hồ hoàn thiện trước khi xả ra môi trường.

*Quy trình công nghệ của HTXLNT giai đoạn 3 có công suất 4.000 m<sup>3</sup>/ngày*



Nước thải đầu vào được phân phối bằng van phai 1 vào bể gom của HTXLNT giai đoạn 3. Bên trong bể gom bố trí 03 bơm chìm công suất 170 m<sup>3</sup>/h/cái, cột áp H = 10 m.

Trước khi vào bể tách dầu mỡ, nước thải từ bể gom sẽ được bơm lên song chắn rác mịn nhằm loại bỏ các hạt cặn có kích thước lớn hơn 2 mm. Phần nước sau tách cặn tự chảy vào bể tách váng nổi nhằm gạt bỏ dầu mỡ và các phần tử cặn lơ lửng có tỉ trọng nhỏ hơn nước thải. Sau đó nước thải chảy vào bể điều hoà.

**Bể điều hoà:** có tác dụng điều hoà lưu lượng và ổn định nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải từ đó giúp các hệ thống phía sau hoạt động ổn định, hiệu quả. Máy khuấy chìm được lắp đặt trong bể nhằm hạn chế quá trình sa lắng cặn. Nước thải

sau đó được bơm lên bể keo tụ. Bơm nước thải được điều khiển bởi sensor đo mực nước trong bể.

**Bể keo tụ:** nước thải từ bể điều hòa được bơm lên sang bể keo tụ. Tại bể có lắp đặt đầu dò pH nhằm điều khiển bơm hóa chất NaOH duy trì pH thích hợp quá trình keo tụ. Dưới tác dụng của hệ thống cánh khuấy với tốc độ lớn được lắp đặt trong bể, nước thải được hòa trộn với hóa chất keo tụ PAC được châm từ bồn chứa hóa chất thông qua bơm định lượng. Chất keo tụ giúp làm mất ổn định các hạt cặn có tính “keo” và kích thích chúng kết lại với các cặn lơ lửng khác để tạo thành các hạt có kích thước lớn hơn.

**Bể tạo bông:** nước thải từ bể keo tụ tự chảy qua bể tạo bông. Tại bể tạo bông, chất trợ lắng Polyme được châm vào, dưới tác dụng hệ thống cánh khuấy với tốc độ chậm, các hạt keo sẽ chuyển động, va chạm, dính kết và hình thành nên những bông cặn có kích thước và khối lượng lớn gấp nhiều lần các hạt keo ban đầu, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình lắng ở bể lắng sơ cấp. Hỗn hợp nước thải và bông cặn sẽ tự chảy qua bể lắng sơ cấp.

**Bể lắng sơ cấp:** các chất rắn lắng được có trong nước thải sẽ được lắng xuống bằng phương pháp trọng lực. Bể lắng sơ cấp có thể giúp loại bỏ được khoảng 60% chất rắn lơ lửng và một phần BOD có trong các hạt cặn hữu cơ. Bùn lắng dưới đáy bể lắng sơ cấp được chuyển đến hồ chứa bùn bằng thanh gạt bùn và sẽ được bơm qua bể chứa bùn.

**Bể SBR (Sequency Batch Reactor):** từ bể lắng sơ cấp nước thải chảy vào hệ thống bể sinh học dạng mẻ (SBR). Bể SBR là một dạng nâng cấp của hệ thống bùn hoạt tính cổ điển, các quá trình (pha) xử lý như: làm đầy, phản ứng, lắng, rút nước và ngưng được thực hiện trong cùng một bể theo từng khoảng thời gian nhất định bố trí cho mỗi quá trình.

Sau thời gian lắng, phần nước trong phía trên trong bể SBR – qua các thiết bị thu nước dạng phao nổi di động – sẽ được dẫn sang bể khử trùng. Một phần bùn hoạt tính dư lắng dưới đáy bể sẽ được các bơm bùn bơm sang bể chứa bùn, đồng thời chuẩn bị bắt đầu cho mẻ xử lý kế tiếp. Quá trình xả lượng vi sinh (bùn) thừa trong bể SBR có thể được tiến hành như một pha riêng hoặc được gộp vào với pha “rút nước”. Giai đoạn xả bùn hoàn tất, nước thải tiếp tục được nạp vào bể SBR để bắt đầu một chu kỳ mới. Các bể SBR sẽ hoạt động nối tiếp, luân phiên để đảm bảo quá trình xử lý diễn ra liên tục.

**Bể chứa bùn:** có tác dụng phân hủy và làm đặc bùn. Quá trình phân hủy hiếu khí sẽ tiếp tục làm giảm khối lượng và thể tích bùn dư, sau đó được bơm trực vít bơm

lên làm khô bằng máy ép bùn hoặc sân phơi bùn. Nước trong bể phân hủy và làm đặc bùn sẽ tự chảy theo đường ống dẫn về bể gom để xử lý lại.

**Máy ép bùn băng tải:** được sử dụng nhằm tách nước ra khỏi bùn. Đối với quá trình này, polymer sẽ được châm vào như là chất phụ trợ cho quá trình tách nước trong bùn. Bùn sau khi tách nước có độ khô 12 – 15%, ở dạng bánh và chuyển sang sân phơi bùn. Nước từ quá trình tách bùn sẽ được tuần hoàn lại bể gom của HTXLNT.

**Sân phơi bùn:** bùn sau ép bằng máy ép bùn được đem qua sân phơi bùn, sử dụng nhiệt năng từ ánh sáng mặt trời để làm bay hơi nước, làm khô bùn lên độ khô đến 20 – 35%, sau đó đóng vào bao, lưu trữ ở kho chứa và chờ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý. Sân phơi bùn có xây dựng rãnh thu nước tách từ bùn, dẫn về hố ga và tuần hoàn lại bể gom của HTXLNT.

**Bể khử trùng:** tại ngăn đầu tiên của bể khử trùng, bơm định lượng sẽ cấp dung dịch Javel để khử trùng nước thải. Bể khử trùng được thiết kế nhiều ngăn nhằm tăng chiều dài dòng chảy làm tăng thời gian tiếp xúc giữa nước thải với Javel.

Nước sau xử lý đạt QCVN 40 :2011/BTNMT, cột A với  $Kq=0,9$  ;  $Kf=0,9$  – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp, sau đó chảy vào hồ hoàn thiện trước khi xả ra môi trường.

### **Hồ hoàn thiện**

Nước thải sau quá trình xử lý từ Cụm bể xử lý của các giai đoạn được dẫn về Hồ hoàn thiện trước khi ra nguồn tiếp nhận. Hồ hoàn thiện được bố trí sau Cụm bể xử lý để cải thiện chất lượng nước thải đầu ra đáp ứng các tiêu chuẩn và yêu cầu pháp lý. Dư lượng hợp chất hữu cơ và hàm lượng chất rắn lơ lửng được giảm thiểu.

### **Hồ sự cố**

Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, nước thải sau xử lý không đạt Quy chuẩn hiện hành hoặc lưu lượng nước thải đầu vào vượt công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải tập trung thì nước thải từ hồ hoàn thiện/hố thu gom được dẫn về Hồ sự cố. Hồ sự cố là hồ có khả năng lưu chứa nước thải đồng thời có khả năng quay vòng xử lý lại nước thải, bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố. Tại Hồ sự cố có hệ thống thu khí, thu nước ngầm, bảo đảm bền vững ổn định lâu dài của kết cấu hồ. Tại hồ có hệ thống bơm hồi lưu nước thải về tuyến ống bơm từ hố thu gom lên bể điều hòa để tái xử lý theo quy trình của hệ thống hiện hữu đạt theo quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường.

- Công ty đã xây dựng bổ sung hồ sự cố với dung tích thiết kế 21.000 m<sup>3</sup> có chức năng phòng ngừa sự cố cho hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1, 2, 3 với

tổng công suất 7.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường xác nhận hoàn thành tại Giấy xác nhận số 31/BTNMT ngày 7/3/2021). Hồ sự cố được chống thấm HDPE (đáy và thành hồ được phủ bằng HDPE để chống thấm), có khả năng lưu chứa nước thải đáp ứng theo quy định tại khoản 3 Điều 57 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Quy trình ứng phó sự cố: Sự cố xảy ra → Dừng xử lý nước thải → Dẫn nước thải vào hồ sự cố → Thông báo cho người quản lý → Tìm hiểu phát hiện sự cố → Khắc phục/sửa chữa → Tiếp tục xử lý → Kiểm tra xác nhận khả năng xử lý sau khi khắc phục.

Ngoài ra, Công ty đã xây dựng thêm 01 hồ ga thu nước ngầm bằng bê tông cốt thép, đường kính D=1.250 mm, sâu 6, 7m; vị trí đặt cạnh hồ sự cố (để thu gom nước ngầm phía dưới bạt HDPE của hồ sự cố)

#### **Xả nước thải sau xử lý:**

Nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn xả thải QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với Kq = 0,9 và Kf = 0,9 (theo Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai). Nước thải sau xử lý sẽ tự chảy ra hồ hoàn thiện có dung tích khoảng 330 m<sup>3</sup>. Hồ hoàn thiện có chức năng ổn định lưu lượng dòng chảy nước thải trước khi qua mương quan trắc và xả ra môi trường.

Tại mương quan trắc, Công ty đã đặt trạm quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải tự động liên tục và truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai bao gồm 07 thông số: lưu lượng, nhiệt độ, pH, DO, TSS, COD, Amoni kể từ ngày 31/8/2023.

Công ty TNHH Diing Jyuo đã ký Hợp đồng xử lý nước thải số 28/HĐNT ngày 06/08/2008 và Phụ lục hợp đồng số 04/28/PLHĐNT ngày 28/12/2023 với Công ty Cổ phần Phát triển KCN Tín Nghĩa (chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN Tam Phước và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN).

Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Tam Phước được thể hiện trong bảng sau:

**Bảng 4.2. Giới hạn tiếp nhận KCN Tam Phước**

STT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn quy định
1	pH	-	5,5 – 9
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	50

## Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

3	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
4	Photpho tổng số	mg/l	6
5	Tổng Nito	mg/l	40
6	Amoni (tính theo Nito)	mg/l	10
4	Sulfua	mg/l	0,16
7	Dầu mỡ khoáng	mg/l	5
8	Clo dư	mg/l	2

(Nguồn: Hợp đồng xử lý nước thải)

### b) Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

#### Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông

Bụi và khí thải chủ yếu phát sinh từ các phương tiện giao thông. Đây là nguồn gây ô nhiễm phân bố rải rác và không cố định nên việc khống chế, kiểm soát rất khó khăn. Khí thải từ các phương tiện giao thông vận tải chứa các chất ô nhiễm bao gồm: khói bụi, CO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO... Tuy nhiên, do phương tiện giao thông không hoạt động thường xuyên nên khả năng gây ô nhiễm là không đáng kể.

Để đảm bảo tốt chất lượng không khí bên trong cũng như xung quanh khu vực nhà máy, Công ty sẽ thực hiện một số các biện pháp giảm thiểu cho nhà xưởng như sau:

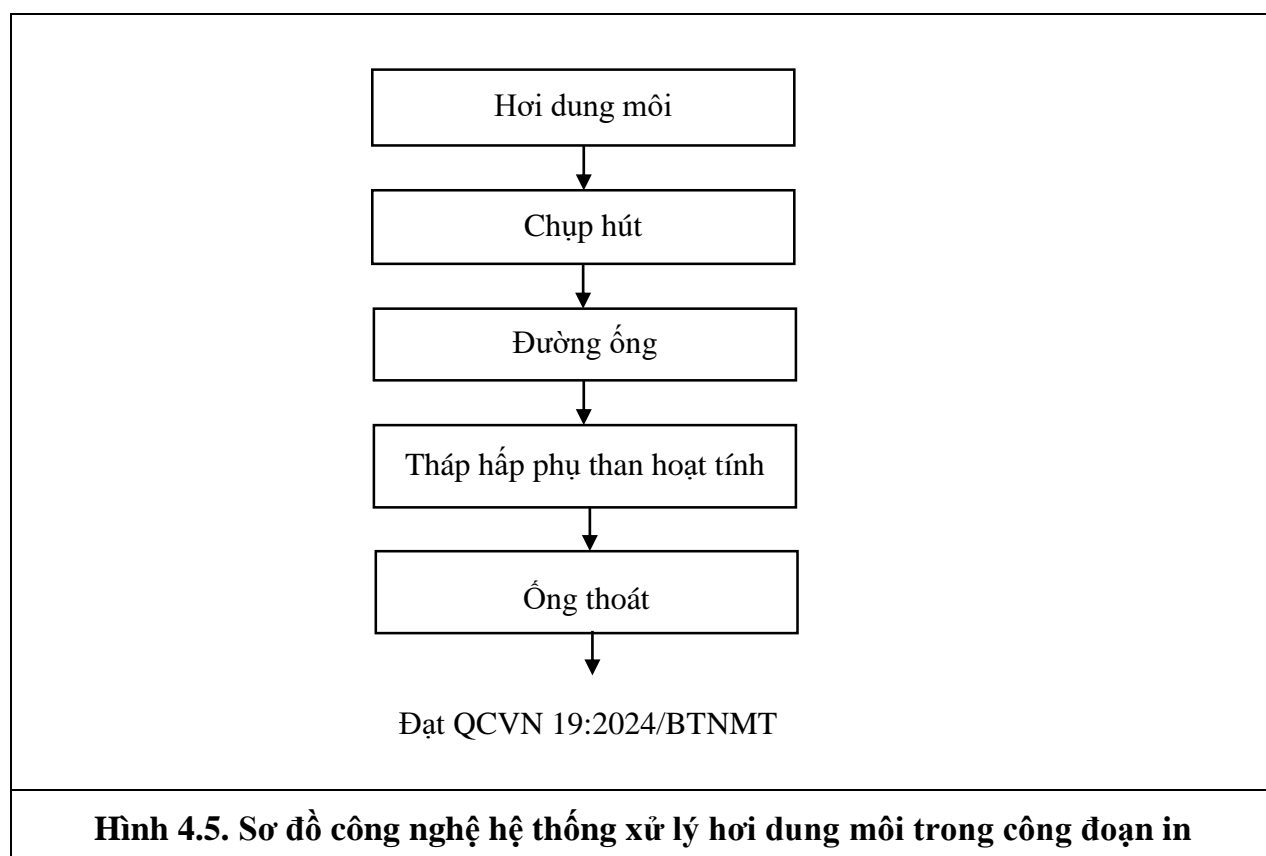
- + Thường xuyên vệ sinh sân bãi, đường giao thông nội bộ trong khuôn viên dự án.
- + Bố trí, sắp xếp thời gian hoạt động của các phương tiện vận chuyển hợp lý, tránh hoạt động tập trung.
- + Chọn sử dụng nhiên liệu tốt, có hàm lượng lưu huỳnh thấp cho các phương tiện.
- + Sử dụng các xe vận chuyển đảm bảo chất lượng đạt tiêu chuẩn quy định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường để hạn chế khí thải trong quá trình vận chuyển. Không sử dụng các loại xe vận chuyển không được đăng kiểm, kiểm định.
- + Các phương tiện giao thông vận tải không được chở quá tải trọng quy định.
- + Giảm tốc độ khi lưu thông trong khuôn viên nhà máy.
- + Thường xuyên kiểm tra bảo trì các phương tiện vận chuyển. Sửa chữa và thay thế kịp thời các bộ phận hỏng hóc, hiệu chỉnh để máy móc có hiệu suất đốt cao nhất.

- + Thường xuyên phun ẩm đường nội bộ, sân bãi.
- + Không để xe nổ máy lâu trong khu vực khi chờ bốc hàng hoặc dỡ hàng.

### Hơi dung môi trong công đoạn in của quá trình sản xuất

Nhà xưởng dự kiến lắp đặt 1 Hệ thống xử lý hơi dung môi tại công đoạn in với công suất 20.000 m<sup>3</sup>/giờ để thu gom và xử lý hơi dung môi và mùi phát sinh.

Sơ đồ công nghệ xử lý hơi dung môi từ công đoạn in được thể hiện ở hình bên dưới:



#### \* Thuyết minh quy trình:

Khí thải phát sinh chứa hơi dung môi hữu cơ được thu gom bằng hệ thống chụp hút và ống dẫn sau đó được dẫn về thiết bị xử lý bằng than hoạt tính để xử lý. Hơi dung môi được dẫn theo đường ống thu gom đi vào trong tháp hấp phụ than hoạt tính theo miệng vào được bố trí ở đáy tháp. Loại than hoạt tính được sử dụng tại dự án có khả năng xử lý hơi độc chuyên dụng trong ngành xử lý khí thải. Than được bố trí thành dải từ trên xuống trong một hệ thống 2 bên là vách ngăn đục lỗ nhằm cho hơi thu được có thể lọt qua mà không cho than rơi ra ngoài. Khí thải đi vào đệm than sẽ được các phần rỗng trong than hấp phụ các chất độc chứa trong đó như: Etyl axetat, Xylen và cho khí sạch đi qua và thải ra ngoài theo đường ống thoát khí được bố trí

trên đỉnh tháp thông qua quạt hút ly tâm. Bên trong được bố trí 3 tầng than hoạt tính. Đây là nơi xảy ra tất cả các quá trình xử lý khí độc của hệ thống. Khí thải qua tháp sẽ được hút qua quạt ly tâm và thải qua ống thải đường kính 950 mm. Hiệu quả xử lý của thiết bị này trên 95%.

Khí thải sau khi qua hệ thống xử lý sẽ đạt tiêu chuẩn môi trường quy định (QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp. Than hoạt tính sau một thời gian sử dụng sẽ giảm hoạt tính hấp phụ và sẽ được thay thế định kỳ. Than hoạt tính thải bỏ là CTNH sẽ được thu gom, lưu giữ tại kho CTNH.

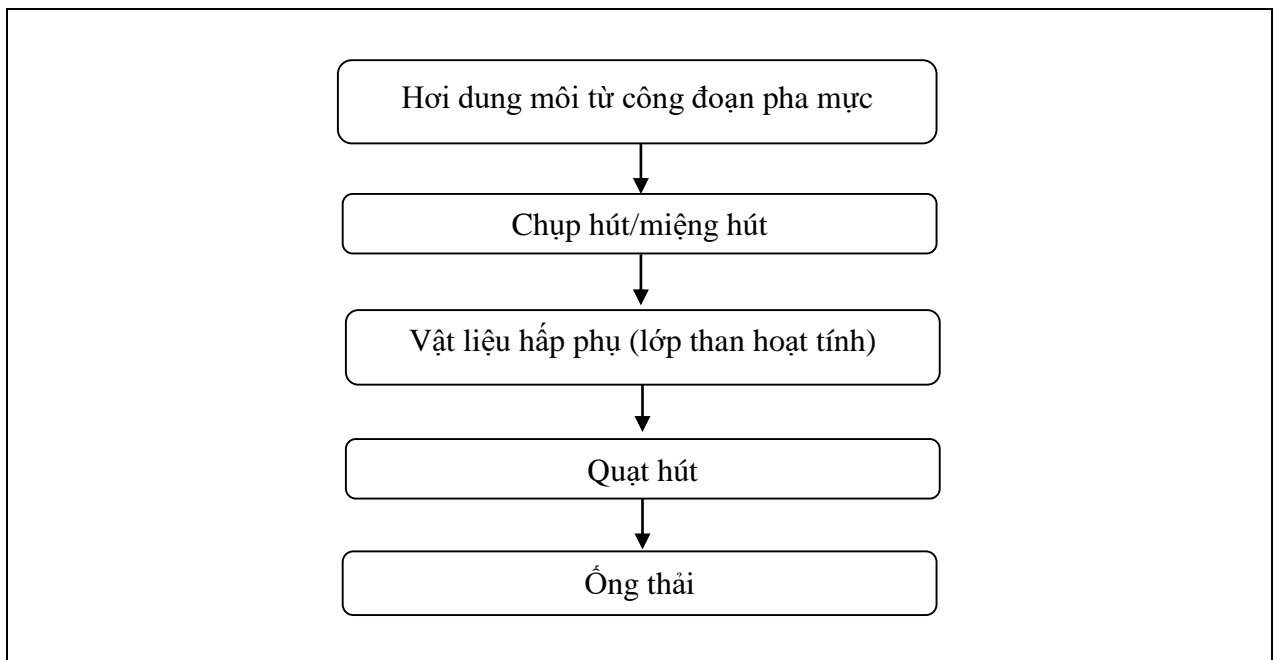
**Bảng 4.3. Đặc tính kỹ thuật của 1 hệ thống xử lý hơi dung môi**

STT	Thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị
1	Quạt hút	20.000 m <sup>3</sup> /h	1	Cái
2	Ống thải	Ø400, Ø800	1	Cái
3	Buồng than hoạt tính	2,5x2,5x4	1	Cái

### Hơi dung môi từ công đoạn pha trộn hóa chất

Nhà xưởng dự kiến lắp đặt 1 Hệ thống xử lý hơi dung môi tại công đoạn pha mực với công suất 4.800 m<sup>3</sup>/giờ để thu gom và xử lý hơi phát sinh từ quá trình sản xuất.

Sơ đồ công nghệ xử lý hơi dung môi tại công đoạn pha mực được thể hiện ở hình bên dưới:



**Hình 4.6. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý hơi dung môi từ công đoạn pha trộn hóa chất**

**\* Thuyết minh quy trình:**

Quy trình xử lý hơi dung môi tại công đoạn pha mực được thực hiện như sau: trong quá trình pha trộn các nguyên liệu như mực, dung môi và phụ gia, phát sinh hơi dung môi và mùi hóa chất (VOC). Các khí thải này được thu gom cục bộ bằng hệ thống chụp hút/miệng hút bố trí trực tiếp tại vị trí phát sinh, sau đó được dẫn theo đường ống về hệ thống xử lý. Tại đây, dòng khí đi qua lớp vật liệu hấp phụ (than hoạt tính) để loại bỏ các thành phần ô nhiễm, giảm nồng độ hơi dung môi và mùi. Khí sau xử lý được quạt hút đưa qua ống thải và phát tán ra môi trường bên ngoài, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành.

**Bảng 4.4. Đặc tính kỹ thuật của 1 hệ thống xử lý hơi dung môi**

Thiết bị	Số lượng	Đặc tính
Chụp hút/miệng hút	1 cái	- Vật liệu bằng thép CT3 - Kích thước $\Phi 200$ , $\Phi 400$ mm.
Vật liệu hấp phụ (lớp than hoạt tính)	01	
Quạt hút	01 quạt	- Công suất quạt: $4.800 \text{ m}^3/\text{h}$
Ống thoát khí	01	- Đường kính: $\Phi 200$ , $\Phi 400$ mm

**c) Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn (gồm: rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại)**

Để thực hiện tốt việc quản lý chất thải rắn, vấn đề quan trọng đầu tiên là phải phân loại chất thải ngay tại nguồn phát sinh. Chất thải rắn được phân loại ngay tại nguồn phát sinh nhằm tái sử dụng chất thải rắn, đơn giản hóa quá trình xử lý, giúp tiết kiệm chi phí và giảm thiểu tác động đến môi trường. Chủ dự án sẽ tiến hành thu gom, phân loại, lưu giữ đúng theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ; Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính Phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025; Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

***Chất thải rắn sinh hoạt***

**\* Nguồn phát sinh:**

Từ hoạt động sinh hoạt của người lao động phục vụ tại dự án. Bao gồm: các loại rác thải phát sinh từ nhà ăn như: các loại bao bì, vỏ lon đựng nước giải khát, hộp đựng

thức ăn, thức ăn thừa,... Trong giai đoạn vận hành, số lượng công nhân viên của dự án khoảng 100 người.

**\* Khối lượng chất thải phát sinh:**

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt: theo ước tính, mỗi cán bộ, công nhân viên làm việc tại dự án thải ra một lượng chất thải khoảng 0,8 kg rác thải sinh hoạt/ngày (Nguồn: QCVN 01:2021/BXD): 100 người x 0,8 kg/người/ngày = 80 kg/ngày tương đương khoảng 24.000 kg/năm ~ 24 tấn/năm.

Thành phần, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt: trong đó chất thải thực phẩm chiếm khoảng 60% tương ứng 14,4 tấn/năm; chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế chiếm khoảng 15% tương ứng 3,6 tấn/năm; chất thải sinh hoạt khác chiếm 25% tương ứng 6,0 tấn/năm.

Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại Nhà máy như sau:

**Bảng 4.5. Thành phần và khối lượng rác sinh hoạt**

STT	Loại chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải thực phẩm	14,4
2	Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế	3,6
3	Chất thải sinh hoạt khác	6,0
<b>Tổng</b>		<b>24</b>

**\* Biện pháp giảm thiểu:**

Chủ dự án sẽ thực hiện biện pháp quản lý rác sinh hoạt như sau:

- Thực hiện phân loại rác tại nguồn: Tại các khu vực phát sinh chất thải thực phẩm (văn phòng) sẽ bố trí 02 thùng chứa rác phân biệt nhau bằng màu sắc, 01 thùng chứa rác thực phẩm và 01 thùng chứa các loại rác khác.

- Bố trí thùng chứa rác bằng nhựa, đạp chân, có nắp đậy dung tích từ 20L – 60L tại các phòng làm việc, buồng vệ sinh.

- Đặc trưng của ngành nghề sản xuất là sản xuất và gia công các bộ phận, linh kiện của mũ giày các loại; gia công thêu, in trên giày và các chi tiết, phụ kiện của chúng có yêu cầu về độ sạch môi trường tương đối cao. Do đó, Công ty sẽ hạn chế việc công nhân mang thức ăn vào khu vực làm việc.

- Định kỳ 2 ngày/lần, công nhân vệ sinh sẽ thu gom rác thải từ các thùng chứa rác và chuyển về khu lưu giữ rác sinh hoạt để chuyển giao cho đơn vị có chức năng.

- Hợp đồng với Đơn vị có chức năng thu gom và xử lý rác sinh hoạt theo đúng quy định.

### **Chất thải rắn công nghiệp thông thường**

#### **\* Nguồn phát sinh:**

Dự kiến, các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại dự án bao gồm: bao bì đựng nguyên liệu (không dính hoá chất), vỏ thùng đóng gói hỏng, các loại chất thải rắn từ hoạt động văn phòng, cụ thể như sau: bao bì, giấy loại bỏ từ khu vực văn phòng, bao bì ni lông không dính hóa chất,...

#### **\* Khối lượng chất thải phát sinh:**

Thống kê khối lượng chất thải thông thường của dự án trong bảng sau:

**Bảng 4.6. Khối lượng chất thải rắn thông thường trong giai đoạn hoạt động**

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu chất thải	Số lượng phát sinh (kg/năm)
1	Vải vụn	12 09 09	TT-R	1.000
2	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	18 01 05	TT-R	800
3	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải (bao nylon)	18 01 06	TT-R	1.300
<b>Tổng cộng</b>				<b>3.100</b>

#### **\* Biện pháp giảm thiểu:**

Chủ dự án sẽ thực hiện biện pháp quản lý chất thải công nghiệp thông thường bao gồm:

- Thu gom, phân loại và quản lý theo từng loại chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của dự án.

- Bố trí khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp trong quá trình sản xuất có mái che, nền bê tông, tường bao quanh, diện tích 15 m<sup>2</sup>.

- Đối với bùn thải từ bể tự hoại: Định kỳ chủ dự án sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom và đưa đi xử lý.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

### **Chất thải nguy hại**

#### **\* Nguồn phát sinh:**

## Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn hoạt động của Dự án bao gồm bóng đèn Led thải, pin, ắc quy chì thải, vụn thép dính dầu nhớt trong quá trình sản xuất...

### \* Khối lượng chất thải phát sinh:

Thông kê CTNH phát sinh tại dự án như sau:

**Bảng 4.7. Khối lượng chất thải nguy hại trong giai đoạn hoạt động dự án**

STT	Loại chất thải	Mã CTNH	Ký hiệu chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (Kg/năm)
1	Hộp mực in, photo thải	08 02 04	KS	Rắn	70
2	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	Rắn	200	400
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	NH	Rắn	200
4	Dung môi rửa khuôn	17 08 03	NH	Lỏng	20
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	KS	Rắn	1.500
6	Giẻ lau nhiễm TPNH	18 02 01	KS	Rắn	32.000
7	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	NH	Rắn	100
<b>Tổng</b>					<b>34.290</b>

### \* Biện pháp giảm thiểu:

Dự án sẽ tuân thủ các yêu cầu về thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ; Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính Phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025; Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Chất thải nguy hại của Dự án gồm bóng đèn, bán thành phẩm lỗi... sẽ được chứa vào các thùng chứa riêng biệt và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom

và xử lý chất thải nguy hại đến thu gom và xử lý theo đúng quy định. Công ty sẽ thực hiện một số biện pháp quản lý CTNH như sau:

- Bố trí khu lưu giữ chất thải nguy hại có mái che, nền bê tông, tường bao quanh, diện tích 8 m<sup>2</sup>. Chất thải nguy hại sẽ được thu gom đưa về khu lưu giữ chất thải và phân loại theo từng nhóm theo đúng quy định.

- Quy cách bố trí khu lưu giữ CTNH như sau:

+ Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất được phân loại, bảo quản chất thải nguy hại (CTNH) theo chủng loại trong các bồn chứa, thùng chứa, bao bì chuyên dụng đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường, có dán nhãn bao gồm các thông tin:

+ Tên chất thải nguy hại, mã CTNH theo danh mục CTNH;

+ Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707:2009 về “Chất thải nguy hại - dấu hiệu cảnh báo”.

- Tiến hành ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng và năng lực định kỳ đến thu gom vận chuyển đem xử lý theo quy định. Dự án sẽ thu gom, lưu giữ, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý các loại chất thải rắn nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ; Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính Phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025; Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

#### **d) Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường**

Nhằm giảm thiểu tiếng ồn, độ rung tại Nhà máy, Công ty đã thực hiện một số biện pháp giảm thiểu như sau:

##### ***Giảm thiểu tiếng ồn từ hoạt động máy móc, thiết bị***

- Bố trí các máy móc, thiết bị hợp lý, tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực hẹp;

- Thiết kế nhà xưởng cao, thông thoáng, tạo môi trường làm việc rộng;

- Tuân thủ các quy định kỹ thuật khi vận hành thiết bị;
- Sử dụng các loại máy móc, thiết bị hiện đại, mới;
- Đúc móng máy đủ khối lượng, tăng chiều sâu móng, đào rãnh đổ cát khô để tránh rung theo mặt nền;
- Lắp đặt đệm chống rung với các thiết bị công suất lớn;
- Tiến hành theo dõi, kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ (2-4 tháng/lần) đối với tất cả các máy móc, thiết bị vận hành như: kiểm tra dầu bôi trơn, thay thế những chi tiết hư hỏng,...
- Tự động hóa một số quá trình sản xuất, hạn chế tối đa số lượng lao động làm việc ở những nơi có độ ồn cao.
- Tiến hành trồng cây xanh xung quanh khu vực để giảm lan truyền tiếng ồn;
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc ở các khu vực phát sinh tiếng ồn lớn.
- Đối với những máy móc, thiết bị có độ ồn cao (máy nén khí, máy phát điện dự phòng) được bố trí trong khu vực riêng.
- Thường xuyên khám sức khỏe định kỳ cho công nhân; Định kỳ tập huấn, giáo dục nâng cao nhận thức về tác hại tiếng ồn theo đúng quy định.

***Giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ các phương tiện lưu thông ra vào nhà máy***

Tiếng ồn, rung từ các phương tiện lưu thông ra vào nhà máy chủ yếu tập trung vào giờ cao điểm, biện pháp chống ồn được áp dụng như sau:

- Hạn chế vận chuyển hàng vào ban đêm, giờ tan ca để giảm thiểu tác động do tiếng ồn đến khu vực xung quanh;
- Lắp đặt biển báo, quy định giao thông trong khuôn viên Nhà máy; Quy định tốc độ xe ra vào cho nhân viên và khách, vận tốc tối đa 5km/giờ. Nghiêm cấm các hành vi rò ga, bóp kèn trong Nhà máy.
- Tiến hành bảo dưỡng định kỳ đối với tất cả các phương tiện vận chuyển, thay thế những bộ phận hư hỏng, ... Kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay thế những chi tiết hư hỏng cho các phương tiện giao thông.
- Tăng cường trồng thêm diện tích cây xanh trong khuôn viên Nhà máy.
- Bố trí khu vực để xe hợp lý

- Tắt máy phương tiện trong thời gian bốc dỡ hàng hóa.

**đ) Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức**

**✚ Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ, vỡ đường ống**

- Đường ống cấp thoát nước phải có đường cách ly an toàn.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.
- Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

**✚ Đối với kho chứa chất thải:**

- Xây dựng nhà kho lưu giữ chất thải có mái che, tránh nước mưa rơi xuống cuốn theo chất thải vào đường thoát nước.

- Nhà kho lưu giữ chất thải được chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau. Các khu vực này được thiết kế với khoảng cách phù hợp theo quy định lưu giữ chất thải nguy hại, hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải và xảy ra sự cố cháy nổ trong nhà kho. Mỗi khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo và thiết bị PCCC, dụng cụ bảo hộ lao động, các vật liệu ứng phó khắc phục nếu có sự cố xảy ra.

- Đối với việc vận chuyển chất thải nguy hại: chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Do đó, đơn vị được thu gom, vận chuyển và xử lý có các biện pháp để đề phòng và kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại.

**✚ Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác**

**\* Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ**

- Thiết lập các hệ thống báo cháy, đèn hiệu và thông tin tốt, các thiết bị và phương tiện phòng cháy hiệu quả.

- Trang bị hệ thống phòng chống cháy nổ: bể PCCC, bình CO<sub>2</sub>, hệ thống báo cháy...

- Trang bị bể nước PCCC và dự trữ sẵn sàng nguồn nước chữa cháy.

- Có quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn phù hợp với kết cấu xây dựng của Nhà máy.

- Lắp đặt các đầu dò lửa, đầu dò khí, hệ thống còi đèn.

- Cách ly các bảng điện, tủ điện điều khiển, khu vực chứa nhiên liệu ra khu vực riêng, ... đồng thời tiếp đất cho các thiết bị máy móc.

- Máy móc thiết bị có lý lịch kèm theo, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật.

- Có quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy trong xưởng.

- Cung cấp các thông tin về an toàn lao động và an toàn cháy nổ định kỳ cho công nhân.

- Có quy trình kỹ thuật an toàn về phòng cháy và chữa cháy phù hợp với điều kiện của Nhà máy.

- Có văn bản thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình thuộc diện phải thiết kế và thẩm duyệt về PCCC.

- Hệ thống điện, thiết bị sử dụng điện, hệ thống chống sét, nơi sử dụng lửa, phát sinh nhiệt phải bảo đảm an toàn về PCCC.

- Có lực lượng phòng cháy và chữa cháy của xưởng được tổ chức huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy và tổ chức thường trực sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ.

- Có phương án chữa cháy, thoát nạn và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tổ chức huấn luyện thoát hiểm trong giờ làm việc, huấn luyện nghiệp vụ cho đội PCCC dự án, kiểm tra, bảo trì các phương tiện PCCC, tổ chức hội thao PCCC, thực tập phương án chữa cháy với Công an PCCC.

- Có hệ thống báo cháy, chữa cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy khác, phương tiện cứu người phù hợp với tính chất, đặc điểm của xưởng, bảo đảm về số lượng, chất lượng và hoạt động theo quy định của Công an Thành phố Đồng Nai và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy; có hệ thống giao thông, cấp nước, thông tin liên lạc phục vụ chữa cháy tại dự án theo quy định.

- Có hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy và chữa cháy theo quy định của Công an Thành phố Đồng Nai.

- Nơi có sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị sinh lửa, sinh nhiệt, hệ thống điện, thiết bị sử dụng điện phải bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

- Có dự kiến tình huống cháy, thoát nạn và biện pháp chữa cháy; có phương tiện chữa cháy phù hợp với đặc điểm hoạt động và bảo đảm về số lượng, chất lượng theo hướng dẫn của Bộ Công an.

- Đề ra phương án chữa cháy cho cán bộ chuyên trách của xưởng sản xuất để xử lý khi sự cố xảy ra.

- Thường xuyên huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy đối với cán bộ, nhân viên, đội phòng cháy và chữa cháy của xưởng sản xuất theo các nội dung sau:

- Kiến thức pháp luật, kiến thức về phòng cháy và chữa cháy phù hợp với từng đối tượng.

- Phương pháp tuyên truyền, xây dựng phong trào phòng cháy và chữa cháy.

**\* Phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động**

Để đảm bảo vệ sinh và an toàn lao động cho công nhân chủ Nhà máy đã áp dụng các biện pháp phòng ngừa sự cố như sau:

- Xây dựng chi tiết các bảng nội quy về an toàn lao động cho từng khâu và từng công đoạn sản xuất.

- Tất cả công nhân viên sẽ được định kỳ tập huấn an toàn lao động.

- Thường xuyên hướng dẫn và giám sát chặt chẽ việc tuân thủ an toàn lao động của công nhân.

- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân xây dựng theo các quy định hiện hành của Bộ Lao động và Thương binh Xã hội.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức các buổi huấn luyện về thao tác ứng cứu khẩn cấp, thực hành cấp cứu y tế, sử dụng thành thạo các phương tiện thông tin, địa chỉ liên lạc khi có sự cố

- Trang bị các biển báo tại các khu vực nguy hiểm.

- Đảm bảo chiếu sáng cho những khu vực làm việc.

**\* Giảm thiểu tác động về tiếng ồn, trật tự với các nhà xưởng xung quanh**

**Tiếng ồn, độ rung trong khu vực sản xuất**

Đối với loại hình sản xuất của dự án, tiếng ồn, độ rung chỉ có khả năng xảy ra trong phạm vi khu vực sản xuất. Ô nhiễm tiếng ồn, độ rung đối với môi trường bên

ngoài hầu như không đáng kể. Mặt khác, Công ty nằm trong KCN nên tiếng ồn không gây ảnh hưởng đáng kể đến khu dân cư xung quanh. Để giảm thiểu tiếng ồn nhằm đảm bảo sức khỏe cho công nhân lao động và tránh làm tăng mức độ ồn trong khu vực tới các nhà xưởng xung quanh, tiếng ồn trong nhà xưởng được khống chế bằng các phương pháp sau:

- Cân chỉnh và bảo dưỡng các chi tiết truyền động của máy móc thiết bị;
- Phân bố các nguồn gây ồn ra các khu vực riêng biệt một cách hợp lý;
- Trang bị nút tai cho công nhân phải làm việc ở khu vực thường xuyên tiếp xúc với độ ồn cao, đây là biện pháp vừa hiệu quả, vừa kinh tế, vừa dễ thực hiện;
- Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân;
- Bố trí luân phiên nhóm công nhân làm việc tại khu vực có mức ồn cao.
- Lắp đặt đệm chống ồn, chống rung đối với các máy móc, thiết bị sản xuất.

### **Tiếng ồn do các phương tiện giao thông**

Để hạn chế tiếng ồn từ các phương tiện giao thông khi dự án đi vào hoạt động được khống chế bằng các phương pháp sau:

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời các phương tiện giao thông phục vụ dự án;
- Kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng cho các phương tiện giao thông.

## **3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường**

### **3.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư**

Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, kế hoạch xây lắp các công trình và dự toán kinh phí đối với các công trình của dự án được thể hiện trong bảng sau:

**Bảng 4.8. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường**

STT	Tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kế hoạch xây lắp
1	Nước thải sinh hoạt	Xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại và sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom chung của đơn vị cho thuê xưởng, sau đó đầu nối vào KCN	Đã được Công ty TNHH Công Nghiệp Diing Jyuo Việt Nam xây dựng hoàn thiện
2	Nước mưa	Nước mưa được thu gom và đầu nối vào hệ thống thu gom chung của đơn vị cho thuê xưởng, sau đó đầu nối vào KCN	
3	Chất thải nguy hại	Bố trí khu vực nhà chứa chất thải, trang bị đầy đủ dụng cụ lưu trữ chất thải. Hợp đồng thu gom xử lý CTR, CTNH.	Bố trí trong thời gian thi công lắp đặt máy móc, thiết bị (tháng 8-9)
4	Chất thải thông thường	Bố trí khu vực thu gom, lưu trữ tại khu vực nhà chứa sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.	
5	Chất thải sinh hoạt	Trang bị thùng nhựa chứa chất thải, xây dựng khu vực lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt	

### 3.2. Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục.

### 3.3. Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác

Khi dự án đi vào hoạt động, các công trình bảo vệ môi trường và kế hoạch thực hiện các công trình bảo vệ môi trường của dự án được thể hiện trong bảng sau:

**Bảng 4.9. Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác**

STT	Công trình bảo vệ môi trường	Kế hoạch thực hiện	Trách nhiệm tổ chức thực hiện
1	Thu gom, phân loại chất thải rắn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thu gom chất thải thông thường phát sinh và chuyển về khu tập kết.</li> <li>- Thu gom, phân loại, lưu giữ CTNH theo đúng từng loại chất thải phát sinh tương ứng với mã CTNH.</li> <li>- Kiểm tra vệ sinh khu vực tập kết chất thải, khu lưu giữ CTNH</li> <li>- Thông báo đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý chất thải rắn – chất thải nguy hại theo đúng quy định.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ phận môi trường</li> <li>- Công nhân vệ sinh</li> </ul>

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường*

2	Hệ thống phòng cháy chữa cháy	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thường xuyên kiểm tra khả năng làm việc của hệ thống phòng cháy chữa cháy (1 tháng/lần).</li> <li>- Thay thế các thiết bị phòng cháy chữa cháy trong trường hợp bị hư hỏng.</li> <li>- Bổ sung đầy đủ nước cho bể dự phòng nước PCCC</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ phận kỹ thuật nhà máy</li> <li>- Bộ phận môi trường</li> </ul>
3	Hệ thống thu gom nước mưa, nước thải	- Định kỳ nạo vét hệ thống thoát nước mưa, nước thải.	Công ty TNHH Công Nghiệp Diing Jyuo Việt Nam
		- Giữ gìn vệ sinh; Không đổ nước thải vào hệ thống thoát nước mưa	Công nhân dọn vệ sinh nhà máy

### 3.4. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường

Khi dự án đi vào hoạt động, nhà xưởng sẽ bố trí một bộ phận chuyên trách về quản lý môi trường trong khu vực nhà máy và khu vực xung quanh, số lượng nhân sự được bố trí cụ thể như sau:

**Bảng 4.10. Tổ chức quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường**

STT	Hạng mục	Quản lý	Vận hành/Theo dõi
1	Quản lý chung về chất lượng môi trường, khu lưu chứa chất thải	Phòng quản lý	Nhân viên môi trường, nhân viên vệ sinh

Nhân viên môi trường thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thu gom, phân loại và lưu giữ chất thải; phát hiện kịp thời và đưa ra biện pháp xử lý trong trường hợp xảy ra sự cố rò rỉ.

### 4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

Mức độ tin cậy của các phương pháp sử dụng được đưa ra trong bảng sau:

Các đánh giá về nguồn tác động liên quan đến chất thải

**Bảng 4.11. Đánh giá độ tin cậy của các kết quả đánh giá**

TT	Các đánh giá tác động môi trường	Mức độ tin cậy của kết quả đánh giá	Nguyên nhân
<b>Giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị</b>			
1	Tác động đến môi trường không khí	Cao	Không có số liệu chi tiết về thời gian hoạt động của các thiết bị phục vụ thi công xây dựng. Chủ yếu dựa vào tính toán lý thuyết, dựa vào hệ số ô nhiễm của WHO thiết lập Hướng gió, vận tốc gió, các điều kiện khí hậu không phải hằng số, vì vậy các tính toán về khả năng phát tán có độ tin cậy cao.
2	Tác động đến môi trường nước	Cao	Dự án thuê nhà xưởng xây sẵn, đã được đầu tư hoàn thiện hệ thống thu gom và thoát nước mưa, nước thải.
3	Tác động do CTR	Cao	Có thể ước tính được lượng chất thải phát sinh dựa trên các công trình đã thi công tương tự và kinh nghiệm của nhà thầu.
4	Tác động do tiếng ồn, độ rung	Cao	Có thể ước tính được dựa trên các công trình đã thi công tương tự và kinh nghiệm của nhà thầu. Tuy nhiên không đánh giá được tác động cụ thể vào từng thời điểm do không có số liệu về số lượng máy móc hoạt động vào từng thời điểm nhất định.
<b>Giai đoạn hoạt động</b>			
1	Tác động đến môi trường không khí	Cao	Có thể dự đoán được các nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí Tính toán tải lượng và nồng độ căn cứ trên các hệ số ô nhiễm, các trạng trại chăn nuôi gà thịt tương tự đang hoạt động, tuy nhiên khả năng phát tán không được dự báo chính xác vì điều kiện thời tiết, khí hậu luôn thay đổi.
2	Nước thải	Cao	Từ công suất hoạt động của dự án và các Công ty có ngành nghề sản xuất tương tự đang hoạt động

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường*

			có thể ước tính được khá chính xác lượng nước thải, CTR phát sinh và các tác động có thể ảnh hưởng đến môi trường nước
3	Tác động do CTR	Cao	Từ công suất hoạt động của dự án và các Công ty có ngành nghề sản xuất tương tự đang hoạt động có thể dự báo khá chính xác các tác động này.
4	Tiếng ồn	Cao	Từ công suất hoạt động của dự án và các Công ty có ngành nghề sản xuất tương tự đang hoạt động có thể dự báo khá chính xác các tác động này.
5	Rủi ro, sự cố	Cao	Từ công suất hoạt động của dự án và các Công ty có ngành nghề sản xuất tương tự đang hoạt động có thể dự báo khá chính xác các rủi ro, sự cố có thể xảy ra.

**CHƯƠNG V. PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG,  
PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

*(Chỉ yêu cầu đối với các dự án đầu tư nhóm II, bao gồm: dự án khai thác khoáng sản, dự án chôn lấp chất thải, dự án gây tổn thất, suy giảm đa dạng sinh học).*

Dự án không thuộc dự án khai thác khoáng sản, dự án chôn lấp chất thải, dự án gây tổn thất, suy giảm đa dạng sinh học. Do đó sẽ không thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.

## **CHƯƠNG VI. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

### **1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải**

- Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên tại Công ty.

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 8 m<sup>3</sup>/ngày.

- Dòng nước thải: Nước thải từ nhà vệ sinh sau khi qua bể tự hoại 5 ngăn cùng với nước thải sinh hoạt từ quá trình rửa mặt, tay, chân từ xưởng 4 sau đó theo đường ống PVC, đường kính DN 200mm, dài 20m dẫn thoát vào hệ thống thu gom, thoát nước thải của Công ty TNHH Công Nghiệp Diing Jyuo Việt Nam (đơn vị cho thuê nhà xưởng) đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN theo đường ống BTCT, đường kính DN 200mm, dài 3m; sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Tam Phước tại 1 vị trí hố ga (tọa độ X: 1202185.84; Y: 410658.06) nằm trên đường số 3 để xử lý đạt chuẩn môi trường.

Do đó, căn cứ theo điều 39, Luật Bảo vệ môi trường, dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải.

### **2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với bụi, khí thải**

- Nguồn phát sinh khí thải: dự án đi vào hoạt động sẽ phát sinh các nguồn khí thải phân tán như sau

+ Nguồn số 01: Hơi dung môi trong công đoạn in của quá trình sản xuất.

+ Nguồn số 02: Hơi dung môi từ công đoạn pha trộn hóa chất.

- Lưu lượng xả khí thải tối đa

+ Lưu lượng khí thải nguồn số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 20.000 m<sup>3</sup>/giờ.

+ Lưu lượng khí thải nguồn số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 4.800 m<sup>3</sup>/giờ.

- Dòng khí thải

+ Dòng khí thải 01: Ống thoát khí từ HTXL hơi dung môi trong công đoạn in của quá trình sản xuất.

+ Dòng khí thải 02: Ống thoát khí từ HTXL hơi dung môi từ công đoạn pha trộn hóa chất.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

+ Nguồn số 01: Lưu lượng, bụi, n-Butyl acetate, Etyl Acetate.

+ Nguồn số 02: Lưu lượng, bụi, n-Butyl acetate, Etyl Acetate.

- Giới hạn của các chất ô nhiễm:

Quy chuẩn hiện hữu: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp QCVN 19:2024/BTNMT (cột C – quy định giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp của cơ sở xả khí thải công nghiệp có địa điểm hoạt động trong vùng khác).

**Bảng 6.1. Thông số và giá trị của các chất ô nhiễm trong khí thải**

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2024/BTNMT
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-
2	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	≤100
3	n-Butyl acetate	mg/Nm <sup>3</sup>	≤150
4	Etyl Acetate	mg/Nm <sup>3</sup>	≤150

- Vị trí, phương thức xả khí thải:

+ Vị trí 01: Tương ứng với ống thoát khí từ HTXL hơi dung môi trong công đoạn in của quá trình sản xuất. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1202298.86; Y = 410629.06.

+ Vị trí 02: Tương ứng với ống thoát khí từ HTXL hơi dung môi từ công đoạn pha trộn hóa chất. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1202227.77; Y = 410657.08.

+ Phương thức xả khí thải: Khí thải được xả ra môi trường qua ống thoát khí, xả cưỡng bức, xả gián đoạn.

### 3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

#### 3.1. Tiếng ồn

- Nguồn phát sinh:

+ Nguồn số 1: Khu vực máy ép từ quá trình sản xuất sản phẩm phụ kiện,...

+ Nguồn số 2: Khu vực gia công từ quá trình in

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - QCVN 26:2025/BTNMT và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc - QCVN 24:2016/BYT:

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường*

TT	QCVN 26:2025/BTNMT		QCVN 24:2016/BYT		Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương (L <sub>aeq</sub> ) - dBA	
1	70	55	8	85	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung**

Không phát sinh.

**4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn**

**4.1. Khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh**

*4.1.1. Khối lượng, chủng loại chất rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường*

**Bảng 6.2. Khối lượng, chủng loại chất thải sinh hoạt phát sinh tại dự án**

TT	Tên chất thải	Số lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm thực phẩm	14,4
2	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm tái chế	3,6
3	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại	6,0
<b>Tổng</b>		<b>24</b>

*(Nguồn: Công ty TNHH Moa Vina)*

**Bảng 6.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh tại dự án**

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu chất thải	Số lượng phát sinh (kg/năm)
1	Vải vụn	12 09 09	TT-R	1.000
2	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	18 01 05	TT-R	800
3	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải (bao nylon)	18 01 06	TT-R	1.300
<b>Tổng cộng</b>				<b>3.100</b>

*(Nguồn: Công ty TNHH Moa Vina)*

*4.1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại*

**Bảng 6.4. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh tại dự án**

STT	Loại chất thải	Mã CTNH	Ký hiệu chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (Kg/năm)
1	Hộp mực in, photo thải	08 02 04	KS	Rắn	70
2	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	Rắn	200	400
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	NH	Rắn	200
4	Dung môi rửa khuôn	17 08 03	NH	Lỏng	20
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	KS	Rắn	1.500
6	Giẻ lau nhiễm TPNH	18 02 01	KS	Rắn	32.000
7	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	NH	Rắn	100
<b>Tổng</b>					<b>34.290</b>

(Nguồn: Công ty TNHH Moya Vina)

## 4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

### 4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, thông thường

#### a) Chất thải sinh hoạt:

- Toàn bộ rác thải sinh hoạt được thu gom, phân loại vào các thùng chứa có nắp đậy đặt ngay tại khu vực làm việc và nhà xưởng sản xuất. Chủ dự án sẽ phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ; Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính Phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025; Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng chứa chất thải chuyên dụng có nắp đậy.

- Kho/Khu vực lưu chứa: Không bố trí kho lưu chứa (dự án bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt 240 lít được đặt tại các vị trí trong khuôn viên dự án có mái che, nền bê tông đảm bảo đủ lưu chứa toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt và thực hiện phân loại triệt để chất thải rắn sinh hoạt ngay tại nguồn).

- Chủ dự án sẽ tiến hành ký hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định toàn bộ lượng chất thải này.

b) Chất thải rắn thông thường:

- Dự án thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ; Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính Phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025; Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng chứa chất thải chuyên dụng có nắp đậy.

- Kho/Khu vực lưu chứa: Bố trí khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp trong quá trình sản xuất có mái che, nền bê tông, tường bao quanh, diện tích 15 m<sup>2</sup>; đối với bùn phát sinh từ bể tự hoại định kỳ chủ dự án sẽ thuê đơn vị có chức năng đến hút, thu gom và xử lý.

- Chủ dự án sẽ tiến hành ký hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định toàn bộ lượng chất thải rắn thông thường.

#### *4.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại*

Dự án sẽ tuân thủ các yêu cầu về thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ; Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính Phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025; Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Chất thải nguy hại phát sinh từ Dự án bao gồm: pin, bình ắc quy, giẻ lau nhiễm TPNH, nước aceton rửa khuôn,... Phần chất thải nguy hại này sẽ được chủ đầu tư thu gom quản lý bằng các giải pháp sau:

- Thiết bị lưu chứa: trang bị các thùng chứa chất thải chuyên dụng.

- Kho/Khu vực lưu chứa trong nhà:

+ Diện tích kho lưu chứa: 8 m<sup>2</sup>.

+ Thiết kế, cấu tạo: Mái che bằng tôn, tường bao xung quanh, nền bê tông, khu vực lưu giữ chất thải nguy hại trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; sử dụng vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có rãnh thu gom chất lỏng và hố ga thu gom đảm bảo chất lỏng không chảy tràn ra bên ngoài khi vệ sinh, chữa cháy hoặc có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn.

- Chủ dự án sẽ tiến hành ký hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định toàn bộ lượng chất thải này.

## CHƯƠNG VII. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, chủ dự án đầu tư đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành, cụ thể như sau:

### 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư

#### 1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của Cơ sở cụ thể như bảng sau:

**Bảng 7.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải**

Hạng mục	Số lượng	Công suất	Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	
			Bắt đầu	Kết thúc
Hệ thống thu gom, xử lý hơi dung môi trong công đoạn in của quá trình sản xuất	01	20.00 m <sup>3</sup> /giờ	06 tháng	

#### 1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

- Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải:

**Bảng 7.2. Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải**

Hạng mục	Vị trí thu mẫu	Thông số	Tần suất	Số mẫu/ngày	Loại mẫu	Tiêu chuẩn so sánh
<b>Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý</b>						
<i>Công trình xử lý bụi phát sinh từ công đoạn sản xuất</i>						
Hệ thống thu gom, xử lý hơi dung môi trong công đoạn in của quá trình sản xuất	Ống thoát khí từ HTXL hơi dung môi trong công đoạn in của quá trình sản xuất	Lưu lượng, bụi, n-Butyl acetate, Etyl acetat	3 ngày liên tiếp	3	Mẫu đơn	QCVN 19:2024/ BTNMT

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường*

<b>Hạng mục</b>	<b>Vị trí thu mẫu</b>	<b>Thông số</b>	<b>Tần suất</b>	<b>Số mẫu/ngày</b>	<b>Loại mẫu</b>	<b>Tiêu chuẩn so sánh</b>
trình sản xuất						

**\* Đơn vị quan trắc môi trường Công ty dự kiến phối hợp:**

Công ty sẽ phối hợp với đơn vị có chức năng thực hiện quan trắc môi trường theo đúng quy định.

**2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật**

**2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ**

**a) Quan trắc nước thải**

Nước thải phát sinh tại dự án được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, sau đó chảy theo hệ thống thu gom nước thải chung do Công ty TNHH Công Nghiệp Diing Jyuo Việt Nam đầu tư và đầu nối với KCN Tam Phước. Quá trình đầu nối nước thải vào KCN sẽ do Công ty TNHH Công Nghiệp Diing Jyuo Việt Nam quản lý và chịu trách nhiệm.

Do đó, Công ty không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc nước thải định kỳ.

**b) Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp**

Dự án không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc khí thải định kỳ.

**2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải**

Dự án không thuộc đối tượng lắp đặt quan trắc tự động, liên tục chất thải.

**2.3. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án**

Không có.

**3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm**

Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường định kỳ hằng năm của dự án như sau:

**Bảng 7.1. Tổng kinh phí dự toán cho giám sát môi trường hàng năm của dự án**

<b>STT</b>	<b>Chương trình quản lý và giám sát</b>	<b>Số lượng mẫu</b>	<b>Tần suất</b>	<b>Kinh phí (đồng/năm)</b>
1	Chi phí lập báo cáo	-	1 lần/năm	10.000.000
2	Chi phí cho xử lý chất thải	Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại	Thường xuyên, liên tục	90.000.000
<b>Tổng cộng</b>				<b>100.000.000</b>

**CHƯƠNG VIII. NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐÁP ỨNG  
TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG ĐỂ ĐƯỢC XÁC NHẬN DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC  
DANH MỤC PHÂN LOẠI XANH**

Ngành nghề hoạt động của dự án là sản xuất và gia công các bộ phận, linh kiện của mũ giày các loại; gia công thêu, in trên giày và các chi tiết, phụ kiện của chúng. Vì vậy, trong nội dung báo cáo không thực hiện thuyết minh dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh.

## **CHƯƠNG IX. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Chủ đầu tư dự án cam kết tuân thủ đúng các Luật Bảo vệ Môi trường và các quy định của Nhà Nước Việt Nam liên quan đến vấn đề vệ sinh môi trường;

Chủ dự án sẽ phối hợp với các cơ quan chức năng trong quá hoạt động để kịp thời kiểm soát mức độ ô nhiễm nhằm đạt Quy chuẩn môi trường theo quy định và phòng chống sự cố môi trường;

Chủ đầu tư cam kết thực hiện các biện pháp khống chế ô nhiễm và hạn chế các tác động có hại đã được đưa ra và kiến nghị trong báo cáo nhằm đảm bảo được Quy chuẩn môi trường Việt Nam;

Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của Công ty đảm bảo không thải nước thải chưa được xử lý ra ngoài môi trường.

Cam kết thu gom và xử lý chất thải rắn phát sinh theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ; Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính Phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025; Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Chủ đầu tư dự án sẽ tăng cường công tác đào tạo cán bộ về môi trường nhằm nâng cao năng lực quản lý môi trường trong trại, bảo đảm không phát sinh các vấn đề gây ô nhiễm môi trường;

Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường;

Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan;

Thực hiện đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường theo quy định trong trường hợp xảy ra các sự cố, rủi ro môi trường do vận hành;

Chịu trách nhiệm trước Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường và vi phạm các quy chuẩn Việt Nam, các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên./.

# PHỤ LỤC

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3602629351

Đăng ký lần đầu: ngày 17 tháng 10 năm 2011

Đăng ký thay đổi lần thứ: 11, ngày 25 tháng 09 năm 2025

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MOA VINA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MOA VINA CO., LTD

Tên công ty viết tắt:

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

Đường số 3, KCN Tam Phước, Phường Tam Phước, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 02513510696

Số Fax:

Thư điện tử:

Website:

**3. Vốn điều lệ : 30.582.000.000 đồng.**

Bằng chữ: Ba mươi tỷ năm trăm tám mươi hai triệu đồng

**4. Danh sách thành viên góp vốn**

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân; Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập/giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đối với tổ chức	Ghi chú
1	MOA TRADING	HÀN QUỐC	Rm. No 102-901 Ho, Sincheondaero 246, Busanjin-gu, Busan, HÀN QUỐC	25.811.208.000	84,400	605-24-44134	

2	KIM SUNAM	Hàn Quốc	Đường số 3, KCN Tam Phước, Phường Tam Phước, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	4.770.792.000	15,600	M651S087 3	
---	-----------	----------	--	---------------	--------	---------------	--

**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ, chữ đệm và tên: KIM SUNAM

Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *17/12/1981*

Quốc tịch: *Hàn Quốc*

Hộ chiếu nước ngoài: *M651S0873*

Ngày cấp: *31/08/2023*

Nơi cấp: *Hàn Quốc*

Chức danh: *Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc*

Địa chỉ liên lạc: *Đường số 3, KCN Tam Phước, Phường Tam Phước, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*

**KT.TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



*Đỗ Quốc Thịnh*

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ**

Mã số dự án: 8706802757

Chứng nhận lần đầu: ngày 24 tháng 12 năm 2025

Chứng nhận điều chỉnh lần thứ nhất: ngày 31 tháng 3 năm 2026

Căn cứ Luật đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2026/NQ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ về việc tiếp tục áp dụng văn bản quy định chi tiết, quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số luật đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 23/2025/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8706802757 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai chứng nhận lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2025;

(1/4/8706802757)

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do  
CÔNG TY TNHH MOA VINA nộp ngày 26 tháng 3 năm 2026,

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP, KHU KINH TẾ TỈNH ĐỒNG NAI**

Chứng nhận:

Dự án đầu tư NHÀ MÁY 2 - CÔNG TY TNHH MOA VINA; mã số dự án  
8706802757 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai  
chứng nhận lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2025;

Được đăng ký:

- Cập nhật tiến độ góp vốn.
- Điều chỉnh tiến độ huy động vốn.
- Điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án.

**Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:**

**Nhà đầu tư đồng thời là Tổ chức kinh tế thực hiện dự án:**

**CÔNG TY TNHH MOA VINA;** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số  
3602629351 đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 10 năm 2011, thay đổi lần thứ mười  
một ngày 25 tháng 9 năm 2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính tỉnh  
Đồng Nai cấp.

Địa chỉ trụ sở chính: Đường số 3, Khu công nghiệp Tam Phước, phường  
Tam Phước, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 02513506967; email: kimsunam7272@gmail.com.

Người đại diện: Ông KIM SUNAM; chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành  
viên kiêm Giám đốc; sinh ngày 17 tháng 12 năm 1981; quốc tịch: Hàn Quốc; hộ  
chiếu số: M651S0873 cấp ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại Hàn Quốc; địa chỉ thường  
trú và chỗ ở hiện tại: Marrium APT 102-2301, 69-5, Buam-Dong, Busan Jin-ku,  
Busan, Korea.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

**Điều 1: Nội dung dự án đầu tư:**

1. Tên dự án đầu tư: **NHÀ MÁY 2 - CÔNG TY TNHH MOA VINA.**
2. Mục tiêu và quy mô của dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Quy mô	Mã ngành theo VSIC
01	Sản xuất, gia công chi tiết, phụ kiện cho các sản phẩm may mặc như chi tiết, phụ kiện của trang phục, nón, mũ, giày.	12.000.000 sản phẩm/năm, tương đương 05 tấn sản phẩm/năm	1410

(2/4/8706802757)

02	Gia công thêu, in trên giấy và các chi tiết, phụ kiện của chúng.	12.000.000 sản phẩm/năm, tương đương 05 tấn sản phẩm/năm	1520
----	--	--	------

Lưu ý: Trong quy trình sản xuất, gia công không bao gồm công đoạn nhuộm.

3. Địa điểm thực hiện dự án: Thuê nhà xưởng với diện tích 7.332 m<sup>2</sup> của Công ty TNHH Công nghiệp Diing Jyuo Việt Nam tại đường số 3, Khu công nghiệp Tam Phước, phường Tam Phước, tỉnh Đồng Nai.

4. Tổng vốn đầu tư của dự án: 104.080.000.000 (một trăm lẻ bốn tỷ, không trăm tám mươi triệu) đồng, tương đương 4.000.000 (bốn triệu) đô la Mỹ, trong đó:

- Vốn góp để thực hiện dự án: 5.204.000.000 (năm tỷ, hai trăm lẻ bốn triệu) đồng, tương đương 200.000 (hai trăm nghìn) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 5% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ và phương thức góp vốn như sau:

STT	Nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn
		Đồng	Tương đương đô la Mỹ		
01	CÔNG TY TNHH MOA VINA	5.204.000.000	200.000	100	Bằng tiền

- Vốn huy động: 98.876.000.000 (chín mươi tám tỷ, tám trăm bảy mươi sáu triệu) đồng, tương đương 3.800.000 (ba triệu, tám trăm nghìn) đô la Mỹ.

5. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 (năm mươi) năm kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2025.

6. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

a) Tiến độ góp vốn và dự kiến huy động các nguồn vốn:

- Vốn góp: Đã góp đủ.

- Vốn huy động: Dự kiến huy động đủ trong 05 (năm) năm kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2025.

b) Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư: Dự kiến đi vào hoạt động từ tháng 12 năm 2026.

**Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:**

1. Thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo quy định về Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Thuế nhập khẩu và các loại thuế khác: Theo quy định tại thời điểm nộp thuế.

**Điều 3: Các quy định đối với Nhà đầu tư, Tổ chức kinh tế thực hiện dự án:**

1. Thực hiện thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng và báo cáo định kỳ trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.
2. Triển khai dự án đầu tư theo mục tiêu, nội dung, tiến độ cam kết và tuân thủ các quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, các quy định pháp luật về đầu tư, quy hoạch, đất đai, môi trường, xây dựng, lao động và pháp luật liên quan trong quá trình triển khai dự án.
3. Trường hợp thay đổi địa điểm thực hiện dự án, doanh nghiệp cần thông báo và phải được sự chấp thuận, ghi nhận trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

**Điều 4:** Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8706802757 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai chứng nhận lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2025.

**Điều 5:** Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; CÔNG TY TNHH MOA VINA được cấp 01 (một) bản và 01 (một) bản lưu tại Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Lưu ĐT.

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Nguyễn Minh Chiến**

CÔNG TY TNHH CN DIING JYUO VN  
Đường số 3, KCN Tam Phước, BH, ĐN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## HỢP ĐỒNG CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG SỐ: 11DJ/2025/HĐTX

- Căn cứ vào Bộ luật Dân sự năm 2015
- Căn cứ Luật đầu tư
- Căn cứ Luật doanh nghiệp
- Căn cứ theo chức năng được cho thuê nhà xưởng theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh đăng ký thay đổi lần thứ 5 số: 9954021649 do Ban Quản Lý các KCN tỉnh Đồng Nai cấp ngày 28 tháng 02 năm 2018, của công ty TNHH Công Nghiệp Diing Jyuo Việt Nam

Hôm nay ngày 05/07/2025 tại Văn phòng Công ty TNHH Công Nghiệp Diing Jyuo Việt Nam chúng tôi gồm có:

### **BÊN CHO THUÊ (Sau đây gọi là BÊN A)**

**Bên cho thuê: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP DIING JYUO VIỆT NAM (BÊN A)**

Đại diện: Ông **HSIEH CHUNG PAO** Passport : 350929237 Quốc tịch: Đài Loan  
Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Địa chỉ: Đường số 3, Khu Công nghiệp Tam Phước, Phường tam phước, Tỉnh Đồng Nai.

Mã số thuế: 3600525205

Điện thoại: 0973215311

Tên tài khoản ngân hàng: Công ty TNHH Công Nghiệp Diing Jyuo Việt Nam

Số tài khoản: 6011679005 - tại Ngân Hàng INDOVINA, Chi Nhánh Đồng Nai

### **BÊN THUÊ (Sau đây gọi là BÊN B)**

**Bên Thuê : Công ty TNHH MOA VINA**

**Mã số thuế : 3602629351**

Địa chỉ trụ sở chính : Đường số 3, Khu Công nghiệp Tam Phước, Phường Tam Phước, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

SĐT : 02513.510.697

Tài Khoản Ngân Hàng : 0481000650284 Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Tam Phước

Người đại diện theo pháp luật của công ty : Ông KIM SUNAM

Chức danh : Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc

Sinh ngày : 17/ 12 / 1981 Quốc tịch : Hàn Quốc

Ngày cấp : 31/08/2023 Nơi cấp : Hàn Quốc

Địa chỉ thường trú : Marrium APT 102-2301, 69-5, Buam-Dong, Busan Jin-ku,  
Busan, Hàn Quốc

Hai bên A và B đồng ý và thống nhất thực hiện theo những điều khoản dưới đây:

### **ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG, DIỆN TÍCH VÀ ĐƠN GIÁ CHO THUÊ**

#### **1. Đối tượng và diện tích cho thuê:**

1.1 Bên A đồng ý cho Bên B thuê một phần nhà xưởng, đặt tại địa chỉ đường số 03, KCN Tam Phước, Phường Tam Phước, tỉnh Đồng Nai, theo giấy Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần thứ 5 số: 9954021649 do Ban Quản Lý các KCN tỉnh Đồng Nai cấp ngày 28 tháng 02 năm 2018 ,với tổng diện tích nhà xưởng thuê 7.332 m<sup>2</sup> (Bảy ngàn ba trăm ba mươi hai hai mét vuông) .

**Diện Tích nhà xưởng là: 7.332m<sup>2</sup>**

Nếu Bên B có nhu cầu tăng diện tích thuê, thì hai Bên sẽ thỏa thuận và ký kết bằng văn bản (Được gọi là phụ lục hợp đồng)

#### **2. Giá thuê :**

- Giá thuê nhà xưởng là: 2.0 USD/ m<sup>2</sup>/tháng chưa bao gồm VAT 10%
- Tổng giá thuê theo tháng :  $7.332 * 2.0 \text{ USD} = 14.664 \text{ USD}$  (Mười bốn ngàn Sáu trăm sáu mươi tư đô la mỹ.), Chưa bao gồm VAT 10%.
- Bên A nhận tiền chuyển khoản ,tổng số tiền sẽ được quy đổi theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng Vietcombank tại thời điểm bên A xuất hóa đơn.
- Bên B chỉ thanh toán tiền thuê nhà xưởng theo giá thuê nêu trên cho bên A, bên B không có trách nhiệm thanh toán phí quản lý cho Khu công nghiệp Tam Phước, phí quản lý này do bên A chịu trách nhiệm chi trả cho Khu công nghiệp Tam Phước.

- Riêng các hạng mục, cơ sở hạ tầng dùng chung như: hệ thống phòng cháy chữa cháy bên ngoài nhà xưởng, lối đi, cổng chính, nhà vệ sinh, nhà ăn, nhà để xe, bên A không tính phí thuê cho bên B, bên B được sử dụng miễn phí cùng với các đơn vị thuê xưởng trong khuôn viên Công ty TNHH Công Nghiệp Diing Jyuo Việt Nam.

## **ĐIỀU 2: THỜI GIAN THUÊ NHÀ XƯỞNG**

1. Thời hạn thuê nhà xưởng : 10 Năm
2. Thời gian tính tiền thuê nhà xưởng tính từ ngày 05/07/2025-04/07/2035

## **ĐIỀU 3: ĐẶT CỌC VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

### **1. Tiền đặt cọc :**

- Ngay khi ký hợp đồng này, trong vòng 02 ngày Bên B phải đặt cọc cho bên A số tiền tương đương với 03 tháng tiền thuê nhà xưởng, cụ thể là : 43.800USD, tương đương số tiền : 1,103,322,000 VND ( Một tỷ, một trăm lẻ ba triệu, ba trăm hai mươi hai ngàn đồng)
- số tiền này không được cần trừ vào tiền thuê nhà xưởng mà bên B phải trả cho bên A.
- Sau khi hợp đồng thuê hết thời hạn hoặc trong trường hợp bất khả kháng Bên B chấm dứt trước thời hạn, thì bên B phải báo trước 6 tháng cho bên A của năm thứ 9 thì bên A sẽ hoàn trả cho Bên B số tiền đặt cọc trên trong vòng 10 ngày, với điều kiện bên B bàn giao nhà xưởng, nhà văn phòng cho Bên A, không nợ tiền thuê và các chi phí khác có liên quan, hoặc phát sinh do lỗi vi phạm hợp đồng của bên B.
- Nếu Bên B có vi phạm hợp đồng, Bên A sẽ khấu trừ phần chi phí xử lý vi phạm (Bên A phải đưa ra và cung cấp chính xác giấy tờ chứng minh việc vi phạm của Bên B) và Bên A không hoàn lại tiền cọc.
- Trường hợp sau khi ký hợp đồng bên B đổi ý không thuê thì bên B bị mất tiền đặt cọc, nếu bên A đổi ý không cho bên B thuê thì bên A phải hoàn lại số tiền đặt cọc và chi phí sửa chữa nhà xưởng đã bị khấu hao theo thời gian cho bên B.

### **2. Phương thức thanh toán tiền thuê:**

- Thời hạn thanh toán: hàng tháng bên A sẽ gửi chứng từ hóa đơn cho bên B từ ngày 01 đầu tháng, khi bên B nhận đầy đủ hóa đơn chứng từ, trong vòng 05 ngày Bên B phải thanh toán cho Bên A theo tài khoản ngân hàng do Bên A chỉ định trên. Nếu quá thời hạn trên mà Bên B chưa thanh toán cho Bên A thì Bên B bị phạt lãi chậm trả 0.1%/Tháng.
- Chi phí ngân hàng khi thanh toán tiền thuê và các khoản tiền điện ,nước sẽ do Bên B chịu trách nhiệm chi trả.Bên A nhận đủ số tiền ghi trên hóa đơn.

- Tỷ giá sẽ lấy theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng Vietcombank tại thời điểm bên A xuất hóa đơn, thường tính vào sáng sớm ngày 01 hàng tháng./

#### **ĐIỀU 4: THỜI HẠN BÀN GIAO MẶT BẰNG NHÀ XƯỞNG VÀ CHẤT LƯỢNG NHÀ XƯỞNG KHI BÀN GIAO**

##### **1. Thời điểm bàn giao nhà xưởng:**

- Bên A bàn giao nhà xưởng cho bên B từ bắt đầu từ ngày 05/07/2025 và cho bên B sử dụng miễn phí 01 tháng đến hết ngày 04/08/2025.
- Thời gian bắt đầu tính tiền thuê nhà xưởng từ ngày 05/08/2025
- Bên A giao mặt bằng nhà xưởng theo đúng hiện trạng lúc 2 bên thỏa thuận thuê, Nếu bên B có nhu cầu tu sửa và lắp đặt thêm để trang bị cho nhà xưởng thì phải thông báo cho bên A biết trước, chi phí sửa chữa bên B phải chịu toàn bộ.

##### **2. Chất lượng nhà xưởng, nhà văn phòng khi bàn giao:**

- 2.1 Bên A phải bàn giao cho bên B mặt bằng nhà xưởng, đạt chất lượng và đầy đủ công năng sử dụng như:
  - o Bên A dành riêng cho bên B miễn phí một văn phòng và hai ký túc xá trong vòng 10 năm không tính tiền thuê
  - o Hệ thống máng thoát nước ở mái nhà xưởng, trong tình trạng tốt, thoát nước tốt.
  - o Hệ thống điện trong nhà xưởng bên B phải tự đấu nối từ trạm điện của bên A
  - o Hệ thống cấp nước và thoát nước trong tình trạng tốt, Bên B phải tự đấu nối hệ thống nước sạch và nước thải để phục vụ cho việc kinh doanh .
  - o Công tác bảo vệ bên B chịu trách nhiệm.
- 2.2 Sau khi bên A bàn giao nhà xưởng cho bên B, các công việc trên bên A đã hoàn tất, bên B chịu trách nhiệm kiểm tra và bảo quản.
- 2.3 Trong suốt quá trình thuê xưởng thời gian 10 năm nếu có hư hỏng nhà xưởng bên B tự khắc phục sửa chữa.
- 2.4 Bên A phải có trách nhiệm quản lý các công ty khác trong khu vực của bên A đang cho thuê, đảm bảo vệ sinh môi trường.

#### **ĐIỀU 5: CHI PHÍ SỬ DỤNG VÀ TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ THIẾT BỊ, CƠ SỞ HẠ TẦNG:**

- Bên A có sẵn trạm điện, hệ thống cung cấp nước sạch và nước thải cho Bên B. Bên B tự đấu nối và lắp đồng hồ riêng cho xưởng mình để sử dụng. Đơn giá tiền điện và tiền nước sử dụng hàng tháng tính theo qui định của Nhà Nước áp dụng cho Doanh Nghiệp nằm trong Khu Công Nghiệp Tam Phước, Bên B phải tự thanh toán với Khu công nghiệp.
- Việc xử lý rác sinh hoạt, rác thải công nghiệp do Bên B chịu trách nhiệm xử lý nhưng phải căn cứ theo quy định của Ban Quản Lý Khu Công Nghiệp Tam Phước và quy định liên quan để xử lý cho phù hợp bên A ko chịu trách nhiệm về việc này
- Trong thời hạn thuê, trong phạm vi diện tích nhà xưởng nhà văn phòng Bên B đã thuê, Bên B có trách nhiệm phải tự quản lý tất cả mọi tài sản của mình và phải chi trả tất cả những chi phí phục vụ quá trình sản xuất của mình.
- Trong thời hạn hợp đồng, Bên B cần quản lý tốt, không làm hư hỏng và thực hiện nghĩa vụ bảo vệ kiến trúc, địa điểm, thiết bị phòng cháy chữa cháy, điện nước, công trình công cộng và các thiết bị khác. Bên B chịu trách nhiệm bảo vệ, bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ và duy trì vệ sinh môi trường, sử dụng tường rào, mặt đường, cột rửa, bồn rửa trong diện tích thuê. Bên B phải đảm bảo khi bản hợp đồng này kết thúc trả lại nguyên trạng, sạch sẽ cho Bên A, trừ trường hợp hao mòn tự nhiên do sử dụng.
- Lòng đường phòng cháy chữa cháy không được chất đống nếu cơ quan PCCC kiểm tra phạt thì Bên B chịu trách nhiệm.
- **Hệ thống PCCC bên trong nhà xưởng bên B phải chịu trách nhiệm lắp đặt theo quy định của luật PCCC .**
- Hàng năm công tác kiểm tra vệ sinh môi trường và an toàn PC bên B phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo đúng luật.không được làm ảnh hưởng đến bên A.
- Bên B không được chất đống ở khu vực công trình kiến trúc, hoặc khu vực xung quanh bất kỳ vật gây hại an toàn công cộng. Nếu chính quyền và đơn vị quản lý khu công nghiệp thông báo, Bên B cần sửa đổi và tự chịu trách nhiệm thu dọn trong thời hạn cho phép, nếu quá thời hạn vẫn chưa cải thiện dẫn đến vi phạm, Bên B phải chịu trách nhiệm. Nếu Bên B vẫn duy trì tình trạng trên, dẫn đến Bên A nhận thông báo của đơn vị quản lý, Bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Công trình kiến trúc,nhà xưởng, cùng các thiết bị theo bản hợp đồng mà Bên A đã cho Bên B thuê nếu bị hư hỏng hoặc mất mát, Bên B cần chịu trách nhiệm khôi phục nguyên trạng và bồi thường thiệt hại.

## **ĐIỀU 6: QUYỀN CHO THUÊ LẠI**

Trong thời hạn thuê, vật kiến trúc, địa điểm trong bản hợp đồng mà Bên B đã thuê của Bên A, Bên B được quyền chuyển nhượng hoặc cho mượn, thuê một phần hoặc toàn bộ nhà xưởng, thì bên A phải có trách nhiệm hoá đơn chứng từ

## **ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN MUA BẢO HIỂM**

Trong thời hạn hợp đồng này, các bên có trách nhiệm mua bảo hiểm hỏa hoạn và bảo hiểm tài sản cho những hạng mục sau:

1. Tất cả máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu... mà Bên B đã trang bị cho quá trình sản xuất của mình, Bên B có trách nhiệm mua bảo hiểm và chịu phí bảo hiểm. Đơn vị thụ hưởng bảo hiểm là bên B (Bên A không có quyền lợi gì tại điều này). Liên hệ với Bên A để xác nhận đã mua bảo hiểm bắt buộc.
2. Bên B có trách nhiệm mua bảo hiểm nhà xưởng

## **3. ĐIỀU 8: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

- Nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh tranh chấp hai Bên cần thương lượng giải quyết, nếu không đạt kết quả sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam.
- Luật áp dụng để giải quyết tranh chấp là luật Việt Nam. Quyết định của Tòa Án là quyết định cuối cùng, Bên thua kiện sẽ chịu hoàn toàn chi phí kiện.

Hợp đồng này được lập thành 04 bản, nội dung như nhau, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau

**ĐẠI DIỆN BÊN B  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**KIM SU NAM**

**ĐẠI DIỆN BÊN A  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**H SIEH CHUNG PAO**

CÔNG AN TỈNH ĐỒNG NAI  
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BIÊN BẢN KIỂM TRA**  
**VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ**  
**Kiểm tra hệ thống, phương tiện phòng cháy và chữa cháy**

Hồi 08 giờ 30 phút, ngày 28 tháng 02 năm 2025.

Tại: Công ty TNHH Moa Vina.

Địa chỉ: Đường số 3, KCN Tam Phước, phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Moa Vina.

**Chúng tôi gồm:**

\* **Đại diện Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an tỉnh Đồng Nai**

1. Thượng tá Nguyễn Danh Hương, Chức vụ: Trưởng Phòng,  
Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH;

2. Thiếu tá Hồ Thế Châu, Chức vụ: Phó Đội trưởng -  
Đội Công tác Phòng cháy, Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH;

3. Thượng úy Phan Đình Hoàng, Chức vụ: Cán bộ - Đội Công  
tác Phòng cháy, Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH.

Đã tiến hành kiểm tra về hệ thống, phương tiện phòng cháy chữa cháy theo công văn đề nghị của Công ty TNHH Moa Vina.

\* **Đại diện chủ đầu tư: Công ty TNHH Moa Vina**

- Ông: KIM SUNAM - Chức vụ: Giám đốc;

- Bà: Hoàng Thị Trà - Chức vụ: Thông dịch.

\* **Đại diện đơn vị thi công PCCC: Công ty TNHH Thương mại và PCCC Hoàng Loan**

- Ông: Nguyễn Thiên Trang Chức vụ: Giám đốc.

**I. BÁO CÁO CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VÀ CÔNG TÁC THI CÔNG**

- Công ty TNHH Moa Vina hoạt động ngành nghề gia công chi tiết mũ giày các loại. Công ty TNHH Moa Vina thuê nhà xưởng có diện tích 7.332m<sup>2</sup> của Công ty TNHH công nghiệp Diing Jyuo Việt Nam đã được thẩm duyệt thiết kế về PCCC, nghiệm thu về PCCC trước khi đi vào hoạt động.

- Để đảm bảo và nâng cao công tác an toàn PCCC, Công ty TNHH Moa Vina đã tiến hành cải tạo lắp đặt bổ sung hệ thống chữa cháy tự động sprinkler tại

nhà xưởng (7.332m<sup>2</sup>) gồm tổng cộng 640 đầu phun nước chữa cháy sprinkler hướng xuống đầu nối vào hệ thống cấp nước hiện hữu của công ty.

- Công ty TNHH Moa Vina đã tiến hành tự kiểm tra, thử nghiệm và nghiệm thu nội bộ các hệ thống, thiết bị PCCC, công tác thi công, lắp đặt đã bảo đảm yêu cầu theo quy định; các hệ thống đã được kiểm tra, thử nghiệm và đang trong tình trạng hoạt động tốt.

## II. KIỂM TRA HỒ SƠ KỸ THUẬT

- Đơn xin ý kiến công tác về PCCC;
- Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện về PCCC;
- Biên bản nghiệm thu về PCCC của chủ đầu tư và đơn vị thi công;
- Bản sao giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH Moa Vina;
- Bản sao Bản sao giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ về PCCC của Công ty TNHH Thương mại và PCCC Hoàng Loan;
- Tài liệu, quy trình hướng dẫn vận hành, bảo dưỡng các thiết bị, hệ thống phòng cháy và chữa cháy;
- Văn bản nghiệm thu hoàn thành hệ thống, thiết bị có liên quan về phòng cháy và chữa cháy;
- Bản sao Catalog thiết bị PCCC;

## III. KIỂM TRA THỰC TẾ.

Công ty TNHH Moa Vina đã tiến hành cải tạo lắp đặt bổ sung hệ thống chữa cháy tự động sprinkler tại nhà xưởng (7.332m<sup>2</sup>) gồm tổng cộng 640 đầu phun nước chữa cháy sprinkler hướng xuống đầu nối vào hệ thống cấp nước hiện hữu của công ty.

Nhận xét, đánh giá: Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống chữa cháy tự động sprinkler lắp đặt bổ sung hoạt động bình thường.

## IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### 1. Kết luận:

Tại thời điểm kiểm tra hệ thống chữa cháy tự động sprinkler lắp đặt bổ sung hoạt động trong tình trạng tốt và đồng ý đưa hệ thống vào sử dụng.

### 2. Kiến nghị:

- Đơn vị thi công hệ thống PCCC phải có trách nhiệm hướng dẫn quy trình vận hành, sử dụng các hệ thống PCCC được lắp đặt tại công trình cho chủ đầu tư.
- Chủ đầu tư phải bổ sung hồ sơ quản lý công tác PCCC tại cơ sở theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ.

CÔNG AN TỈNH ĐỒNG NAI  
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BIÊN BẢN KIỂM TRA**  
**VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ**  
**Kiểm tra hệ thống, phương tiện phòng cháy và chữa cháy**

Hồi 08 giờ 30 phút, ngày 28 tháng 02 năm 2025.

Tại: Công ty TNHH Moa Vina.

Địa chỉ: Đường số 3, KCN Tam Phước, phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Moa Vina.

**Chúng tôi gồm:**

\* **Đại diện Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an tỉnh Đồng Nai**

1. Thượng tá Nguyễn Danh Hương, Chức vụ: Trưởng Phòng,  
Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH;

2. Thiếu tá Hồ Thế Châu, Chức vụ: Phó Đội trưởng -  
Đội Công tác Phòng cháy, Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH;

3. Thượng úy Phan Đình Hoàng, Chức vụ: Cán bộ - Đội Công  
tác Phòng cháy, Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH.

Đã tiến hành kiểm tra về hệ thống, phương tiện phòng cháy chữa cháy theo công văn đề nghị của Công ty TNHH Moa Vina.

\* **Đại diện chủ đầu tư: Công ty TNHH Moa Vina**

- Ông: KIM SUNAM - Chức vụ: Giám đốc;

- Bà: Hoàng Thị Trà - Chức vụ: Thông dịch.

\* **Đại diện đơn vị thi công PCCC: Công ty TNHH Thương mại và PCCC  
Hoàng Loan**

- Ông: Nguyễn Thiên Trang Chức vụ: Giám đốc.

**I. BÁO CÁO CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VÀ CÔNG TÁC THI CÔNG**

- Công ty TNHH Moa Vina hoạt động ngành nghề gia công chi tiết mũ giày các loại. Công ty TNHH Moa Vina thuê nhà xưởng có diện tích 7.332m<sup>2</sup> của Công ty TNHH công nghiệp Diing Jyuo Việt Nam đã được thẩm duyệt thiết kế về PCCC, nghiệm thu về PCCC trước khi đi vào hoạt động.

- Để đảm bảo và nâng cao công tác an toàn PCCC, Công ty TNHH Moa Vina đã tiến hành cải tạo lắp đặt bổ sung hệ thống chữa cháy tự động sprinkler tại

nhà xưởng (7.332m<sup>2</sup>) gồm tổng cộng 640 đầu phun nước chữa cháy sprinkler hướng xuống đầu nối vào hệ thống cấp nước hiện hữu của công ty.

- Công ty TNHH Moa Vina đã tiến hành tự kiểm tra, thử nghiệm và nghiệm thu nội bộ các hệ thống, thiết bị PCCC, công tác thi công, lắp đặt đã bảo đảm yêu cầu theo quy định; các hệ thống đã được kiểm tra, thử nghiệm và đang trong tình trạng hoạt động tốt.

## II. KIỂM TRA HỒ SƠ KỸ THUẬT

- Đơn xin ý kiến công tác về PCCC;
- Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện về PCCC;
- Biên bản nghiệm thu về PCCC của chủ đầu tư và đơn vị thi công;
- Bản sao giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH Moa Vina;
- Bản sao Bản sao giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ về PCCC của Công ty TNHH Thương mại và PCCC Hoàng Loan;
- Tài liệu, quy trình hướng dẫn vận hành, bảo dưỡng các thiết bị, hệ thống phòng cháy và chữa cháy;
- Văn bản nghiệm thu hoàn thành hệ thống, thiết bị có liên quan về phòng cháy và chữa cháy;
- Bản sao Catalog thiết bị PCCC;

## III. KIỂM TRA THỰC TẾ.

Công ty TNHH Moa Vina đã tiến hành cải tạo lắp đặt bổ sung hệ thống chữa cháy tự động sprinkler tại nhà xưởng (7.332m<sup>2</sup>) gồm tổng cộng 640 đầu phun nước chữa cháy sprinkler hướng xuống đầu nối vào hệ thống cấp nước hiện hữu của công ty.

Nhận xét, đánh giá: Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống chữa cháy tự động sprinkler lắp đặt bổ sung hoạt động bình thường.

## IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### 1. Kết luận:

Tại thời điểm kiểm tra hệ thống chữa cháy tự động sprinkler lắp đặt bổ sung hoạt động trong tình trạng tốt và đồng ý đưa hệ thống vào sử dụng.

### 2. Kiến nghị:

- Đơn vị thi công hệ thống PCCC phải có trách nhiệm hướng dẫn quy trình vận hành, sử dụng các hệ thống PCCC được lắp đặt tại công trình cho chủ đầu tư.
- Chủ đầu tư phải bổ sung hồ sơ quản lý công tác PCCC tại cơ sở theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ.

13/11/2020

- Chủ đầu tư luôn phải đảm bảo việc duy trì áp lực nước bên trong đường ống cấp nước chữa cháy có đủ lưu lượng cần thiết để phục vụ công tác chữa cháy khi có sự cố xảy ra đảm bảo theo sửa đổi 01:2023 QCVN 06:2022/BXD, TCVN 2622:1995 và TCVN 7336:2021.

- Thực hiện đảm bảo về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan.

- Trong quá trình sử dụng không được cản trở các lối ra thoát nạn, đường giao thông cho xe chữa cháy tại công trình theo quy định, bảo đảm giải pháp ngăn cháy theo sửa đổi 01:2023 QCVN 06:2022/BXD và các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

- Trong quá trình đưa vào hoạt động, các trường hợp cải tạo, mở rộng và thay đổi tính chất, công năng sử dụng so với thiết kế ban đầu đã được thẩm duyệt về PCCC, phải thiết kế giải pháp PCCC, trang bị hệ thống, phương tiện PCCC theo TCVN 3890:2023 phù hợp với tính chất, công năng sử dụng và phải được Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh Đồng Nai thẩm duyệt trước khi thi công, lắp đặt và kiểm tra nghiệm thu về PCCC trước khi đưa vào sử dụng.

- Trong suốt quá trình hoạt động phải thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn phòng cháy chữa cháy tại cơ sở theo Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ.

Biên bản được lập xong hồi 11 giờ 30 cùng ngày, gồm 03 trang, được lập thành 03 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây./.

**ĐẠI DIỆN  
CHỦ ĐẦU TƯ**



**KIM SU NAM**

**ĐẠI DIỆN  
ĐƠN VỊ LIÊN QUAN**



*Nguyễn Thiên Trang*

**ĐẠI DIỆN  
ĐOÀN KIỂM TRA**



**Thượng tá Nguyễn Danh Hương**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**  
**QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

**I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**  
**Công ty TNHH Công nghiệp Diing Jyuo Việt Nam**

Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số: 472043000258 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp; chứng nhận lần đầu ngày 02/7/2001; chứng nhận thay đổi lần thứ ba ngày 27/7/2010.

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tam Phước, xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

CD 543300

## II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

### 1. Thửa đất:

- Thửa đất số: 1      Tờ bản đồ số: 45
- Địa chỉ: xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Diện tích: 75319,0m<sup>2</sup> (bằng chữ: bảy mươi lăm nghìn ba trăm mười chín phẩy không mét vuông)  
Trong đó: Diện tích được cấp: 75319,0m<sup>2</sup>,      Không được cấp: 0,0m<sup>2</sup>
- Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- Mục đích sử dụng: Đất khu công nghiệp.
- Thời hạn sử dụng: Đến ngày 02/07/2051.
- Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

### 2. Nhà ở: -/-

### 3. Công trình xây dựng khác:

Loại công trình: Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm gỗ gia dụng xuất khẩu

Hạng mục Công trình	Diện tích xây dựng (m <sup>2</sup> )	Diện tích sàn (m <sup>2</sup> ) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
1. Nhà xưởng 1	6864,0	6864,0	Riêng	Cấp 2	02/07/2051
2. Nhà xưởng 2	7488,0	7488,0	Riêng	Cấp 2	02/07/2051
3. Nhà xưởng 3	4608,0	4608,0	Riêng	Cấp 3	02/07/2051
4. Nhà xưởng 4	7332,0	7332,0	Riêng	Cấp 2	02/07/2051
5. Nhà xưởng 5	6708,0	6708,0	Riêng	Cấp 2	02/07/2051
6. Nhà văn phòng	930,0	930,0	Riêng	Cấp 3	02/07/2051
7. Nhà bảo vệ	45,1	45,1	Riêng	Cấp 4	02/07/2051
8. Nhà nghỉ trưa 1	525,0	525,0	Riêng	Cấp 3	02/07/2051
9. Nhà nghỉ trưa 2	540,0	540,0	Riêng	Cấp 3	02/07/2051
10. Nhà vệ sinh công nhân	51,84	51,84	Riêng	Cấp 4	02/07/2051
11. Nhà nghỉ giữa ca 3	60,48	60,48	Riêng	Cấp 4	02/07/2051

### 4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

### 5. Cây lâu năm: -/-

### 6. Ghi chú:

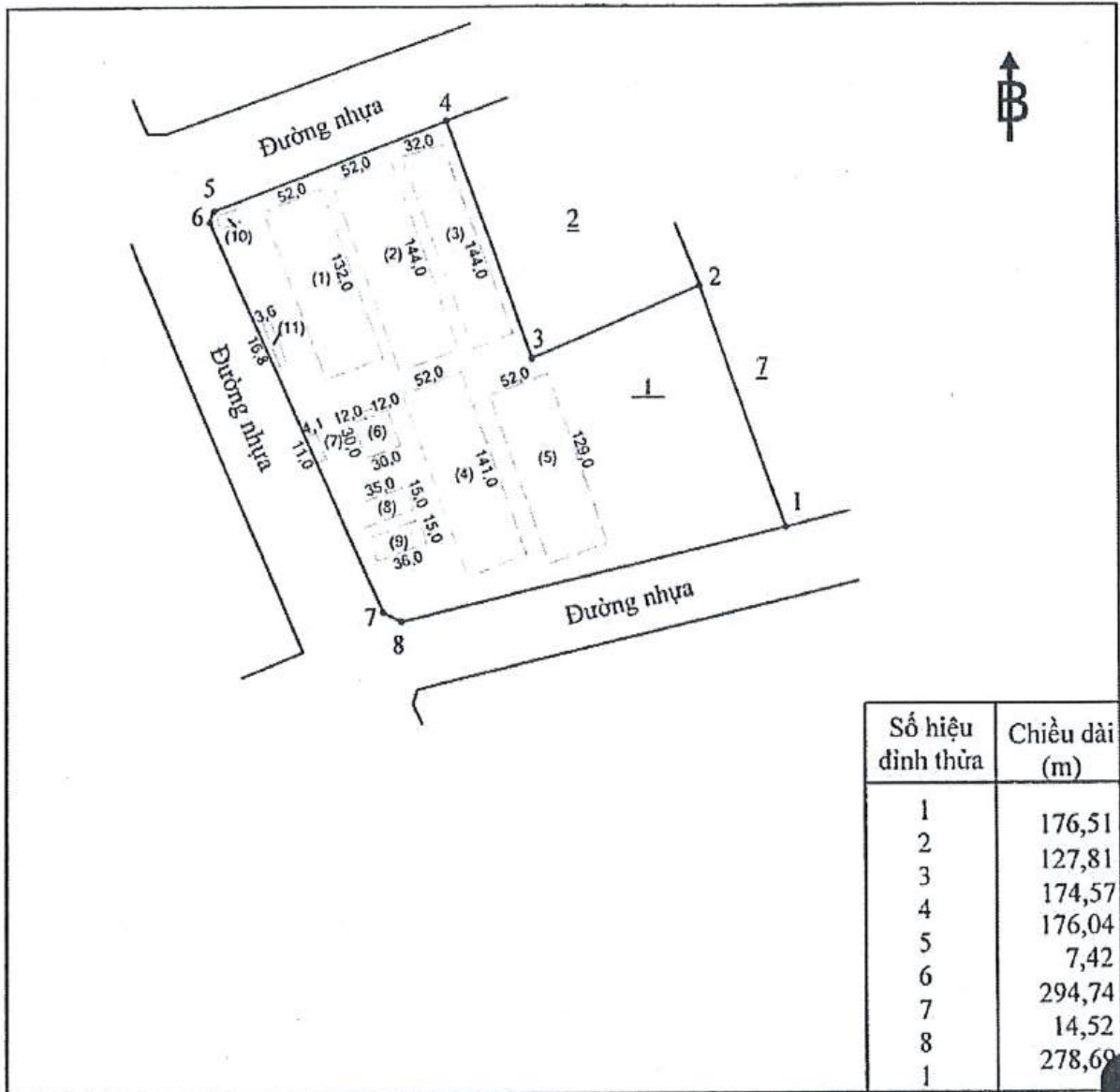
Đồng Nai, Ngày 23. tháng 02. năm 2016  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI  
KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đặng Minh Đức

Số vào sổ cấp GCN: CT 29756

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

I

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có  
thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



752637415801843

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ  
KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ**

Mã số dự án: 9954021649

Chúng nhận lần đầu: ngày 02 tháng 7 năm 2001.

Chúng nhận thay đổi lần thứ nhất: ngày 10 tháng 10 năm 2007.

Chúng nhận thay đổi lần thứ hai: ngày 01 tháng 02 năm 2008.

Chúng nhận thay đổi lần thứ ba: ngày 27 tháng 7 năm 2010.

Chúng nhận thay đổi lần thứ tư: ngày 15 tháng 4 năm 2015.

Chúng nhận thay đổi lần thứ năm: ngày 08 tháng 02 năm 2018.

- Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 19 tháng 6 năm 2013;

- Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

- Căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

- Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

- Căn cứ Quyết định số 204/TTg ngày 06 tháng 4 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai;

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 360052505 đăng ký lần thứ 1 ngày 08 tháng 05 năm 2017 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế

hoạch và Đầu tư cấp cho CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHIỆP DIING JYUO VIỆT NAM;

- Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 472043000258 ngày 10 tháng 10 năm 2007 và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 472043000258 ngày 15 tháng 4 năm 2015 do Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp cho Dự án CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHIỆP DIING JYUO VIỆT NAM;

- Xét Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và Hồ sơ kèm theo do CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHIỆP DIING JYUO VIỆT NAM đăng ký ngày 09 tháng 11 năm 2017,

### **BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

Chúng nhận:

Dự án đầu tư CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHIỆP DIING JYUO VIỆT NAM; Giấy chứng nhận đầu tư số 472043000258 ngày 10 tháng 10 năm 2007 do Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp;

Được đăng ký:

- Hủy bỏ các mục tiêu sau: Sản xuất, gia công các sản phẩm gỗ gia dụng, sản phẩm kim loại gia dụng và linh phụ kiện, từ nguyên liệu gỗ nhập khẩu chính ngạch và các loại vật liệu khác; Sản xuất bao bì mút xốp; sản xuất ván dăm gỗ

- Chuyển đổi mục tiêu cho thuê nhà xưởng đôi dư thành mục tiêu kinh doanh bất động sản: cho thuê nhà xưởng, nhà văn phòng và các công trình phụ trợ với diện tích 34.995 m<sup>2</sup>.

**Nhà đầu tư:**

Ông **HSIEH, CHUNG-PAO**; sinh ngày 01 tháng 9 năm 1958, quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan), hộ chiếu số 300033054 cấp ngày 05 tháng 02 năm 2009 tại Bộ Ngoại giao Trung Quốc; địa chỉ thường trú tại No. 3-427 Lane, Sec 2, Fu Chin Road, Yuanlin Town, Chang Hua Hsien, Taiwan R.O.C.

**Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư:**

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHIỆP DIING JYUO VIỆT NAM**; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 360052505 đăng ký lần thứ 1 ngày 08 tháng 05 năm 2017 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp; trụ sở chính tại: đường số 3, Khu công nghiệp Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

**Điều 1: Nội dung dự án đầu tư:**

1. Tên dự án đầu tư: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHIỆP DIING JYUO VIỆT NAM.

2. Mục tiêu và quy mô của dự án:

Kinh doanh bất động sản (cho thuê nhà xưởng, nhà văn phòng và các công trình phụ trợ với diện tích 34.995 m<sup>2</sup>).

3. Địa điểm thực hiện dự án: Khu Công nghiệp Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Diện tích đất sử dụng: 97.730 m<sup>2</sup>.

4. Tổng vốn đầu tư đăng ký là 128.000.000.000 (một trăm hai mươi tám tỷ) đồng Việt Nam; tương đương 8.000.000 (tám triệu) đô la Mỹ.

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án là 96.000.000.000 (chín mươi sáu tỷ) đồng Việt Nam; tương đương 6.000.000 (sáu triệu) đô la Mỹ; chiếm tỷ lệ 75% tổng vốn đầu tư:

Ông HSIEH, CHUNG-PAO góp 96.000.000.000 (chín mươi sáu tỷ) đồng Việt Nam; tương đương 6.000.000 (sáu triệu) đô la Mỹ; tiến độ góp vốn: đã góp đủ.

5. Thời hạn hoạt động của dự án là 50 (năm mươi) năm kể từ ngày 02 tháng 7 năm 2001.

6. Tiến độ thực hiện dự án: Dự án đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh vào tháng 6 năm 2008.

## **Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:**

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

a) Căn cứ pháp lý và đối tượng, điều kiện hưởng ưu đãi:

- Căn cứ pháp lý: Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Chính Phủ; Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính Phủ; Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.

- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi: dự án sản xuất công nghiệp trong khu công nghiệp.

b) Thuế suất phổ thông:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 28% áp dụng trước thời điểm 31/12/2008;

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% áp dụng từ thời điểm 01/01/2009 đến ngày 31/12/2013;

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% (hai mươi hai phần trăm) áp dụng từ thời điểm 01/01/2014 đến 31/12/2015.

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% (hai mươi phần trăm) áp dụng từ thời điểm 01/01/2016.

c) Ưu đãi và nghĩa vụ thuế:

- Đối phần thu nhập tăng thêm do tăng vốn đầu tư từ 4.800.000 USD lên 8.000.000 USD:

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng theo quy định tại Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Đối với mục tiêu kinh doanh bất động sản (cho thuê nhà xưởng, nhà văn phòng và các công trình phụ trợ):

Thuế thu nhập doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.

2. Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các loại thuế khác: theo quy định tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

### **Điều 3: Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:**

1. Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.

2. Nhà đầu tư có trách nhiệm triển khai dự án đầu tư theo mục tiêu, nội dung, tiến độ đã cam kết và tuân thủ các quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, các quy định pháp luật về đất đai, môi trường, lao động và pháp luật có liên quan trong quá trình triển khai dự án đầu tư.

**Điều 4:** Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế phần nội dung dự án đầu tư của Giấy chứng nhận đầu tư số 472043000258 ngày 10 tháng 10 năm 2007 và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 472043000258 ngày 15 tháng 4 năm 2015 do Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp.

**Điều 5:** Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; một bản cấp cho CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHIỆP DIING JYUO VIỆT NAM và một bản lưu tại Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai.

**TRƯỜNG BAN**  
  
**Cao Tiến Sỹ**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 22./HDNT

## HỢP ĐỒNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

- Căn cứ theo luật bảo vệ môi trường số 52/2005/QH11 của nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ngày 29 tháng 11 năm 2005 có hiệu lực ngày 01/07/2006.
- Căn cứ hợp đồng thuê hạ tầng số 01/HĐHT ngày 31/03/2008.
- Căn cứ phê duyệt mức thu phí xử lý nước thải tại KCN Tam Phước của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai tại công văn số 996/KCNĐN-QHMT ngày 08 tháng 08 năm 2006.
- Căn cứ vào điều kiện và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 06 tháng 06 năm 2008, tại văn phòng Công ty cổ phần Phát triển khu công nghiệp Tín Nghĩa chúng tôi gồm có:

**BÊN NHẬN XỬ LÝ (BÊN A):**

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KCN TÍN NGHĨA**

- Trụ sở chính : Đường số 6 – KCN Tam Phước – Long Thành – Đồng Nai
- Điện thoại : 061.3512478-512295 Fax: 061.3512479
- Mã số thuế : 3600964611
- Số tài khoản : + Ngoại tệ : 4221.01.37.01.6666  
+ Nội tệ : 4211.01.00.01.6666  
Tại Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khu công nghiệp Tam Phước.
- Đại diện : Ông Lê Hữu Đức
- Chức vụ : Giám đốc

**BÊN THUÊ XỬ LÝ (BÊN B):**

**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP DIING JYUO VIỆT NAM.**

- Địa chỉ : Đường số 3 - KCN Tam Phước – Long Thành – Đồng Nai
- Điện thoại : 0650.513116-118 - Fax: 0650.513120
- Số tài khoản : 10201000069061 tại Ngân hàng Công thương Việt Nam chi nhánh KCN Biên Hòa.
- Mã số thuế : 3600525205
- Đại diện : Ông Chen Ying
- Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc
- Số Passport : 133118226 Cấp ngày :
- Theo giấy ủy quyền số: Ngày :

Hai bên cùng thảo luận và đồng ý ký bán hợp đồng xử lý nước thải với các điều khoản sau:

**Điều 1: Nội dung hợp đồng**

- 1.1 Bên B đồng ý giao cho bên A xử lý nước thải tại nhà máy xử lý nước thải của bên A tại KCN Tam Phước xã Tam Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
- 1.2 Nước thải công nghiệp của Bên B trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải của bên A phải đạt tiêu chuẩn TCVN 5945:2005 – cột B. Trong trường hợp những tiêu chuẩn về môi trường của Nhà nước Việt Nam có thay đổi, thì bên B có trách nhiệm thực hiện theo các tiêu chuẩn mới.

**Điều 2: Điều kiện tiếp nhận nước thải**

**2.1. Thành phần và tính chất nước thải của bên B thải vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN**

- 2.1.1 Thành phần và nồng độ nước thải của bên B chảy vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN không được vượt quá trị số giới hạn qui định theo phụ lục 1 kèm theo hợp đồng này.
- 2.1.2 Bên B cam kết có biện pháp và chịu trách nhiệm tự kiểm soát thành phần và nồng độ nước thải trong phạm vi nhà máy cho phù hợp với yêu cầu tại mục 2.1.1. Trong quá trình sản xuất, nếu bên A kiểm tra phát hiện thành phần và nồng độ nước thải công nghiệp của bên B chảy vào hệ thống thu gom nước thải của KCN không đảm bảo theo qui định thì bên A có quyền ngưng tiếp nhận nước thải từ nhà máy của bên B và bên A sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến nước thải của bên B. Đồng thời, bên B chịu bồi thường chi phí phát sinh do khắc phục sự cố và các thiệt hại do sự vi phạm của bên B, mức phạt được tính theo mức độ thiệt hại do bên B gây ra.

**2.2. Vị trí đầu nối và điều kiện kỹ thuật khác**

Nước thải của bên B chỉ được bên A tiếp nhận khi hệ thống thoát nước thải từ nhà máy được đầu nối đúng vị trí vào hệ thống thu nước thải của KCN và đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật đã được xác định trong công văn phê duyệt đầu nối sử dụng hạ tầng kỹ thuật KCN.

**Điều 3: Phí xử lý, khối lượng tính phí, phương thức và thời hạn thanh toán**

**3.1. Phí xử lý nước thải**

- 3.1.1 Phí xử lý nước thải là 0.316USD/m<sup>3</sup> (chưa bao gồm VAT). Mức phí này được giữ ổn định. Trong trường hợp hai bên có thỏa thuận điều chỉnh lại mức phí hoặc các Cơ quan Ban ngành nhà nước có chức năng có quyết định điều chỉnh lại mức phí xử lý nước thải thì hai bên sẽ ký phụ kiện hợp đồng về mức phí xử lý nước thải tại thời điểm điều chỉnh.

1000  
QUỐC  
PH  
AT TH  
CÔNG  
TỈNH  
THÀNH

- 3.1.2 Hàng tháng bên B thanh toán phí xử lý nước thải cho bên A, thời gian tính phí kể từ ngày 12 tháng 02 năm 2008.
- 3.2. Phương pháp tính phí xử lý nước thải  
Lượng nước thải tính phí được xác định bằng 80% lượng nước sạch ghi trong hoá đơn cấp nước cho nhà máy của Bên B.
- 3.3. Phương thức và thời hạn thanh toán
- 3.3.1 Phương thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.
- 3.3.2 Thời hạn thanh toán: Hàng tháng Bên A sẽ gửi giấy báo thu phí nước sạch và nước thải cho bên B, bên B có trách nhiệm thanh toán cho bên A trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A.
- 3.3.3 Phí Xử lý nước thải được thanh toán bằng tiền đồng Việt Nam hoặc USD theo tỷ giá của ngân hàng công bố tại thời điểm thanh toán. Trường hợp thanh toán chậm 10 ngày, bên B phải chịu nộp phạt cho số ngày chậm trả theo lãi suất cho vay ngắn hạn của ngân hàng công bố tại thời điểm thanh toán mà bên A không cần thông báo bằng văn bản cho bên B.
- 3.3.4 Bên A sẽ ngưng tiếp nhận nước thải của Bên B nếu không nhận được khoản thanh toán sau 30 ngày (ba mươi) kể từ ngày phát hành thông báo và sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến lượng nước thải của Bên B.

#### Điều 4: Trách nhiệm của hai bên

##### 4.1. Trách nhiệm bên A

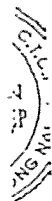
- 4.1.1. Xuất hoá đơn VAT cho bên B theo quy định
- 4.1.2. Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý môi trường về việc xử lý nước thải cho Bên B trong phạm vi qui định của hợp đồng này.

##### 4.2. Trách nhiệm bên B

- 4.2.1. Thực hiện các cam kết ghi trong hợp đồng thuê hạ tầng số 01/HĐHT ngày 31/03/2008 và của hợp đồng này.
- 4.2.2. Thực hiện việc xử lý như quy định tại mục 1.2
- 4.2.3. Thanh toán phí xử lý nước thải theo quy định trong Điều 3 của hợp đồng này.
- 4.2.4. Không sử dụng các nguồn nước ngầm và xử lý nước thải theo hình thức tự thấm trong khuôn viên doanh nghiệp trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### Điều 5: Thời hạn của hợp đồng

Thời hạn của hợp đồng này sẽ theo thời hạn của hợp đồng thuê hạ tầng số 01/HĐTH ngày 31/03/2008.



## Điều 6: Chấm dứt hợp đồng

- 6.1. Hợp đồng này sẽ được chấm dứt trong các trường hợp sau:
  - 6.1.1. Khi hết thời hạn như qui định tại điều 5 của hợp đồng này.
  - 6.1.2. Bên B không thực hiện đủ các trách nhiệm ghi ở mục 4.2 của hợp đồng này.
  - 6.1.3. Hai bên đồng ý chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.
- 6.2. Khi chấm dứt hợp đồng, Bên B phải trả đầy đủ cho bên A các khoản phí xử lý chưa thanh toán và chịu trách nhiệm trước các cơ quan quản lý nhà nước về các vấn đề liên quan đến lượng nước thải phát sinh do hoạt động của mình tại KCN Tam Phước.

## Điều 7: Trường hợp bất khả kháng

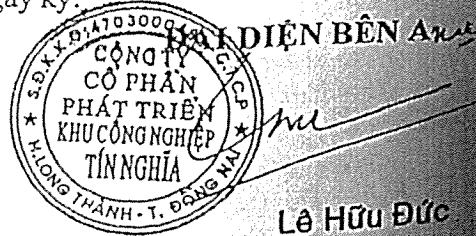
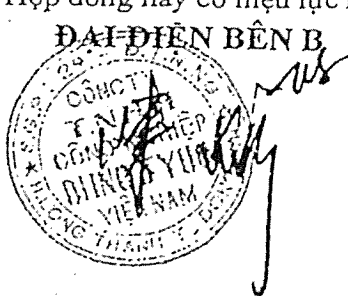
Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu bất kỳ bên nào do những nguyên nhân khách quan ngoài khả năng kiểm soát của mình như chiến tranh, hỏa hoạn, động đất, v.v... nên không thể thực hiện đầy đủ những cam kết trong hợp đồng, thì phải thông báo cho bên kia biết và không được xem là vi phạm hợp đồng.

## Điều 8: Ngôn ngữ

Tiếng Việt và tiếng Anh được dùng làm ngôn ngữ để cắt nghĩa các nội dung của bản hợp đồng này. Trong trường hợp có sự không đồng nhất giữa hai ngôn ngữ thì tiếng Việt được dùng làm ngôn ngữ giải thích. Bản hợp đồng này do Luật pháp Việt Nam chi phối và ràng buộc các bên.

## Điều 9: Điều khoản chung

- 9.1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng trên tinh thần hợp tác và tôn trọng lẫn nhau. Bất cứ vấn đề nào không được đề cập đến trong hợp đồng này sẽ được hai bên thương lượng hoà giải. Nếu hoà giải không thành, vấn đề sẽ được phân xử bởi Tòa án tỉnh Đồng Nai, phán quyết của Tòa án là chung thẩm, có hiệu lực buộc hai bên phải thực hiện.
- 9.2. Hợp đồng được lập thành 04 bản tiếng Việt và 04 bản tiếng Anh. Bên A giữ 02 bản tiếng Việt và 02 bản tiếng Anh, bên B giữ 02 bản tiếng Việt và 02 bản tiếng Anh. Bản tiếng Việt và bản tiếng Anh đều có giá trị pháp lý như nhau.
- 9.3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.



Lê Hữu Đức

Số: 11 /BB-CT

(43)

**BIÊN BẢN THỎA THUẬN**  
**VỀ VIỆC THỐNG NHẤT THỜI ĐIỂM ÁP DỤNG ĐƠN GIÁ PHÍ XỬ LÝ**  
**NƯỚC THẢI THEO PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

- Căn cứ Công văn số 267/CV-CT ngày 18/12/2023 của Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa về việc điều chỉnh phí xử lý nước thải tại Khu công nghiệp Tam Phước;

- Căn cứ Phụ lục Hợp đồng thuê dịch vụ xử lý nước thải số 04/28/PLHĐNT ngày 28 tháng 12 năm 2023 được ký kết giữa Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa và Công ty TNHH Công nghiệp Diing Jyuo Việt Nam;

- Căn cứ nhu cầu và khả năng thực tế của hai bên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa, chúng tôi gồm có:

**BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI (BÊN A):**

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP TÍN NGHĨA**

- Địa chỉ : KCN Tam Phước, đường số 6, phường Tam Phước, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

- Điện thoại : 0251.3512295

Fax: 0251.3512479

- Mã số thuế : 3600964611

- Đại diện : Ông PHAN ANH DŨNG

- Chức vụ : Giám đốc

**BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI (BÊN B):**

**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP DIING JYUO VIỆT NAM**

- Địa chỉ : KCN Tam Phước, Đường số 3, Phường Tam Phước, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

- Điện thoại : 02513.513.936

Fax: 02513.513.939

- Mã số thuế : 3600525205

- Đại diện : Bà LAI LI CHUAN

- Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc

Sau khi bàn bạc, hai bên thống nhất các nội dung sau:

**Điều 1:** Thống nhất thời điểm áp dụng đơn giá phí xử lý nước thải theo Phụ lục Hợp đồng thuê dịch vụ xử lý nước thải số 04/28/PLHĐNT ngày 28 tháng 12 năm 2023 được ký kết giữa Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa và Công ty TNHH Công nghiệp Diing Jyuo Việt Nam, cụ thể như sau:

- Từ ngày 01/03/2024 đến ngày 31/12/2024: áp dụng đơn giá phí xử lý nước thải tương đương 0,41 USD/m<sup>3</sup> nước thải;

- Từ ngày 01/01/2025 trở đi: áp dụng đơn giá phí xử lý nước thải tương đương 0,5 USD/m<sup>3</sup> nước thải;

- Đơn giá phí xử lý nước thải tương đương 0,5 USD/m<sup>3</sup> nước thải tại Khu công nghiệp Tam Phước được hai bên áp dụng cho đến khi có sự điều chỉnh bằng một Phụ lục Hợp đồng khác.

**Điều 2:** Biên bản thỏa thuận này là một bộ phận không tách rời của Phụ lục Hợp đồng thuê dịch vụ xử lý nước thải số 04/28/PLHĐNT ngày 28 tháng 12 năm 2023 được ký kết giữa Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa và Công ty TNHH Công nghiệp Diing Jyuo Việt Nam.

Biên bản được lập thành 02 bản có cùng nội dung, hình thức và giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 01 bản và có hiệu lực kể từ ngày ký.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
  
**GIÁM ĐỐC  
PHAN ANH DŨNG**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**  
  
**LAI LI CHUAN**

Số: 04/28/PLHDNT

**PHỤ LỤC  
HỢP ĐỒNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

- Căn cứ Hợp đồng xử lý nước thải số 28/HĐNT ngày 06/8/2008 giữa Công ty Cổ phần Phát triển KCN Tín Nghĩa và Công ty TNHH Công nghiệp Diing Jyuo Việt Nam;

- Căn cứ tình hình thực hiện Hợp đồng giữa hai bên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 12 năm 2023 hai bên chúng tôi gồm có:

**BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI (BÊN A):**

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP TÍN NGHĨA**

- Địa chỉ : KCN Tam Phước, Đường số 6, Phường Tam Phước, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại : 0251.3512295 Fax: 0251.3512479
- Mã số thuế : 3600964611
- Đại diện : Ông PHAN ANH DŨNG
- Chức vụ : Giám đốc

**BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI (BÊN B):**

**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP DIING JYUO VIỆT NAM**

- Địa chỉ : KCN Tam Phước, Đường số 3, Phường Tam Phước, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại : 02513.513.936 Fax: 02513.513.939
- Mã số thuế : 3600525205
- Đại diện : LAI LI CHUAN
- Chức vụ : Phó Tổng Giám Đốc

Hai bên thống nhất ký Phụ lục của Hợp đồng xử lý nước thải số 28/HĐNT ngày 06/8/2008 giữa Công ty Cổ phần Phát triển KCN Tín Nghĩa và Công ty TNHH Công nghiệp Diing Jyuo Việt Nam với các Điều, khoản sau:

**Điều 1: Điều chỉnh Điều 1. Nội dung hợp đồng thành:**

- Bên A nhận cung ứng dịch vụ xử lý nước thải phát sinh từ dự án của Bên B tại đường số 3 KCN Tam Phước, thu gom nước thải bằng hệ thống cống dẫn, đưa về xử lý tại nhà máy xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp (do Bên A đầu tư xây dựng và quản lý) đạt tiêu chuẩn quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam trước khi thải ra môi trường bên ngoài.



- Bên B đồng ý giao cho Bên A xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ dự án của mình và đồng ý thanh toán phí xử lý nước thải cho Bên A đúng thời hạn qui định được thống nhất trong Hợp đồng này.

- Nước thải của Bên B phải được xử lý nội bộ, trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải của Bên A phải đáp ứng Điều kiện tiếp nhận và xử lý nước thải được quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này.

- Trong trường hợp những tiêu chuẩn về môi trường của Nhà nước Việt Nam có thay đổi thì hai Bên thực hiện theo tiêu chuẩn mới.

**Điều 2: Điều chỉnh “Điều 2. Điều kiện tiếp nhận nước thải” thành “Điều 2. Điều kiện tiếp nhận và xử lý nước thải” với nội dung như sau:**

- Nước thải phát sinh từ dự án của Bên B bao gồm nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động sản xuất và nước thải sinh hoạt.

- Bên A chỉ tiếp nhận nước thải của Bên B chứa tối đa không quá 28 (Hai mươi mốt) thông số ô nhiễm và giới hạn nồng độ ô nhiễm của mỗi thông số ô nhiễm, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn tiếp nhận nước thải
1	Nhiệt độ	oC	40
2	Màu	Pt/Co	50
3	pH	-	5,5 đến 9
4	BOD5 (20oC)	mg/l	50
5	COD	mg/l	150
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
7	Asen	mg/l	0,1
8	Thủy ngân	mg/l	0,004
9	Chì	mg/l	0,5
10	Cadimi	mg/l	0,04
11	Crom (VI)	mg/l	0,04
12	Crom (III)	mg/l	0,16
13	Đồng	mg/l	2
14	Kẽm	mg/l	2,43
15	Niken	mg/l	0,5
16	Mangan	mg/l	0,4
17	Sắt	mg/l	5



18	Tổng xianua	mg/l	0,05
19	Tổng phenol	mg/l	0,08
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5
21	Sunfua	mg/l	0,16
22	Florua	mg/l	4,05
23	Clorua	mg/l	405
24	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
25	Tổng nitơ	mg/l	40
26	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	6
27	Clo dư	mg/l	2
28	Coliform	vi khuẩn/100ml	5.000

Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Tam Phước gồm 28 thông số ô nhiễm trong nước thải được tiếp nhận theo Bảng trên sẽ được thay đổi trong trường hợp Nhà nước có thay đổi những tiêu chuẩn về môi trường.

- Khi Nhà nước điều chỉnh quy chuẩn nước thải và buộc Bên A phải thực hiện việc xử lý nước thải đạt quy chuẩn cao hơn (Bên A phải xử lý nồng độ ô nhiễm của một hoặc nhiều thông số trong 28 thông số trên để đạt nồng độ ô nhiễm thấp hơn quy chuẩn hiện hành) thì hai Bên sẽ ký điều chỉnh Điều kiện tiếp nhận và chi phí xử lý nước thải bằng một phụ lục Hợp đồng khác.

- Ngoài 28 thông số ô nhiễm và giới hạn nồng độ ô nhiễm của mỗi thông số ô nhiễm trong nước thải nêu trên thì:

+ Bên A không tiếp nhận nước thải của Bên B nếu nước thải phát sinh các thông số ô nhiễm khác hoặc nồng độ ô nhiễm của bất kỳ thông số nào trong 28 thông số ô nhiễm nêu trên vượt giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Tam Phước;

+ Trong thời gian ngắn hạn, nếu nước thải của Bên B có phát sinh thông số ô nhiễm khác ngoài 28 thông số ô nhiễm hoặc nồng độ ô nhiễm của bất kỳ thông số nào trong 28 thông số ô nhiễm nêu trên vượt giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Tam Phước nhưng không ảnh hưởng đến hệ thống xử lý nước thải tập trung và nằm trong ngưỡng Khu công nghiệp Tam Phước được phép tiếp nhận thì Bên A sẽ xem xét tiếp nhận nước thải của Bên B để Bên B khắc phục hệ thống xử lý nước thải nội bộ. Việc tiếp nhận và chi phí xử lý chỉ được thực hiện sau khi hai bên bàn bạc và thống nhất bằng một văn bản cụ thể khác.

- Bên B phải thực hiện tách riêng hệ thống thoát nước mưa và nước thải trong khuôn viên dự án và tuyệt đối không để nước thải chảy lẫn vào hệ thống mương thoát nước mưa và ngược lại không để nước mưa chảy lẫn vào hệ thống nước thải.



- Nước thải phát sinh từ dự án của Bên B chỉ được Bên A tiếp nhận khi hệ thống thoát nước nội bộ trong dự án của Bên B được đấu nối đúng vị trí do Bên A chỉ định, đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật và được hai Bên kiểm tra xác nhận.

**Điều 3: Điều chỉnh Khoản 3.1 Điều 3 – Phí xử lý, khối lượng tính phí, phương thức và thời hạn thanh toán:**

Mức thu phí xử lý nước thải được tính theo khối lượng nước thải và đơn giá phí xử lý. Mức thu phí nước thải được xác định theo công thức sau:

$$F = f \times V$$

*Trong đó:*

**F** : Mức thu phí

**f** : Đơn giá phí xử lý nước thải

**V**: Khối lượng nước thải: Khối lượng nước thải thu phí tính bằng 80% khối lượng nước cấp.

- Đơn giá phí xử lý nước thải (f): Đơn giá phí xử lý nước thải tại thời điểm ký Phụ lục Hợp đồng này được tạm tính là **12.215 đồng/m<sup>3</sup> nước thải**, tương đương với **0,5 USD/m<sup>3</sup> nước thải** (Bằng chữ: Không phẩy năm đô la Mỹ trên một mét khối nước thải) - chưa bao gồm thuế GTGT. Đơn giá này được áp dụng kể từ ngày **01/3/2024** và được điều chỉnh định kỳ vào tuần đầu tiên hàng quý căn cứ vào tỷ giá hối đoái theo thông báo về mức phí xử lý nước thải của Bên A, đồng thời hàng tháng Bên A sẽ thông báo cho Bên B mức phí xử lý nước thải để Bên B làm cơ sở thanh toán.

- Đơn giá phí xử lý sẽ được điều chỉnh trong các trường hợp sau đây:

+ Trường hợp bị ảnh hưởng bởi sự điều chỉnh từ các chính sách của Nhà nước Việt Nam hoặc biến động về giá cả thị trường làm tăng chi phí vận hành, xử lý nước thải của Bên A thì hai Bên sẽ thỏa thuận điều chỉnh đơn giá xử lý nước thải bằng Phụ lục Hợp đồng và/hoặc:

+ Trường hợp Nhà nước Việt Nam có điều chỉnh tiêu chuẩn nước thải sau khi xử lý tại nhà máy xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp buộc Bên A phải thực hiện việc xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn cao hơn so với hiện nay thì hai Bên sẽ thống nhất điều chỉnh lại đơn giá xử lý nước thải phù hợp với quy định hiện hành.

**Điều 4: Bổ sung điểm 4.2.4 vào Khoản 4.2 Điều 4 – Trách nhiệm của hai bên:**

- Bên B phải chịu mọi trách nhiệm đối với tất cả các thiệt hại phát sinh từ việc thực hiện không đúng, không đầy đủ các nghĩa vụ có liên quan đã được hai Bên thỏa thuận tại Hợp đồng này dẫn đến việc Bên A buộc phải thực hiện việc tạm ngừng cung cấp hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng tùy từng trường hợp cụ thể được quy định tại Điều 6 của Hợp đồng này.

- Bên B có nghĩa vụ cung cấp bản vẽ thiết kế hệ thống thu gom và thoát nước thải nội bộ trong khuôn viên dự án của Bên B đã được thẩm duyệt theo quy định cho Bên A để làm cơ sở kiểm tra việc đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của khu công



nghiệp cũng như kiểm tra việc tuân thủ quy định về xây dựng hệ thống thu gom và thoát nước thải trong khuôn viên dự án.

- Bên B có nghĩa vụ xây dựng bể chứa nước thải dự trữ tại nhà máy của mình để có thể lưu giữ tạm thời nước thải khi có sự cố xảy ra hoặc sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ hệ thống thu gom nước thải chung của khu công nghiệp.

- Bên B có nghĩa vụ thực hiện việc quản lý, bảo dưỡng thường xuyên hệ thống thu gom và thoát nước thải trong khuôn viên dự án của mình đảm bảo luôn trong tình trạng hoạt động tốt, tránh xảy ra sự cố làm thất thoát nước thải ra ngoài gây ô nhiễm môi trường.

- Bên B cam kết nước thải phát sinh từ dự án của mình đã được xử lý nội bộ đạt Điều kiện tiếp nhận và xử lý nước thải của nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Tam Phước với 28 thông số ô nhiễm nêu tại bảng giới hạn quy định tại Hợp đồng này. Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm và bồi thường thiệt hại cho Bên A (kể cả thiệt hại do Bên A bị các cơ quan chức năng xử phạt) nếu để xảy ra các trường hợp sau:

+ Nước thải chưa xử lý nội bộ hoặc xử lý nhưng chưa đạt **Điều kiện tiếp nhận và xử lý nước thải** mà xả thẳng vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp gây ảnh hưởng đến hoạt động của nhà máy xử lý nước thải của Bên A;

+ Nước thải chảy vào hệ thống thoát nước mưa của khu công nghiệp;

+ Nước mưa chảy vào hệ thống thoát nước thải nội bộ của Bên B;

+ Các vi phạm môi trường khác có liên quan đến nước thải.

- Giá trị bồi thường căn cứ vào mức độ thiệt hại do Bên B gây ra và theo quy định của Nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

**Điều 5:** Các Điều, khoản khác trong Hợp đồng xử lý nước thải số 28/HĐNT ngày 06/8/2008 giữa Công ty Cổ phần Phát triển KCN Tín Nghĩa và Công ty TNHH Công nghiệp Diing Jyuo Việt Nam không thay đổi, vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

**Điều 6:** Phụ lục hợp đồng này là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng xử lý nước thải số 28/HĐNT ngày 06/8/2008 giữa Công ty Cổ phần Phát triển KCN Tín Nghĩa và Công ty TNHH Công nghiệp Diing Jyuo Việt Nam và thay thế các Phụ lục hợp đồng đã được ký kết giữa hai bên.

Phụ lục Hợp đồng này được lập thành 02 bản, có cùng nội dung, hình thức và giá trị pháp lý như nhau. Mỗi Bên giữ 01 bản và có hiệu lực kể từ ngày ký.



PHAN ANH DŨNG

ĐẠI DIỆN BÊN B



LAI LI CHUAN



Số: 03/28/PLHĐNT

## PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;
- Căn cứ Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng xử lý nước thải số 28/HĐNT ngày 06/08/2008 giữa Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa và Công ty TNHH Công nghiệp Diing Jyuo Việt Nam;
- Căn cứ tình hình thực hiện Hợp đồng giữa hai bên.

Hôm nay, ngày 26 tháng 3, năm 2020 hai bên chúng tôi gồm có:

### **BÊN NHẬN XỬ LÝ (BÊN A):**

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP TÍN NGHĨA**

- Địa chỉ : KCN Tam Phước, Đường số 6, Phường Tam Phước, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai
- Điện thoại : 0251. 3512295 Fax: 0251. 3512479
- Mã số thuế : 3600964611
- Đại diện : Ông NGUYỄN HIẾU LỘC
- Chức vụ : Giám Đốc

### **BÊN THUÊ XỬ LÝ (BÊN B):**

#### **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP DIING JYUO VIỆT NAM**

- Địa chỉ : KCN Tam Phước, Đường số 3, Phường Tam Phước, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai
- Điện thoại : 0251.3513936 Fax: 0251.3513939
- Mã số thuế : 3600525205
- Đại diện :
- Chức vụ :

Hai bên thống nhất ký phụ lục của Hợp đồng xử lý nước thải số 28/HĐNT ngày 06/08/2008 giữa Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa và Công ty TNHH Công nghiệp Diing Jyuo Việt Nam với các Điều, khoản sau:



**ĐIỀU 1:** Điều chỉnh các nội dung của Hợp đồng:

**1.1. Điều chỉnh Điều 1 – Nội dung hợp đồng:**

- Bên A nhận cung ứng dịch vụ xử lý nước thải phát sinh từ dự án của Bên B tại KCN Tam Phước (bao gồm các Doanh nghiệp thứ cấp thuê lại Nhà xưởng của Bên B để hoạt động sản xuất), thu gom nước thải bằng hệ thống cống dẫn, đưa về xử lý tại nhà máy xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp (do Bên A đầu tư xây dựng và quản lý) đạt tiêu chuẩn quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam trước khi thải ra môi trường bên ngoài.

- Bên B đồng ý giao cho Bên A xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ dự án của mình và đồng ý thanh toán phí xử lý nước thải cho Bên A đúng thời hạn qui định được thống nhất trong Hợp đồng này.

- Nước thải của Bên B phải được xử lý nội bộ, trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải của Bên A phải đáp ứng **Điều kiện tiếp nhận và xử lý nước thải** được quy định tại Khoản 1.2 Điều 1 của Phụ lục Hợp đồng này.

- Trong trường hợp những tiêu chuẩn về môi trường của Nhà nước Việt Nam có thay đổi thì hai Bên thực hiện theo tiêu chuẩn mới.

**1.2. Điều chỉnh Mục 2.1.1 Khoản 2.1 Điều 2 – Điều kiện tiếp nhận và xử lý nước thải:**

- Bên A chỉ tiếp nhận nước thải từ Bên B chứa tối đa không quá 28 thông số ô nhiễm và giới hạn nồng độ ô nhiễm của mỗi thông số ô nhiễm, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn tiếp nhận nước thải
1	Nhiệt độ	oC	40
2	Màu	Pt/Co	50
3	pH	-	5,5 đến 9
4	BOD5 (20oC)	mg/l	50
5	COD	mg/l	150
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
7	Asen	mg/l	0,1
8	Thủy ngân	mg/l	0,01
9	Chì	mg/l	0,5
10	Cadimi	mg/l	0,04
11	Crom (VI)	mg/l	0,1

ẤN  
C  
TP. BI  
KH  
PHIÊN

kh



12	Crom (III)	mg/l	0,16
13	Đồng	mg/l	2
14	Kẽm	mg/l	2,43
15	Niken	mg/l	0,5
16	Mangan	mg/l	0,4
17	Sắt	mg/l	5
18	Tổng xianua	mg/l	0,05
19	Tổng phenol	mg/l	0,08
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5
21	Sunfua	mg/l	0,16
22	Florua	mg/l	4,05
23	Clorua	mg/l	405
24	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
25	Tổng nitơ	mg/l	30
26	Tổng phot pho (tính theo P)	mg/l	6
27	Clo dư	mg/l	2
28	Coliform	vi khuẩn/100ml	5.000

Giới hạn tiếp nhận nước thải của 28 thông số ô nhiễm trong nước thải được tiếp nhận theo Bảng sẽ được thay đổi trong trường hợp nhà nước có thay đổi những tiêu chuẩn về môi trường.

- Khi Nhà nước điều chỉnh quy chuẩn nước thải và buộc Bên A phải thực hiện việc xử lý nước thải đạt quy chuẩn cao hơn hoặc Bên B chỉ thực hiện việc xử lý nước thải đạt quy chuẩn thấp hơn mức quy định hiện hành thì hai bên sẽ ký điều chỉnh **Điều kiện tiếp nhận và xử lý nước thải** bằng một phụ lục hợp đồng khác.

- Ngoài 28 thông số ô nhiễm trong nước thải nêu trên, việc tiếp nhận nước thải có các thông số ô nhiễm khác (nếu có) sẽ được hai bên bàn bạc và thống nhất bằng một văn bản cụ thể khác.

### 1.3. Điều chỉnh Khoản 2.2 Điều 2 – Điều kiện tiếp nhận và xử lý nước thải:

- Toàn bộ nước thải phát sinh từ bên B phải được đấu nối chung về một vị trí trước khi đấu nối vào hố ga nước thải của bên A.



- Nước thải từ Bên B chỉ được Bên A tiếp nhận khi hệ thống thoát nước thải từ nhà máy được đấu nối đúng vị trí vào hệ thống thu gom nước thải của KCN và bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật đã được xác định trong công văn phê duyệt đấu nối sử dụng hạ tầng kỹ thuật KCN. Trong trường hợp Bên B để nước thải chảy vào hệ thống thoát nước mưa của KCN Tam Phước, bên A có quyền ngưng tiếp nhận nước thải từ nhà máy của bên B và bên A không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến nước thải của bên B.

#### **1.4. Điều chỉnh Khoản 3.1 Điều 3 – Phí xử lý, khối lượng tính phí, phương thức và thời hạn thanh toán:**

Mức thu phí xử lý nước thải được tính theo khối lượng nước thải và đơn giá phí xử lý. Mức thu phí nước thải được xác định theo công thức sau:

$$F = f \times V$$

*Trong đó:*

**F** : Mức thu phí

**f** : Đơn giá phí xử lý nước thải

**V**: Khối lượng nước thải: Khối lượng nước thải thu phí lấy bằng 80% khối lượng nước cấp.

- Đơn giá phí xử lý nước thải (f): Đơn giá phí xử lý nước thải tại thời điểm ký Phụ lục Hợp đồng được tạm tính là 7.341 đồng/m<sup>3</sup> nước thải (chưa bao gồm thuế VAT). Đơn giá này có thể sẽ được điều chỉnh định kỳ hàng quý theo thông báo về mức phí xử lý nước thải của bên A đồng thời hàng tháng bên A sẽ thông báo cho bên B mức phí xử lý nước thải để bên B làm cơ sở thanh toán.

- Đơn giá phí xử lý nước thải sẽ được hai bên thỏa thuận điều chỉnh bằng một Phụ lục hợp đồng khác khi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh giá phí xử lý hoặc do ảnh hưởng từ các chính sách của Nhà nước Việt Nam dẫn đến thay đổi đơn giá tiền lương, tiền điện, phí bảo vệ môi trường, giá hóa chất, phí xử lý bùn thải, các khoản phải nộp cho người lao động và các khoản chi phí phát sinh khác... làm tăng chi phí vận hành, xử lý nước thải của bên A thì hai bên sẽ thống nhất bổ sung phụ thu sau mỗi chu kỳ 05 năm kể từ ngày tính phí.

#### **1.5. Bổ sung vào Khoản 4.2 Điều 4 – Trách nhiệm của hai bên:**

- Bên B cam kết nước thải phát sinh từ dự án của mình đã được xử lý nội bộ đạt **Điều kiện tiếp nhận nước thải** của nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Tam Phước với 28 thông số ô nhiễm nêu tại bảng giới hạn quy định tại Khoản 1.2 Điều 1 của Phụ lục này. Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm và bồi thường thiệt hại cho Bên A (kể cả thiệt hại do Bên A bị các cơ quan chức năng xử phạt) nếu để xảy ra các trường hợp sau:

58-  
Y  
IỆP  
UO  
M  
ĐƠN  
011-  
TY  
LÂN  
RIÊN  
NGHĨA  
HĨA  
ĐƠN

ML



+ Nước thải chưa xử lý nội bộ hoặc xử lý nhưng chưa đạt **Điều kiện tiếp nhận nước thải** mà xả thẳng vào hệ thống thu gom nước thải của KCN gây ảnh hưởng đến hoạt động của nhà máy xử lý nước thải của Bên A;

+ Nước thải chảy vào hệ thống thoát nước mưa của KCN Tam Phước;


+ Nước mưa chảy vào hệ thống thoát nước thải nội bộ của Bên B;

+ Các vi phạm môi trường khác có liên quan đến nước thải.

- Giá trị bồi thường căn cứ vào mức độ thiệt hại do Bên B gây ra và theo quy định của Nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

**ĐIỀU 2:** Các Điều, khoản khác trong Hợp đồng xử lý nước thải số 28/HĐXLNT ngày 06/08/2008 giữa Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa và Công ty TNHH Công nghiệp Diing Jyuo Việt Nam không thay đổi, vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

**ĐIỀU 3:** Phụ lục hợp đồng này là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng xử lý nước thải số 28/HĐNT ngày 06/08/2008 và thay thế các Phụ lục hợp đồng đã được ký kết giữa hai bên.

Phụ lục Hợp đồng này được lập thành 04 bản, có cùng nội dung, hình thức và giá trị pháp lý như nhau. Mỗi Bên giữ 02 bản và có hiệu lực kể từ ngày ký: 

**ĐẠI DIỆN BÊN A** 



**GIÁM ĐỐC  
NGUYỄN HIẾU LỘC**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



**LẠI LI CHUAN**

Faint, illegible text at the top of the page, possibly bleed-through from the reverse side.

Second line of faint, illegible text.

Third line of faint, illegible text.



Faint handwritten text below the left circle, possibly a label.

Faint printed text below the diagram, possibly a title or label.

Số 36/CNTD-PCCC

Biên Hòa, ngày 10 tháng 9 năm 2008

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**THẨM DUYỆT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY** **BẢN SAO**

- Căn cứ Luật Phòng Cháy và Chữa Cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001.
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 04 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng Cháy và Chữa Cháy.
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công An.
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC của Công ty TNHH công nghiệp Diing Jyuo vn. Đại diện là ông/bà: Hsieh, Chung-Pao - Tổng giám đốc.

**PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**  
**CHỨNG NHẬN**

Công trình : XƯỞNG 3-CTY TNHH CÔNG NGHIỆP DIING JYUO VN.  
Địa điểm : KCN TAM PHƯỚC - LONG THÀNH - ĐỒNG NAI.  
Chủ đầu tư : C.TY TNHH CÔNG NGHIỆP DIING JYUO VN.  
Đơn vị thiết kế : C.TY TNHH SẢN XUẤT-XÂY DỰNG HIỆP THÀNH.  
Đơn vị thiết kế PCCC : C.TY TNHH TM-DV PCCC LÊ NGUYỄN.

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau: Giao thông-khoảng cách PCCC; Diện tích sàn tối đa cho phép, lối thoát nạn, hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống chống sét.

Theo các bản vẽ thiết kế kỹ thuật: KT: 01/01; KT: 01/05 ÷ KT: 05/05; KC: 01/08 ÷ KC: 08/08; PC: 01/02 ÷ PC: 02/02; CS-01/02 ÷ CS: 02/02.

**Các yêu cầu kèm theo :**

1/ Thiết kế bổ sung 04 cửa thoát nạn mở theo hướng thoát nạn cho nhà xưởng; Khoảng cách giữa xưởng mới và xưởng hiện hữu phải  $\geq 12m$  (TCVN 2622-1995).

2/ Hệ thống cấp nước chữa cháy: Bể nước chữa cháy phải đảm bảo trữ lượng nước chữa cháy ít nhất trong 03 giờ ( $216 m^3$ ); Thiết kế bổ sung 01 trụ nước chữa cháy ngoài nhà (TCVN 2622-1995).

3/ Hệ thống chống sét: Bổ sung ít nhất 01 dây thoát sét (TCXDVN 46-2007).

4/ Thẩm duyệt bổ sung hệ thống điện trước khi thi công công trình.

5/ Thi công công trình theo bản vẽ thiết kế kỹ thuật thẩm duyệt và các tiêu chuẩn hiện hành, tổ chức kiểm tra thi công và nghiệm thu theo quy định của pháp luật. /

**Nơi nhận :**

- Cục C23 (báo cáo)
- Chủ đầu tư.
- Lưu PCCC

CHỨNG THỰC BẢN SAO NÀY TRIỂN LÃM PHÒNG

ĐÚNG BẢN CHÍNH

Quang Vinh, ngày 22/09/2008

Đã vào sổ : P. C. P.

CHỦ TỊCH UBND P. QUANG VINH

Thượng tá: Van Quyết Thắng

Đàm Thanh Long

CÔNG AN TỈNH ĐỒNG NAI  
PHÒNG CS PCCC & CNCH  
Số: 516 /TD-PCCC(PC66)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biên Hòa, ngày 28/05/2018

theo PC.1  
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA  
Ngày 31-3-2004-TN 2007



### GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001.
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy.
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ công an.
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC của Công ty TNHH công nghiệp Duing Jyuo Việt Nam.

Đại diện là ông/bà: Chang Chin Kai, Chức vụ: Giám đốc.

### PHÒNG CẢNH SÁT PCCC & CNCH CHỨNG NHẬN

Hệ thống báo cháy tự động, bình chữa cháy tự động - Nhà kho thành phẩm

Địa điểm : KCN Tam Phước, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Chủ đầu tư : Công ty TNHH công nghiệp Duing Jyuo Việt Nam.

Đơn vị thiết kế : Công ty TNHH dịch vụ thương mại Nghĩa Hiệp.

Đã được thẩm duyệt về PCCC theo các nội dung sau: Hệ thống báo cháy tự động, Bình chữa cháy tự động.

Theo các bản vẽ kỹ thuật được thẩm duyệt PCCC: Mặt bằng tổng thể; mặt bằng bố trí hệ thống báo cháy tự động, bình chữa cháy tự động.

Các yêu cầu kèm theo :

1. Hệ thống báo cháy tự động: Bố trí đầu Beam đảm bảo diện tích bảo vệ. Trung tâm báo cháy phải đặt nơi có người thường trực 24/24 giờ và phải được tiếp đất bảo vệ. Tiết diện lõi đồng của từng dây dẫn tín hiệu từ các đầu báo đến đường cáp trực chính  $\geq 0,75\text{mm}^2$  (TCVN 5738-2000).

2. Bố trí bình chữa cháy tự động đảm bảo diện tích bảo vệ và theo Catalogue.

3. Mọi phương tiện, thiết bị PCCC phải được kiểm định trước khi thi công, tổ chức kiểm tra thi công và nghiệm thu công trình theo quy định của Luật PCCC. *LB*

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư;
- Lưu PC66.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

SỐ CT. 1327... QUYẾN. CA...

Ngày 28/05/2018

CHỦ TỊCH



*Nguyễn Quý Phú*



Thượng tá: *Văn Quyết Thắng*

Số 36/CNTD-PCCC

Biên Hòa, ngày 10 tháng 9 năm 2008

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**THẨM DUYỆT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY** BẢN SAO

- Căn cứ Luật Phòng Cháy và Chữa Cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001.
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 04 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng Cháy và Chữa Cháy.
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công An.
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC của Công ty TNHH công nghiệp Diing Jyuo vn. Đại diện là ông/bà: Hsieh, Chung-Pao - Tổng giám đốc.

**PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**  
**CHỨNG NHẬN**

Công trình : XUỞNG 3-CTY TNHH CÔNG NGHIỆP DIING JYUO VN.  
Địa điểm : KCN TAM PHƯỚC - LONG THÀNH - ĐỒNG NAI.  
Chủ đầu tư : C.TY TNHH CÔNG NGHIỆP DIING JYUO VN.  
Đơn vị thiết kế : C.TY TNHH SẢN XUẤT-XÂY DỰNG HIỆP THÀNH.  
Đơn vị thiết kế PCCC : C.TY TNHH TM-DV PCCC LÊ NGUYỄN.

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau: Giao thông-khoảng cách PCCC; Diện tích sàn tối đa cho phép, lối thoát nạn, hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống chống sét.

Theo các bản vẽ thiết kế kỹ thuật: KT: 01/01; KT: 01/05 ÷ KT: 05/05; KC: 01/08 ÷ KC: 08/08; PC: 01/02 ÷ PC: 02/02; CS-01/02 ÷ CS: 02/02.

**Các yêu cầu kèm theo :**

- 1/ Thiết kế bổ sung 04 cửa thoát nạn mở theo hướng thoát nạn cho nhà xưởng; Khoảng cách giữa xưởng mới và xưởng hiện hữu phải  $\geq 12m$  (TCVN 2622-1995).
- 2/ Hệ thống cấp nước chữa cháy: Bể nước chữa cháy phải đảm bảo trữ lượng nước chữa cháy ít nhất trong 03 giờ ( $216 m^3$ ); Thiết kế bổ sung 01 trụ nước chữa cháy ngoài nhà (TCVN 2622-1995).
- 3/ Hệ thống chống sét: Bổ sung ít nhất 01 dây thoát sét (TCXDVN 46-2007).
- 4/ Thẩm duyệt bổ sung hệ thống điện trước khi thi công công trình.
- 5/ Thi công công trình theo bản vẽ thiết kế kỹ thuật thẩm duyệt và các tiêu chuẩn hiện hành, tổ chức kiểm tra thi công và nghiệm thu theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận :**

- Cục C23 (háo cáo)
- Chủ đầu tư
- Lưu PCCC

CHỨNG THỰC BẢN SAO NÀY **TRƯỞNG PHÒNG**

ĐÚNG BẢN CHÍNH

Quang Vinh, ngày 22/09/2008

Đã vào sổ : 12.000

CHỦ TỊCH UBND P. QUANG VINH

Thượng tá: Van Quyết Thắng

ĐÃ THU LỆ PCCC



Quang Vinh

Đồng Nai, ngày 19 tháng 12 năm 2019



**GIẤY XÁC NHẬN**  
**Đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;  
Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 29/3/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai;

Căn cứ văn bản số 7583/UBND-KTN ngày 03/7/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc xử lý nội dung văn bản số 1692/KCNĐN-MT ngày 21/6/2019 của Ban Quản lý các KCN;

Căn cứ văn bản số 2199/UBND-NN ngày 26/4/2016 của UBND huyện Long Thành về việc ủy quyền Trưởng ban Ban Quản lý các KCN Đồng Nai thực hiện xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường;

Xét Kế hoạch bảo vệ môi trường của Công ty TNHH Công nghiệp Diung Jyuo Việt Nam nộp vào ngày 25/11/2019;

Xét Phiếu đề xuất ngày 19/12/2019 của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường,

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI XÁC NHẬN:**

Công ty TNHH Công nghiệp Diung Jyuo Việt Nam đã đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường của Dự án "Kinh doanh bất động sản (cho thuê nhà xưởng, nhà văn phòng và các công trình phụ trợ) với diện tích 34.995 m<sup>2</sup>" tại đường số 3, Khu công nghiệp Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Công ty có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.
2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường.
3. Tổ chức thực hiện các công trình quản lý, xử lý chất thải theo nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký với thời hạn hoàn thành là ngày 30/01/2020 như sau: 01 bể tự hoại 05 ngăn với lưu lượng xử lý là 45 m<sup>3</sup>/ngày.

Khu vực thu gom, lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường (diện tích 8 m<sup>2</sup>/04 khu vực và chất thải nguy hại (diện tích 32 m<sup>2</sup>/04 khu vực);

4. Báo cáo kết quả hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường và thực hiện quan trắc chất thải định kỳ với tần suất 01 năm/01 lần (được tích hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ).

- Thực hiện biện pháp thu gom, xử lý nước thải như đã nêu trong kế hoạch bảo vệ môi trường của Dự án (nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi đã lắng cặn và nước thải sinh hoạt của toàn khu nhà xưởng cho thuê khoảng 45 m<sup>3</sup>/ngày đem được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 5 ngăn trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN, không thu gom xử lý nước thải sản xuất của các doanh nghiệp thuê nhà xưởng); đảm bảo nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án được xử lý theo thỏa thuận giữa Công ty và Công ty đầu tư hạ tầng KCN, trước khi đầu nối vào Nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Tam Phước để tiếp tục xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải theo QCVN 40:2011/BTNMT trước khi thải vào nguồn tiếp nhận; không được xả nước thải chưa đạt Quy chuẩn ra môi trường;

+ Bố trí vị trí đầu nối nước thải ở vị trí thuận lợi, minh bạch cho việc kiểm tra, giám sát;

+ Tách riêng triệt để tuyến thu gom, thoát nước mưa và nước thải;

- Thực hiện biện pháp thu gom, xử lý bụi, mùi, khí thải, đảm bảo các loại khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B; K<sub>v</sub> = 0,6; K<sub>p</sub> = 1); Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ theo QCVN 20:2009/BTNMT;

- Quản lý chất thải rắn theo quy định tại Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ và quản lý chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Bố trí khu vực lưu giữ các loại chất thải đúng quy định; Thu gom, phân loại, xử lý toàn bộ các loại chất thải đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định;

Ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải theo quy định.

5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Có kế hoạch tổ chức thực hiện về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn hóa chất, phòng cháy chữa cháy, an toàn thực phẩm, an toàn lao động, quản lý tài nguyên nước.

- Hoạt động đúng với ngành nghề, quy mô đã nêu trong bản Kế hoạch bảo vệ môi trường; chỉ cho thuê nhà xưởng đối với những dự án có ngành nghề phù hợp với ngành nghề thu hút đầu tư vào KCN Tam Phước.

- Trong trường hợp có những thay đổi, điều chỉnh nội dung bản Kế hoạch bảo vệ môi trường, Công ty TNHH Công nghiệp Diing Jyuo Việt Nam phải báo cáo Ban Quản lý các KCN Đồng Nai và chỉ được thực hiện khi có văn bản chấp thuận của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai.

- Thực hiện kế hoạch quản lý sử dụng đất, xây dựng theo quy định pháp luật hiện hành.

Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường này là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của Dự án.

**Nơi nhận:**

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Biên Hòa;
- Cty CP Phát triển KCN Tín Nghĩa;
- Cty TNHH CN Diing Jyuo VN (thực hiện);
- Lưu VT, MT (Đ) - H.

KT, TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN



Vũ Danh

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET

## 1. CHEMICAL PRODUCT & COMPANY IDENTIFICATION

**Product Name : MSP#60 KSV 004(NA)**

Usage : SCREEN PRINTING INK

Information of manufacturer(supplier)

Company : Kyung Sung Chemical Vietnam Co., Ltd

Address : No2, Road 8, Vietnam – Singapore In Industrial Park,  
Thuan An City, Binh Duong Province, VN

Phone : +84 274-3783980

FAX : +84 274-3783981

Emergency telephone number: +84 274 3783 980

## 2. HAZARDS IDENTIFICATION

### 1) Classification of the substance or mixture

Flammable liquid, category 2 ; H225

Skin corrosion/irritation category 2; H315

Serious eye damage/eye irritation, category2; H319

Single target organ toxicity, single exposure category 3;H336

Aquatic toxicity(chronic), category 2; H411

Highly Flammable liquid and vapor

Cause skin irritation

Cause serious eye irritation

May cause drowsiness or dizziness

Toxic to aquatic life with long lasting effects .

### 2) Label contents :

#### Classification of hazards in GHS

#### Pictograms



Flame



Exclamation



Environmental  
Hazards

**Signal word : danger**

#### Hazard statements :

H225 Highly flammable liquid and vapor

H315 Cause skin irritation

H319 Causes serious eye irritation

H336 May cause drowsiness and dizziness

H411 Toxic to aquatic life with long lasting effects

#### Precautionary statements

##### A. Prevention

- P210 Keep away from heat/sparks/open flames/hot surfaces. – No smoking.
- P233 Keep container tightly closed.
- P235 Keep cool
- P240 Ground, bond container and receiving equipment
- P241 Use explosion-proof electrical, ventilating, light, equipment
- P242 Use only non-sparking tools
- P243 Take precautionary measures against static discharge
- P261 Avoid breathing dust, fume, gas, mist, vapors, spray
- P264 Wash thoroughly after handling
- P271 Use only outdoors or in a well-ventilated area
- P273 Avoid release to the environment
- P280 Wear protective gloves/protective clothing/eye protection/ face protection. Use personal protective equipment as required.

**B. Response**

- P302+P352 IF ON SKIN: Wash with plenty of soap and water.
- P303+P361+P353 IF ON SKIN (or hair): Remove, Take off immediately all contaminated clothing. Rinse skin with water/shower.
- P304+312 IF INHALED : Call a poison center or doctor or physician if you feel unwell
- P305+351+338 IF IN EYES : Rinse cautiously with water for several minutes . Remove contact lense if present and easy to do – continue rinsing
- P332+313 If skin irritation occurs : Get medical advice or attention
- P337+313 If eyes irritation persists : Get medical advice or attention
- P362 Take off contaminated clothing and wash before reuse
- P370+P378 In case of fire: Use water spray, extinguishing powder, foam or CO2 for extinction.
- P391 Collect spillage

**C. Storage**

- P403+P233 Store in a well-ventilated place. Keep container tightly closed
- P405 Store locked up

**D. Disposal**

- P501 Dispose of contents/container in accordance with local and national regulations .

**Other hazards** : this product contains no PBT/vPvB chemicals

**3. COMPOSITION , INFORMATION ON INGREDIENTS**

COMPONENT	CAS No.	CONTENT(%)
Methanol	67-56-1	99 ~100
Organopolysiloxane	Dimethyl siloxane 63148-62-9	0~ 1
	Silica gel 63231-67-4	0 ~ 0.1

## 4. FIRST - AID MEASURES

### The first-aid measures for different exposure routes :

#### General :

- In all cases of doubt, or when symptoms persists, seek medical attention .
- Never give anything by mouth to an unconscious person

**Inhalation** : Remove to fresh air, keep patient warm and at rest. If breathing is irregular or stopped, give artificial respiration . If unconscious place in the recovery position and obtain immediate medical attention. Give nothing by mouth

**Skin contact** : Remove contaminated clothing . Wash skin thoroughly with soap and water or use a recognized skin cleanser .

**Eye contact** : Irrigate copiously with clean water for at least 15 minutes, holding the eyelids apart and seek medical attention

**Engestion** : If swallowed obtain immediate medical attention . Keep at rest. Do NOT induce vomiting

#### - Most important symptoms and effects :

#### General :

Exposure to solvent vapor concentrations from the component solvents in excess of the stated occupational exposure limits may result in adverse health effects such as mucous membrane and respiratory system irritation and adverse effects on the kidneys, livers and central nervous system .Symptoms include headache, nausea, dizziness, fatigue, muscular weakness, drowsiness and in extreme cases, loss of consciousness.

Repeated or prolonged contact with the preparation may cause removal of natural fat from the skin resulting in dryness, irritation and possible non-allergic contact dermatitis . Solvents may also be absorbed through the skin. Spashes of liquid in the eyes may cause irritation and soreness with possible reversible damage

**Inhalation** : May cause drowsiness or dizziness

**Eye contact** : Cause serious eye irritation

**Skin contact** : Causes skin irritation

- **The protection of first-aiders:** Wear C-class protective equipment and stay in a safe area to implement first- aid

**Notes to physicians** : Treat symptomatically

## 5. FIRE FIGHTING MEASURES

- **Suitable fire extinguishing media** :Recommended extinguishing media; alcohol resistant foam, CO<sub>2</sub>, powder, water spray

#### - Special hazards may be encountered during fire-fighting :

Hazardous decomposition : High temperatures and fires may produce such toxic substances as carbon monoxide and carbon dioxide .

Keep away from heat, sparks, open flames, hot surfaces – No smoking

Keep container tightly closed .

Keep cool

Ground, bond container and receiving equipment

Use explosion-proof electrical, ventilating, light, equipment

Use only non-sparking tools

Take precautionary measures against static discharge

Avoid breathing dust, fume, gas, mist, vapors, spray

**Special fire-fighting methods :**

No available information

**Special equipment and protections for fire fighters :**

As with all fires, wear positive pressure, self-contained breathing apparatus,(SCBA) with a full facepiece and protective clothing. Persons without respiratory protection should leave area . Wear SCBA during clean-up immediately after fire . No Smoking

## 6. ACCIDENTAL RELEASE MEASURES

**- Personal precautions :**

Put on appropriate personal protective equipment (see section 8)

**- Enviromental precautions :**

Do not allow spills to enter drains or waterways

Use good personal hygiene practices . Wash hands before eating, drinking, smoking or using toilet . Promptly remove soiled clothing and wash thoroughly before reuse

**- Methods for cleaning up :**

Ventilate the area and avoid breathing vapors. Take the personal protective measures listed in section 8 . Contain and absorb spillage with non-combustible materials e.g. sand, earth, and vermiculite . Place in closed containers outside building and dispose of according to the Waste Regulations .

## 7. SAFE HANDLING AND STORAGE MEASURES

**- Handling :** Don't inhalation steam. Don't contact with eye and shin. Put on suitable safeguard in order to prevent from contact, inhalation.

IT must deal in air exhauster equipped place.

No smoking. Don't eat food in the working area.

See section 2 for further details [Prevention]

**- Storage :** Keep container tightly closed in well ventilated place when not in use.

Keep away from direct ray of light, heat source and sources of ignition.

Separate with prohibit mixing material.

See section 2 for further detail [Storage]

## 8. EXPOSURE CONTROL, PERSONAL PROTECTION

**- Ventilation :** Provide local exhaust or general ventilation. need to meet published exposure limits.

**- Respiration protection :** Put on a gas mask for organic gas.

Keep away from chronic exposure & contact.

- **Eye protection :** Put on safety goggles. Equip eye washing near work place.
- **Hand protection :** appropriate protective gloves
- **Body protection :** Keep away from chronic exposure & contact.  
Appropriate protective(impervious) clothing and equipment.
- **Caution for sanitary reason :** No smoking, don't eat food. After working certainly wash in water and soap.  
Polluted cloth must use again after cleaning and drying.
- **Max. concentration :** (Standard of exposure)

## 9. PHYSICAL AND CHEMICAL PROPERTIES

**Appearance(physical state, color) :** Viscous of liquid

**Odor:** Characteristic

**Boiling point:** 153°C

**Viscosity( cps/25°C):** ≤50

**Non-Volatile(SOLIDE):** -

**Solvent:** Solubility in organic solvent

**Flash Point:** 38°C

**Lower Flammable limit::** 4.2%

**Upper Flammable limit:** 12.9%

## 10. PHYSICAL HAZARDS(STABILITY & REACTIVITY)

- **Reactivity :** Hazardous Polymerization will not occur
- **Chemical stability :** Stable under normal circumstances
- **Possible hazardous reactions occurring under specific conditions :** No available information
- **Conditions and substances to avoid :** Keep away from heat, spark, flames,  
static electricity, other sources of ignition. If a receptacle exposed  
by heat, it can explode.
- **Hazardous decomposition :** toxic oxides carbon, hydrocarbon gas, aldehyde, alcohol. organic acid.
- **Polymerization :** No polymerization
- **Incompatible materials:** No information.

## 11. TOXICOLOGICAL INFORMATION

### - Acute toxicity

\* Oral- LD50 8532 mg/kg Rat(IUCLID)

\* Dermal- LD50 >5000 mg/kg Rabbit(IUCLID)

\* Inhalation- Steam LC50 = 140 mg/l 4hr Rat

- **Skin contact:** May cause irritation skin disorders have reported in toner
- **Eye contact:** May cause irritation no data available.
- **Ingestion:** The lethal dose reported in rate was 3200 mg/Kg
  - Data of stimulation : No data available
- **Virulence data :** No data available

- Carcinogenic effect : No data available
- Level of acute virulence : No data available
- Target of internal organs : No data available
- In case of increase in danger for exposure : No data available
- Information on toxicological effects:
- Respiratory or skin sensitisation: No information.
- Germ cell mutagenicity: No information.
- Carcinogenicity: No information.
- Reproductive toxicity: No information.
- STOT-single exposure: No information.
- STOT-repeated exposure: No information.
- Aspiration hazard: No information.

## 12. ECOLOGICAL INFORMATION

- ECOTOXICITY
  - LC50(Fish, 96h) 161 mg/L
  - EC50(Daphnia, 48h) >500 mg/L
  - EC50(Algae, 72h) > 1000 mg/L
- Persistence and degradability : There is no data available on the preparation itself
- Organism accumulation : No available information
- Mobility in soil, Koc : No available information
- Result of PBT and vPvB assessment : This product contains no PBT/vPvB chemicals
- Other negative effects: No available information

## 13. DISPOSAL CONSIDERATION

- Waste disposal regulation :Dispose of in accordance with relevant laws and local regulation.
- Waste disposal method : If possible reducing the wastes's creating, wastes must destroy by fire. When entrust wastes's dealing, certainly it must deal by approved company.
- In case of company inside disposal, it must deal by approved method. Empty drum must dispose after remove pollutant or dealing by approved drum revival company.
- Cautions when dispose : no information available

## 14. TRANSPORT INFORMATION

Land transport china	Not dangerous goods
<b>IATA</b>	Not dangerous goods
<b>IMDG</b>	Not dangerous goods

Special precautions for user : Not dangerous cargo.

Avoid heat above +50°C. Avoid temperatures below +5°C.

Keep separated from foodstuffs.

**UN number:** No information.

**UN proper shipping name:** No information.

**Transport hazard class(es):** No information.

**Packing group:** No information.

**Environmental hazards (e.g., Marine pollutant (Yes/No)):** No information.

**Special precautions for user:** No information.

**Transport in bulk according to Annex II of Marpol and the IBC Code:** No information

## 15. REGULATORY INFORMATION

### Safety, health and environmental regulations/legislation specific for the substance or mixture

#### U.S.A Regulation

CERCLA :DMC-no data available/ PMA-no data available

EPCRA 302, 304, 313 :DMC – no data available / PMA – no data available

#### EU Regulation

EU Information :DMC-F; R11 / PMA- R10Xi; R36

EU Information (Risk Phrases) :DMC-R11 / PMA - R10, R36

EU Information (Safety Phrases) :DMC - S2, S9, S16 / PMA-S2, S25

#### Vietnam Regulation

Chemical Law 2007 : Implementation: Decree No. 113/2017/ND-CP; Decree No. 82/2020/ND-CP.

Parameters: Circular No. 32/2017/TT-BCT; Circular No. 17/2020/TT-BCT.

Chemical security: Decree No. 33/2014/ND-CP.

National technical regulations on chemicals: Chemical safety, chemicals in products, chemical quality (QCVN 05/2020).

Administrative sanctions: Decree No. 71/2019/ND-CP.

## 16. OTHER INFORMATION

#### - Reference :

+ Department of Occupational Safety and Health, GHS Chemical Global Harmonization System website ([http://ghs.osha.gov.tw/CHT/masterpage/index\\_CHT.aspx](http://ghs.osha.gov.tw/CHT/masterpage/index_CHT.aspx))

+ Environmental Protection Department of the Executive Yuan Department of Toxic Chemical Substances (<http://www.epa.gov.tw/np.asp?ctNode=31422&mp=epa>)

+ The website of the European Chemical Agency (<http://echa.europa.eu/>)

- Prepared by : Mr Kim Pyoung Joo

First preparation date : 1-Sep-2023

Revision date / Number : 17-Oct-2024

**REMARKS** : The information and recommendations contained here in are based upon data believed to be correct . However, no guarantee or warranty of any kind, expressed or implied, is made with respect to the information contained herein . We accept no responsibility and disclaim all liability for any harmful effects which may be caused by exposure to our products . Customers/users of this product must comply with all applicable health and safety laws, regulations, and orders

 KYUNG SUNG CHEMICAL VN. CO., LTD.

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET

## 1. CHEMICAL PRODUCT & COMPANY IDENTIFICATION

**Product Name : MSP#60 K705N(NA)**

Usage : SCREEN PRINTING INK

Information of manufacturer(supplier)

Company : Kyung Sung Chemical Vietnam Co., Ltd

Address : No2, Road 8, Vietnam – Singapore In Industrial Park,  
Thuan An City, Binh Duong Province, VN

Phone : +84 274-3783980

FAX : +84 274-3783981

Emergency telephone number: +84 274 3783 980

## 2. HAZARDS IDENTIFICATION

### 1) Classification of the substance or mixture

Flammable liquid, category 2 ; H225

Skin corrosion/irritation category 2; H315

Serious eye damage/eye irritation, category2; H319

Single target organ toxicity, single exposure category 3;H336

Aquatic toxicity(chronic), category 2; H411

Highly Flammable liquid and vapor

Cause skin irritation

Cause serious eye irritation

May cause drowsiness or dizziness

Toxic to aquatic life with long lasting effects .

### 2) Label contents :

#### Classification of hazards in GHS

#### Pictograms



Flame



Exclamation



Environmental  
Hazards

**Signal word : danger**

#### Hazard statements :

H225 Highly flammable liquid and vapor

H315 Cause skin irritation

H319 Causes serious eye irritation

H336 May cause drowsiness and dizziness

H411 Toxic to aquatic life with long lasting effects

#### Precautionary statements

##### A. Prevention

P210 Keep away from heat/sparks/open flames/hot surfaces. – No smoking.

P233 Keep container tightly closed.

P235 Keep cool

P240 Ground, bond container and receiving equipment

P241 Use explosion-proof electrical, ventilating, light, equipment

P242 Use only non-sparking tools

P243 Take precautionary measures against static discharge

P261 Avoid breathing dust, fume, gas, mist, vapors, spray

P264 Wash thoroughly after handling

P271 Use only outdoors or in a well-ventilated area

P273 Avoid release to the environment

P280 Wear protective gloves/protective clothing/eye protection/ face protection. Use personal protective equipment as required.

**B. Response**

P302+P352 IF ON SKIN: Wash with plenty of soap and water.

P303+P361+P353 IF ON SKIN (or hair): Remove, Take off immediately all contaminated clothing. Rinse skin with water/shower.

P304+312 IF INHALED : Call a poison center or doctor or physician if you feel unwell

P305+351+338 IF IN EYES : Rinse cautiously with water for several minutes . Remove contact lense if present and easy to do – continue rinsing

P332+313 If skin irritation occurs : Get medical advice or attention

P337+313 If eyes irritation persists : Get medical advice or attention

P362 Take off contaminated clothing and wash before reuse

P370+P378 In case of fire: Use water spray, extinguishing powder, foam or CO2 for extinction.

P391 Collect spillage

**C. Storage**

P403+P233 Store in a well-ventilated place. Keep container tightly closed

P405 Store locked up

**D. Disposal**

P501 Dispose of contents/container in accordance with local and national regulations .

**Other hazards** : this product contains no PBT/vPvB chemicals

**3. COMPOSITION , INFORMATION ON INGREDIENTS**

COMPONENT	CAS No.	CONTENT(%)
Aliphatic Polyisocyanate	30322-28-2	70-80
Ethyl acetate	141-78-6	20-30

## 4. FIRST - AID MEASURES

### The first-aid measures for different exposure routes :

#### General :

- In all cases of doubt, or when symptoms persists, seek medical attention .
- Never give anything by mouth to an unconscious person

**Inhalation** : Remove to fresh air, keep patient warm and at rest. If breathing is irregular or stopped, give artificial respiration . If unconscious place in the recovery position and obtain immediate medical attention. Give nothing by mouth

**Skin contact** : Remove contaminated clothing . Wash skin thoroughly with soap and water or use a recognized skin cleanser .

**Eye contact** : Irrigate copiously with clean water for at least 15 minutes, holding the eyelids apart and seek medical attention

**Engestion** : If swallowed obtain immediate medical attention . Keep at rest. Do NOT induce vomiting

#### - Most important symptoms and effects :

#### General :

Exposure to solvent vapor concentrations from the component solvents in excess of the stated occupational exposure limits may result in adverse health effects such as mucous membrane and respiratory system irritation and adverse effects on the kidneys, livers and central nervous system .Symptoms include headache, nausea, dizziness, fatigue, muscular weakness, drowsiness and in extreme cases, loss of consciousness.

Repeated or prolonged contact with the preparation may cause removal of natural fat from the skin resulting in dryness, irritation and possible non-allergic contact dermatitis . Solvents may also be absorbed through the skin. Spashes of liquid in the eyes may cause irritation and soreness with possible reversible damage

**Inhalation** : May cause drowsiness or dizziness

**Eye contact** : Cause serious eye irritation

**Skin contact** : Causes skin irritation

- **The protection of first-aiders:** Wear C-class protective equipment and stay in a safe area to implement first- aid

**Notes to physicians** : Treat symptomatically

## 5. FIRE FIGHTING MEASURES

- **Suitable fire extinguishing media** :Recommended extinguishing media; alcohol resistant foam, CO<sub>2</sub>, powder, water spray

#### - Special hazards may be encountered during fire-fighting :

Hazardous decomposition : High temperatures and fires may produce such toxic substances as carbon monoxide and carbon dioxide .

Keep away from heat, sparks, open flames, hot surfaces – No smoking

Keep container tightly closed .

Keep cool

Ground, bond container and receiving equipment

Use explosion-proof electrical, ventilating, light, equipment

Use only non-sparking tools

Take precautionary measures against static discharge

Avoid breathing dust, fume, gas, mist, vapors, spray

**Special fire-fighting methods :**

No available information

**Special equipment and protections for fire fighters :**

As with all fires, wear positive pressure, self-contained breathing apparatus,(SCBA) with a full facepiece and protective clothing. Persons without respiratory protection should leave area . Wear SCBA during clean-up immediately after fire . No Smoking

## 6. ACCIDENTAL RELEASE MEASURES

**- Personal precautions :**

Put on appropriate personal protective equipment (see section 8)

**- Enviromental precautions :**

Do not allow spills to enter drains or waterways

Use good personal hygiene practices . Wash hands before eating, drinking, smoking or using toilet . Promptly remove soiled clothing and wash thoroughly before reuse

**- Methods for cleaning up :**

Ventilate the area and avoid breathing vapors. Take the personal protective measures listed in section 8 . Contain and absorb spillage with non-combustible materials e.g. sand, earth, and vermiculite . Place in closed containers outside building and dispose of according to the Waste Regulations .

## 7. SAFE HANDLING AND STORAGE MEASURES

**- Handling :** Don't inhalation steam. Don't contact with eye and shin. Put on suitable safeguard in order to prevent from contact, inhalation.

IT must deal in air exhauster equipped place.

No smoking. Don't eat food in the working area.

See section 2 for further details [Prevention]

**- Storage :** Keep container tightly closed in well ventilated place when not in use.

Keep away from direct ray of light, heat source and sources of ignition.

Separate with prohibit mixing material.

See section 2 for further detail [Storage]

## 8. EXPOSURE CONTROL, PERSONAL PROTECTION

**- Ventilation :** Provide local exhaust or general ventilation. need to meet published exposure limits.

**- Respiration protection :** Put on a gas mask for organic gas.

Keep away from chronic exposure & contact.

- **Eye protection :** Put on safety goggles. Equip eye washing near work place.
- **Hand protection :** appropriate protective gloves
- **Body protection :** Keep away from chronic exposure & contact.  
Appropriate protective(impervious) clothing and equipment.
- **Caution for sanitary reason :** No smoking, don't eat food. After working certainly wash in water and soap.  
Polluted cloth must use again after cleaning and drying.
- **Max. concentration :** (Standard of exposure)

## 9. PHYSICAL AND CHEMICAL PROPERTIES

**Appearance(physical state, color) :** Viscous of liquid

**Odor:** Characteristic

**Boiling point:** 80°C

**Viscosity( cps/25°C):** 15-100

**Non-Volatile(SOLIDE):** 70 – 80%

**Solvent:** Solubility in organic solvent

## 10. PHYSICAL HAZARDS(STABILITY & REACTIVITY)

- **Reactivity :** Hazardous Polymerization will not occur
- **Chemical stability :** Stable under normal circumstances
- **Possible hazardous reactions occurring under specific conditions :** No available information
- **Conditions and substances to avoid :** Keep away from heat, spark, flames,  
static electricity, other sources of ignition. If a receptacle exposed  
by heat, it can explode.
- Hazardous decomposition : toxic oxides carbon, hydrocarbon gas, aldehyde, alcohol. organic acid.
- Polymerization : No polymerization
- Incompatible materials: No information.

## 11. TOXICOLOGICAL INFORMATION

### - Acute toxicity

\* Oral- LD50 8532 mg/kg Rat(IUCLID)

\* Dermal- LD50 >5000 mg/kg Rabbit(IUCLID)

\* Inhalation- Steam LC50 = 140 mg/l 4hr Rat

- **Skin contact:** May cause irritation skin disorders have reported in toner
- **Eye contact:** May cause irritation no data available.
- **Ingestion:** The lethal dose reported in rate was 3200 mg/Kg
  - Data of stimulation : No data available
  - Virulence data : No data available
  - Carcinogenic effect : No data available
  - Level of acute virulence : No data available

Target of internal organs : No data available

- In case of increase in danger for exposure : No data available

- Information on toxicological effects:

Respiratory or skin sensitisation: No information.

Germ cell mutagenicity: No information.

Carcinogenicity: No information.

Reproductive toxicity: No information.

STOT-single exposure: No information.

STOT-repeated exposure: No information.

Aspiration hazard: No information.

## 12. ECOLOGICAL INFORMATION

- ECOTOXICITY

LC50(Fish, 96h) 161 mg/L

EC50(Daphnia, 48h) >500 mg/L

EC50(Algae, 72h) > 1000 mg/L

- Persistence and degradability : There is no data available on the preparation itself
- Organism accumulation : No available information
- Mobility in soil, Koc : No available information
- Result of PBT and vPvB assessment : This product contains no PBT/vPvB chemicals
- Other negative effects: No available information

## 13. DISPOSAL CONSIDERATION

- Waste disposal regulation :Dispose of in accordance with relevant laws and local regulation.

- Waste disposal method : If possible reducing the wastes's creating, wastes must destroy by fire. When entrust wastes's dealing, certainly it must deal by approved company.

In case of company inside disposal, it must deal by approved method. Empty drum must dispose after remove pollutant or dealing by approved drum revival company.

- Cautions when dispose : no information available

## 14. TRANSPORT INFORMATION

Land transport china Not dangerous goods

**IATA** Not dangerous goods

**IMDG** Not dangerous goods

Special precautions for user : Not dangerous cargo.

Avoid heat above +50°C. Avoid temperatures below +5°C.

Keep separated from foodstuffs.

**UN number:** No information.

**UN proper shipping name:** No information.

**Transport hazard class(es):** No information.

**Packing group:** No information.

**Environmental hazards (e.g., Marine pollutant (Yes/No)):** No information.

**Special precautions for user:** No information.

**Transport in bulk according to Annex II of Marpol and the IBC Code:** No information

## 15. REGULATORY INFORMATION

### Safety, health and environmental regulations/legislation specific for the substance or mixture

#### U.S.A Regulation

CERCLA :DMC-no data available/ PMA-no data available

EPCRA 302, 304, 313 :DMC – no data available / PMA – no data available

#### EU Regulation

EU Information :DMC-F; R11 / PMA- R10Xi; R36

EU Information (Risk Phrases) :DMC-R11 / PMA - R10, R36

EU Information (Safety Phrases) :DMC - S2, S9, S16 / PMA-S2, S25

#### Vietnam Regulation

Chemical Law 2007 : Implementation: Decree No. 113/2017/ND-CP; Decree No. 82/2020/ND-CP.

Parameters: Circular No. 32/2017/TT-BCT; Circular No. 17/2020/TT-BCT.

Chemical security: Decree No. 33/2014/ND-CP.

National technical regulations on chemicals: Chemical safety, chemicals in products, chemical quality (QCVN 05/2020).

Administrative sanctions: Decree No. 71/2019/ND-CP.

## 16. OTHER INFORMATION

#### - Reference :

+ Department of Occupational Safety and Health, GHS Chemical Global Harmonization System website ([http://ghs.osha.gov.tw/CHT/masterpage/index\\_CHT.aspx](http://ghs.osha.gov.tw/CHT/masterpage/index_CHT.aspx))

+ Environmental Protection Department of the Executive Yuan Department of Toxic Chemical Substances (<http://www.epa.gov.tw/np.asp?ctNode=31422&mp=epa>)

+ The website of the European Chemical Agency (<http://echa.europa.eu/>)

- **Prepared by** : Mr Kim Pyoung Joo

First preparation date : 1-Sep-2023

Revision date / Number : 17-Oct-2024

**REMARKS** : The information and recommendations contained here in are based upon data believed to be correct . However, no guarantee or warranty of any kind, expressed or implied, is made with respect to the information contained herein . We accept no responsibility and disclaim all liability for any harmful effects which may be caused by exposure to our products . Customers/users of this product must comply with all applicable health and safety laws, regulations, and orders

 KYUNG SUNG CHEMICAL VN. CO., LTD.

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET

## 1. CHEMICAL PRODUCT & COMPANY IDENTIFICATION

- Item : WPL # 2010 DNC-100
- General Chemical Characteristic : Water based polyurethane
- Analysis of noxiousness : Irritating material
- Usage : Screen Printing Ink
- Information of manufacturer(supplier)

Company : Kyung Sung Chemical Viet Nam Co., Ltd.

Address : No2, Road 8, Vietnam – Singapore In Industrial Park,  
Thuan An City, Binh Duong Province, VN

Phone : +84-274-3783980

FAX : +84-274-3783981

- Team in charge : Quality Assurance Dept.
- Emergency telephone number: 84 274 3783 980

## 2. HAZARDS IDENTIFICATION

### a) Classification of the substance or mixture

- Classification according to Regulation (EC) No 1272/2008 [CLP]  
Not applicable

### b) Label elements

- Labelling according to Regulation (EC) No 1272/2008 [CLP]
- Symbol :



- Signal Word : Warning.
- Hazard/Risk Statement : no data available
- Precautionary Statement : no data available
- Necessary information in emergency danger, noxious : Irritate respiratory organs.  
harmful to eye, nose and lungs.
- Eye : May cause irritation, no information available
- Skin : May cause irritation, no information available

- Inhalation : May cause irritation, no information available
- Ingestion : No information available
- c) Other hazards : No information available

### 3. COMPOSITION , INFORMATION ON INGREDIENTS

Name	CAS No.	Content(%)
Poly(hexamethylene diisocyanate)	28182-81-2	70-80
<u>Ethyl acetate</u>	<u>141-78-6</u>	<u>20-30</u>

### 4. FIRST AID MEASURES

#### 4.1 Description of first aid measures

**General notes:** No general information

Following inhalation :

Take specific treatment if needed

When exposed to large amounts of steam and mist, move to fresh air

Following skin contact :

Flush skin with plenty of water for at least 15 minutes while removing contaminated clothing and shoes .

Wash contaminated clothing thoroughly before re-using

Following eye contact :

Do not rub your eyes

Immediately flush eyes with plenty of water for at least 15 minutes and call a doctor/physician

Following ingestion :

Please be advised by doctor whether induction of vomit is demanded or not

Rinse your mouth with water immediately

**4.2 Most important symptoms and effects, both acute and delayed:** Not available .

**4.3 Indication of any immediate medical attention and special treatment needed**

Notify medical personnel of contaminated situations and have them take appropriate protective measures.

## 5. FIRE FIGHTING MEASURES

### 5.1 Extinguishing media

Suitable extinguishing media: Carbon dioxide(CO<sub>2</sub>), Foam, extinguishing powder, in cases of larger fires, water spray should be used.

Unsuitable extinguishing media: High volume water jet

### 5.2 Special hazards arising from the substance or mixture:

Burning releases carbon monoxide, carbon dioxide, oxides of nitrogen.

In the event of fire and/or explosion do not breathe fumes.

### 5.3 Advice for fire-fighters:

Firemen must wear self-contained breathing apparatus.

Do not allow contaminated extinguishing water to enter the soil, ground-water or Surface waters.

## 6. ACCIDENTAL RELEASE MEASURES

### 6.1 Personal precautions, protective equipment and emergency procedures:

- + For non-emergency personal :
  - Emergency procedures : No applicable
  - If required, notify relevant authorities according to all applicable regulations
  - Protective equipment : Wear proper protection equipment
- + For emergency responders :
  - Do not direct water at spill or source of leak
  - Do not touch spilled material . Stop leak if you can do it without risk
  - Handle the damaged containers or spilled material after wearing appropriate protective equipment
  - Move container to safe area from the leak area
  - Must work against the wind, let the upwind people to evacuate
  - Remove all sources of ignition
  - Ventilate closed spaces before entering

**6.2 Environment related measures:** Do not allow to escape into waterways, wastewater or Soil. If large amounts have been spilled, inform the relevant authorities

**6.3 Methods and material for containment and cleaning up:** Take up with absorbent for

- + For containment
- Clean up all spills immediately
- Clear area of personal and move up wind

- Clear spills immediately
  - Control personal contact by using protective equipment .
  - Don't use a brush or compressed air for cleaning surface or clothing
  - No smoking, flame or ignition sources
  - Prevent, by any means available, spillage from entering drains or water course
  - Stop leak if safe to do so
- + For Cleaning up :
- Appropriate container for disposal of spilled material collected
  - Dike for later disposal
  - Disposal of waste shall be in compliance with the Wastes Control Act
  - Large spill : Stay upwind and keep out of low areas . Dike for later disposal
  - Notify the central and local government if the emission reach the standard threshold
  - Small leak : sand or other non-combustible material, please let use absorption
- + Other information : Slippery when spilt
- 6.4 Reference to other sections:**
- + See Section 13 for information on disposal
  - + See Section 7 for information on safe handling
  - + See Section 8 for information on personal protection equipment .

## 7. HANDLING & STORAGE

### Precautions for safe handling:

When handling observe the usual precautionary measures for chemicals.

Avoid contact with the skin and the eyes.

Keep away from foodstuffs, drinks and tobacco. Wash hands before breaks and at the End of workday. Keep working clothes separately. Change contaminated or soaked clothing.

### Conditions for safe storage, including any incompatibilities:

Keep container tightly closed in a dry and well-ventilated place. Further information on the storage conditions which must be observed to preserve quality can be found in our product information sheet.

### Specific end use(s) :

See Section 1 for information on 1.2 Relevant identified uses

## 8. INFORMATION OF PERSONAL PROTECTION & EXPOSURE CONTROL

### Control parameters

No information on Exposure Limit Values necessary according to EC directive 2006/121/EG

### **Exposure controls**

#### **Respiratory protection:**

Respiratory equipment required during spraying.

#### **Hand protection:**

Suitable materials for safety gloves; EN 374:

Fluorinated rubber – FKM: thickness  $\geq 0.4\text{mm}$ ; breakthrough time  $\geq 480\text{min}$ .

Butyl rubber-IIR: thickness  $\geq 0.5\text{mm}$ ; breakthrough time  $\geq 480\text{min}$ .

Nitrile rubber – NBR: thickness  $\geq 0.35\text{mm}$ ; breakthrough time  $\geq 480\text{min}$ .

Recommendation: contaminated gloves should be disposed of.

#### **Eye protection:**

Wear eye/face protection.

#### **Skin and body protection:**

Wear suitable protective clothing.

## **9. PHYSICAL/CHEMICAL CHARACTERISTICS**

- Appearance : viscous liquid
- Color: Clear
- Odor : slight inherent odour
- pH : 7.0 ~8.0
- Water solubility : Dispersion in water
- Boiling point: 100°C
- Flash point: No flash point up to initial boiling point.
- Flammability(Solid, gas): not applicable
- Vapor density : not established
- Surface tension : not established
- Viscosity : 150 ~ 300 cps/25°C

## **10. STABILITY & REACTIVITY**

**Chemical stability** : No thermal decomposition when stored and handled correctly.

Hazardous decomposition products: No hazardous decomposition products when used as directed.

**Reactivity:** No information.

**Possibility of hazardous reactions:** No information.

**Conditions to avoid:** No information.

**Incompatible materials:** No information.

**Hazardous decomposition products:** No information.

## 11. TOXICOLOGICAL INFORMATION

(a) Acute toxicity:

- Oral :

Product (ATEmix) : No information

Not available

- Dermal :

Product (ATEmix) : No information

Not available

- Inhalation :

Product (ATEmix) : No information

Not available

(b) Skin corrosion / irritation: No information.

(c) Serious eye damage/irritation: No information.

(d) Respiratory or skin sensitisation: No information.

(e) Germ cell mutagenicity: No information.

(f) Carcinogenicity: No information.

(g) Reproductive toxicity: No information.

(h) Specific target organ toxicity(single exposure): No information.

(i) Specific target organ toxicity(repeated exposure): No information.

(j) Aspiration hazard: No information.

(k) Aspiration hazard : No information

Information on other hazards: No information.

## 12. ECOLOGICAL INFORMATION

- Toxicity :

Fish : Not available

Invertebrate : Not available

Algae : Not available

- Persistence and degradability :

Persistence : Not available

- Degradability : Not available
- Bioaccumulative potential :
  - Bioaccumulation : Not available
  - Biodegradability : Not available
  - Mobility in soil : Not available
  - Endocrine disrupting properties : Not available
  - Other adverse effects : Not available

### 13. DISPOSAL CONSIDERATIONS

Dispose in accordance with applicable international, national and local laws, ordinances  
And statutes.

For disposal within the EC, the appropriate code according to the European Waste Catalogue  
(EWC) should be used.

#### **Waste treatment methods**

After containers have been emptied as thoroughly as possible (e.g. by pouring, scraping or  
Draining until “drip-dry”), they can be sent to an appropriate collection point set up within  
the framework of the existing take-back scheme of the chemical industry.

Containers must be recycled in compliance with national legislation and environmental  
Regulations.

None disposal into waste water

### 14. TRANSPORTATION INFORMATION

Land transport china            Not dangerous goods

IATA                                    Not dangerous goods

IMDG                                   Not dangerous goods

Special precautions for user :   Not dangerous cargo.

Avoid heat above +50°C. Avoid temperatures below +5°C.

Keep separated from foodstuffs.

**UN number:** No information.

**UN proper shipping name:** No information.

**Transport hazard class(es):** No information.

**Packing group:** No information.

**Environmental hazards (e.g., Marine pollutant (Yes/No)):** No information.

**Special precautions for user:** No information.

**Transport in bulk according to Annex II of Marpol and the IBC Code:** No information.

## 15. REGULATORY INFORMATION

- Safety, health and environmental regulation/legislation specific for the substance or mixture
  - + Europe regulation
    - REACH Restricted substance : Not applicable
    - REACH Substances subject to authorization : Not applicable
    - REACH SVHC : Not applicable
    - Europe PBT : Not applicable
    - European Union (EU) Transport of Dangerous Goods by Road – Dangerous Goods List :  
Not applicable
- Chemical Safety Assessment : Not conducted

## 16. OTHER INFORMATION

- **Reference :**
  - + Department of Occupational Safety and Health, GHS Chemical Global Harmonization System website ([http://ghs.osha.gov.tw/CHT/masterpage/index\\_CHT.aspx](http://ghs.osha.gov.tw/CHT/masterpage/index_CHT.aspx))
  - + Environmental Protection Department of the Executive Yuan Department of Toxic Chemical Substances (<http://www.epa.gov.tw/np.asp?ctNode=31422&mp=epa>)
  - + The website of the European Chemical Agency (<http://echa.europa.eu/>)
- **Prepared by :** Mr Kim Pyoung Joo
- First preparation date : 1-Sep-2023
- Revision date / Number : 10-Jan-2024

**REMARKS :** The information and recommendations contained here in are based upon data believed to be correct . However, no guarantee or warranty of any kind, expressed or implied, is made with respect to the information contained herein . We accept no responsibility and disclaim all liability for any harmful effects which may be caused by exposure to our products . Customers/users of this product must comply with all applicable health and safety laws, regulations, and orders



KYUNG SUNG CHEMICAL IND. CO., LTD.

# MATERIAL SAFETY DATA SHEET

## 1. CHEMICAL PRODUCT & COMPANY IDENTIFICATION

- Item : WPL # 2010 Matt Clear
- General Chemical Characteristic : Water based polyurethane
- Analysis of noxiousness : Irritating material
- Usage : Screen Printing Ink
- Information of manufacturer(supplier)

Company : Kyung Sung Chemical Viet Nam Co., Ltd.

Address : No2, Road 8, Vietnam – Singapore In Industrial Park,  
Thuan An City, Binh Duong Province, VN

Phone : +84-274-3783980

FAX : +84-274-3783981

- Team in charge : Quality Assurance Dept.
- Emergency telephone number: 84 274 3783 980

## 2. HAZARDS IDENTIFICATION

### a) Classification of the substance or mixture

- Classification according to Regulation (EC) No 1272/2008 [CLP]  
Not applicable

### b) Label elements

- Labelling according to Regulation (EC) No 1272/2008 [CLP]
- Symbol :



- Signal Word : Warning.
- Hazard/Risk Statement : no data available
- Precautionary Statement : no data available
- Necessary information in emergency danger, noxious : Irritate respiratory organs.  
harmful to eye, nose and lungs.
- Eye : May cause irritation, no information available
- Skin : May cause irritation, no information available

- Inhalation : May cause irritation, no information available
- Ingestion : No information available
- c) Other hazards : No information available

### 3. COMPOSITION , INFORMATION ON INGREDIENTS

Name	CAS No.	Content(%)
Polyurethane resin	40128-77-6	25 ~ 30
Silicon dioxide	112945-52-5	2 ~ 5
Water	7732-18-5	65 ~ 70

### 4. FIRST AID MEASURES

#### 4.1 Description of first aid measures

**General notes:** No general information

Following inhalation :

Take specific treatment if needed

When exposed to large amounts of steam and mist, move to fresh air

Following skin contact :

Flush skin with plenty of water for at least 15 minutes while removing contaminated clothing and shoes .

Wash contaminated clothing thoroughly before re-using

Following eye contact :

Do not rub your eyes

Immediately flush eyes with plenty of water for at least 15 minutes and call a doctor/physician

Following ingestion :

Please be advised by doctor whether induction of vomit is demanded or not

Rinse your mouth with water immediately

**4.2 Most important symptoms and effects, both acute and delayed:** Not available .

**4.3 Indication of any immediate medical attention and special treatment needed**

Notify medical personnel of contaminated situations and have them take appropriate protective measures.

## 5. FIRE FIGHTING MEASURES

### 5.1 Extinguishing media

Suitable extinguishing media: Carbon dioxide(CO<sub>2</sub>), Foam, extinguishing powder, in cases of larger fires, water spray should be used.

Unsuitable extinguishing media: High volume water jet

### 5.2 Special hazards arising from the substance or mixture:

Burning releases carbon monoxide, carbon dioxide, oxides of nitrogen.

In the event of fire and/or explosion do not breathe fumes.

### 5.3 Advice for fire-fighters:

Firemen must wear self-contained breathing apparatus.

Do not allow contaminated extinguishing water to enter the soil, ground-water or Surface waters.

## 6. ACCIDENTAL RELEASE MEASURES

### 6.1 Personal precautions, protective equipment and emergency procedures:

- + For non-emergency personal :
  - Emergency procedures : No applicable
  - If required, notify relevant authorities according to all applicable regulations
  - Protective equipment : Wear proper protection equipment
- + For emergency responders :
  - Do not direct water at spill or source of leak
  - Do not touch spilled material . Stop leak if you can do it without risk
  - Handle the damaged containers or spilled material after wearing appropriate protective equipment
  - Move container to safe area from the leak area
  - Must work against the wind, let the upwind people to evacuate
  - Remove all sources of ignition
  - Ventilate closed spaces before entering

**6.2 Environment related measures:** Do not allow to escape into waterways, wastewater or Soil. If large amounts have been spilled, inform the relevant authorities

**6.3 Methods and material for containment and cleaning up:** Take up with absorbent for

- + For containment
- Clean up all spills immediately
- Clear area of personal and move up wind

- Clear spills immediately
  - Control personal contact by using protective equipment .
  - Don't use a brush or compressed air for cleaning surface or clothing
  - No smoking, flame or ignition sources
  - Prevent, by any means available, spillage from entering drains or water course
  - Stop leak if safe to do so
- + For Cleaning up :
- Appropriate container for disposal of spilled material collected
  - Dike for later disposal
  - Disposal of waste shall be in compliance with the Wastes Control Act
  - Large spill : Stay upwind and keep out of low areas . Dike for later disposal
  - Notify the central and local government if the emission reach the standard threshold
  - Small leak : sand or other non-combustible material, please let use absorption
- + Other information : Slippery when spilt
- 6.4 Reference to other sections:**
- + See Section 13 for information on disposal
  - + See Section 7 for information on safe handling
  - + See Section 8 for information on personal protection equipment .

## 7. HANDLING & STORAGE

### Precautions for safe handling:

When handling observe the usual precautionary measures for chemicals.

Avoid contact with the skin and the eyes.

Keep away from foodstuffs, drinks and tobacco. Wash hands before breaks and at the end of workday. Keep working clothes separately. Change contaminated or soaked clothing.

### Conditions for safe storage, including any incompatibilities:

Keep container tightly closed in a dry and well-ventilated place. Further information on the storage conditions which must be observed to preserve quality can be found in our product information sheet.

### Specific end use(s) :

See Section 1 for information on 1.2 Relevant identified uses

## 8. INFORMATION OF PERSONAL PROTECTION & EXPOSURE CONTROL

### Control parameters

No information on Exposure Limit Values necessary according to EC directive 2006/121/EG

### **Exposure controls**

#### **Respiratory protection:**

Respiratory equipment required during spraying.

#### **Hand protection:**

Suitable materials for safety gloves; EN 374:

Fluorinated rubber – FKM: thickness  $\geq 0.4\text{mm}$ ; breakthrough time  $\geq 480\text{min}$ .

Butyl rubber-IIR: thickness  $\geq 0.5\text{mm}$ ; breakthrough time  $\geq 480\text{min}$ .

Nitrile rubber – NBR: thickness  $\geq 0.35\text{mm}$ ; breakthrough time  $\geq 480\text{min}$ .

Recommendation: contaminated gloves should be disposed of.

#### **Eye protection:**

Wear eye/face protection.

#### **Skin and body protection:**

Wear suitable protective clothing.

## **9. PHYSICAL/CHEMICAL CHARACTERISTICS**

- Appearance : viscous liquid
- Color: Clear
- Odor : slight inherent odour
- pH : 7.0 ~8.0
- Water solubility : Dispersion in water
- Boiling point: 100°C
- Flash point: No flash point up to initial boiling point.
- Flammability(Solid, gas): not applicable
- Vapor density : not established
- Surface tension : not established
- Viscosity : 4,000 ~ 8,000 cps/25°C

## **10. STABILITY & REACTIVITY**

**Chemical stability** : No thermal decomposition when stored and handled correctly.

Hazardous decomposition products: No hazardous decomposition products when used as directed.

**Reactivity:** No information.

**Possibility of hazardous reactions:** No information.

**Conditions to avoid:** No information.

**Incompatible materials:** No information.

**Hazardous decomposition products:** No information.

## 11. TOXICOLOGICAL INFORMATION

(a) Acute toxicity:

- Oral :

Product (ATEmix) : No information

Not available

- Dermal :

Product (ATEmix) : No information

Not available

- Inhalation :

Product (ATEmix) : No information

Not available

(b) Skin corrosion / irritation: No information.

(c) Serious eye damage/irritation: No information.

(d) Respiratory or skin sensitisation: No information.

(e) Germ cell mutagenicity: No information.

(f) Carcinogenicity: No information.

(g) Reproductive toxicity: No information.

(h) Specific target organ toxicity(single exposure): No information.

(i) Specific target organ toxicity(repeated exposure): No information.

(j) Aspiration hazard: No information.

(k) Aspiration hazard : No information

Information on other hazards: No information.

## 12. ECOLOGICAL INFORMATION

- Toxicity :

Fish : Not available

Invertebrate : Not available

Algae : Not available

- Persistence and degradability :

Persistence : Not available

- Degradability : Not available
- Biocumulative potential :
- Bioaccumulation : Not available
- Biodegradability : Not available
- Mobility in soil : Not available
- Endocrine disrupting properties : Not available
- Other adverse effects : Not available

### 13. DISPOSAL CONSIDERATIONS

Dispose in accordance with applicable international, national and local laws, ordinances and statutes.

For disposal within the EC, the appropriate code according to the European Waste Catalogue (EWC) should be used.

#### **Waste treatment methods**

After containers have been emptied as thoroughly as possible (e.g. by pouring, scraping or Draining until “drip-dry”), they can be sent to an appropriate collection point set up within the framework of the existing take-back scheme of the chemical industry.

Containers must be recycled in compliance with national legislation and environmental Regulations.

None disposal into waste water

### 14. TRANSPORTATION INFORMATION

Land transport china            Not dangerous goods

IATA                                    Not dangerous goods

IMDG                                  Not dangerous goods

Special precautions for user :    Not dangerous cargo.

Avoid heat above +50°C. Avoid temperatures below +5°C.

Keep separated from foodstuffs.

**UN number:** No information.

**UN proper shipping name:** No information.

**Transport hazard class(es):** No information.

**Packing group:** No information.

**Environmental hazards (e.g., Marine pollutant (Yes/No)):** No information.

**Special precautions for user:** No information.

**Transport in bulk according to Annex II of Marpol and the IBC Code:** No information.

## 15. REGULATORY INFORMATION

- Safety, health and environmental regulation/legislation specific for the substance or mixture
  - + Europe regulation
    - REACH Restricted substance : Not applicable
    - REACH Substances subject to authorization : Not applicable
    - REACH SVHC : Not applicable
    - Europe PBT : Not applicable
    - European Union (EU) Transport of Dangerous Goods by Road – Dangerous Goods List :  
Not applicable
- Chemical Safety Assessment : Not conducted

## 16. OTHER INFORMATION

- **Reference :**
  - + Department of Occupational Safety and Health, GHS Chemical Global Harmonization System website ([http://ghs.osha.gov.tw/CHT/masterpage/index\\_CHT.aspx](http://ghs.osha.gov.tw/CHT/masterpage/index_CHT.aspx))
  - + Environmental Protection Department of the Executive Yuan Department of Toxic Chemical Substances (<http://www.epa.gov.tw/np.asp?ctNode=31422&mp=epa>)
  - + The website of the European Chemical Agency (<http://echa.europa.eu/>)
- **Prepared by :** Mr Kim Pyoung Joo
- First preparation date : 1-Sep-2023
- Revision date / Number : 10-Jan-2024

**REMARKS :** The information and recommendations contained here in are based upon data believed to be correct . However, no guarantee or warranty of any kind, expressed or implied, is made with respect to the information contained herein . We accept no responsibility and disclaim all liability for any harmful effects which may be caused by exposure to our products . Customers/users of this product must comply with all applicable health and safety laws, regulations, and orders



KYUNG SUNG CHEMICAL IND. CO., LTD.

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản số 378/CV-CT ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa về việc chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tam Phước” và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Môi trường.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa địa chỉ tại Khu công nghiệp Tam Phước, Đường số 6, phường Tam Phước, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với Khu công nghiệp Tam Phước, địa điểm tại phường Tam Phước, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của cơ sở:**

1.1. Tên cơ sở: Khu công nghiệp Tam Phước.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Tam Phước, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp 3600964611 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 01 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 04 tháng 01 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 3600964611.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, gồm các ngành nghề được phép thu hút đầu tư phân loại theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam), bao gồm:

STT	Các ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành kinh tế Việt Nam
1	Sản xuất, chế biến thực phẩm	C10 (trừ C10101)
2	Sản xuất bia	C1103
3	Sản xuất mạch nha ủ men bia	C1104
4	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	C1105
5	Dệt (không bao gồm công đoạn nhuộm; bao gồm công đoạn in ấn lên sản phẩm may)	C13
6	Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	C1410
7	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú (đã qua sơ chế)	C1420
8	Sản xuất trang phục đan móc	C1430
9	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm (không bao gồm sơ chế da, thuộc da, nhuộm da)	C1512
10	Sản xuất giày, dép (không bao gồm sơ chế da, thuộc da, nhuộm da)	C1520
11	Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tẻ bện	C16
12	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	C1702
13	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	C1709
14	In ấn và dịch vụ liên quan đến in	C181
15	Sản xuất hóa chất cơ bản, phân bón và hợp chất ni tơ; sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (không bao gồm sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản)	C201
16	Sản xuất sản phẩm hóa chất khác	C202 (trừ C2021)
17	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu (chi tiết: sản xuất thuốc sát trùng dùng trong chăn nuôi)	C2100
18	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su (trừ sử dụng nhựa tái chế nhập khẩu)	C2219
19	Sản xuất sản phẩm từ plastic (trừ sử dụng nhựa tái chế nhập khẩu)	C2220
20	Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	C23
21	Sản xuất kim loại	C24
22	Sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng, bể chứa và nồi hơi (không bao gồm công đoạn xi mạ)	C251
23	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	C2591
24	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (không bao gồm công đoạn xi mạ)	C2592
25	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng (không bao gồm công đoạn xi mạ)	C2593
26	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (không bao gồm công đoạn xi mạ, trừ Công ty TNHH Honm Reen (Việt Nam), Công ty TNHH Golden, Công ty TNHH Tôn Tráng Kẽm Việt Nam)	C2599
27	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy tính và sản phẩm quang học	C26
28	Sản xuất thiết bị điện	C27
29	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	C2817

STT	Các ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành kinh tế Việt Nam
30	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	C2822
31	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	C2825
32	Sản xuất máy chuyên dụng khác	C2829
33	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	C2930
34	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (bao gồm công đoạn in ấn trên sản phẩm)	C31
35	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	C3230
36	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	C3240
37	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	C3290
38	Sửa chữa, bảo dưỡng các sản phẩm kim loại đúc sẵn	C3311
39	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị	C3312
40	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện	C3314
41	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	C3320
42	Điện mặt trời	D35123
43	Thu gom rác thải không độc hại (chỉ áp dụng đối với Công ty Cổ phần phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa có hoạt động trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường và Công ty TNHH Đại Lam Sơn theo quy mô công suất hiện trạng và lộ trình hoạt động tuân theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, không thu hút dự án đầu tư mới)	E3811
44	Thu gom rác thải độc hại (chỉ áp dụng đối với Công ty TNHH Đại Lam Sơn, không thu hút dự án đầu tư mới)	E3812
45	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại (chỉ áp dụng đối với Công ty TNHH Đại Lam Sơn, không thu hút dự án đầu tư mới)	E3821
46	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại (chỉ áp dụng đối với Công ty TNHH Đại Lam Sơn, không thu hút dự án đầu tư mới)	E3822
47	Tái chế phế liệu	E3830
48	Xây dựng nhà các loại	F41
49	Xây dựng công trình điện	F4221
50	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	F4222
51	Xây dựng công trình công ích khác	F4229
52	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	F4299
53	Lắp đặt hệ thống điện	F4321
54	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	F4322
55	Hoàn thiện công trình xây dựng	F4330
56	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	F4390
57	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	G4641
58	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	G4653
59	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	G4659
60	Bán buôn chuyên doanh khác	G467
61	Bán buôn tổng hợp	G4690
62	Nhà hàng dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	I5610

STT	Các ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành kinh tế Việt Nam
63	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (cho thuê nhà xưởng)	M6810
64	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	N7110
65	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	N749
66	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	O7730
67	Dịch vụ đóng gói	O8292
68	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	T9610

#### 1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

- Tổng diện tích đất của cơ sở: 325,01 ha. Trong đó:

+ Diện tích đất do Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa trực tiếp quản lý: 285,14 ha.

+ Diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai giao trực tiếp cho các cơ sở thứ cấp thuộc phạm vi quy hoạch của Khu công nghiệp: 39,87 ha.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

#### 2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải đảm bảo chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép

tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm**

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày 11 tháng 12 năm 2032).

Các giấy phép môi trường thành phần đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

**Điều 4.** Giao Cục Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. / *lt*

**Nơi nhận:**

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND tỉnh Đồng Nai (để phối hợp, chỉ đạo);
- Sở NN&MT tỉnh Đồng Nai;
- Ban Quản lý các KCN, KKT tỉnh Đồng Nai;
- Công thông tin điện tử Bộ NN & MT;
- Bộ phận Một cửa Bộ NN&MT;
- Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa;
- Lưu: VT, MT, Hieu.11.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Lê Công Thành**

## Phụ lục 1

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

##### 1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải từ các cơ sở đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp Tam Phước (sau đây gọi là Khu công nghiệp).
- Nguồn số 02: Nước thải từ khu vực nhà điều hành của Khu công nghiệp và văn phòng điều hành của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp;
- Nguồn số 03: Nước thải từ phòng thí nghiệm của hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 04: Nước thải của Doanh nghiệp tư nhân Hồng Ngân nằm ngoài Khu công nghiệp.
- Nguồn số 05: Nước thải từ Khu dân cư Tam Phước, Khu tái định cư Tam Phước (bao gồm chợ Tam Phước), Khu 69 Kios và 01 văn phòng thương mại nằm ngoài Khu công nghiệp.
- Nguồn số 06: Nước thải phát sinh từ quá trình ép bùn của hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 07: Nước thải từ sân phơi bùn của hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 08: Nước thải từ mương hở thu gom nước rỉ rác của kho chứa chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường.

##### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: suối Nước Trong chảy ra sông Đồng Nai.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Suối Nước Trong, xã An Phước, tỉnh Đồng Nai.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1200523; Y = 410640.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 107°45', múi chiều 3°).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 7.000 m<sup>3</sup>/ngày.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý được xả vào hệ thống mương dẫn nước thải của Khu công nghiệp qua một cửa xả, sau đó chảy ra suối Nước Trong và chảy ra sông Đồng Nai.
- Hình thức xả: Tự chảy (xả mặt, xả ven bờ).

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A.  $K_q = 0,9$  và  $K_r = 0,9$ ), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục	
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-	03 tháng/lần (theo cam kết của Chủ cơ sở)	Đã lắp đặt	
2	Nhiệt độ	°C	40			
3	pH	-	6-9			
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	40,5			
5	COD	mg/l	60,75			
6	Amoni (NH <sup>4+</sup> tính theo N)	mg/l	4,05			
7	BOD <sub>5</sub> (ở 20°C)	mg/l	24,3	03 tháng/lần	Không yêu cầu	
8	Tổng Nitơ	mg/l	16,2			
9	Tổng Phốt pho (Tính theo P)	mg/l	3,24			
10	Florua	mg/l	4,05			
11	Asen	mg/l	0,0405			
12	Thủy ngân	mg/l	0,0045			
13	Chì	mg/l	0,081			
14	Kẽm	mg/l	2,43			
15	Cadimi	mg/l	0,0405			
16	Sắt	mg/l	0,81			
17	Sunfua	mg/l	0,162			
18	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,05			
19	Tổng xianua	mg/l	0,0567			
20	Crom (VI)	mg/l	0,0405			
21	Crom (III)	mg/l	0,162			
22	Đồng	mg/l	1,62			
23	Độ màu	Pt-Co	50			
24	Niken	mg/l	0,162			
25	Mangan	mg/l	0,405			
26	Tổng phenol	mg/l	0,081			
27	Clo dư	mg/l	0,81			
28	Coliform	MPN/100ml	3.000			1 năm/lần
29	Tổng PCB	mg/l	0,00243			
30	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,0405			
31	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	0,243			

**Ghi chú:** Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả thải ra nguồn nước tiếp nhận phải đáp ứng quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống nước thải:

- Nước thải phát sinh từ các cơ sở thứ cấp (nguồn số 01) và nước thải của Doanh nghiệp tư nhân Hồng Ngân nằm ngoài Khu công nghiệp (nguồn số 04) được xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp được thu gom đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ khu vực nhà điều hành và văn phòng điều hành của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp (nguồn số 02), nước thải phát sinh từ hoạt động của phòng thí nghiệm (nguồn số 03), nước thải phát sinh từ quá trình ép bùn (nguồn số 06), nước thải từ sân phơi bùn (nguồn số 07), nước thải từ mương hồ thu gom nước rỉ rác của kho chứa chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường (nguồn số 08) được thu gom đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nước thải từ Khu dân cư Tam Phước, Khu tái định cư Tam Phước (bao gồm chợ Tam Phước), Khu 69 Kios và 01 văn phòng thương mại nằm ngoài Khu công nghiệp (nguồn số 05) được thu gom chung qua một điểm đầu nối trên đường số 02 đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

##### 1.2.1. Hệ thống xử lý nước thải giai đoạn 01 công suất 1.500 m<sup>3</sup>/ngày:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Máy tách rác thô → Bể gom → Máy tách rác tinh → Bể điều hòa → Bể keo tụ - tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể Unitank → Bể khử trùng → Hồ hoàn thiện → Mương quan trắc → Suối Nước Trong.

- Công suất thiết kế 1.500 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Polymer, Javen, mật ri đường, NaOH, HCl, PAC (đối với NaOH, HCl, PAC chỉ sử dụng khi cần thiết) (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này).

##### 1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải giai đoạn 02 công suất 1.500 m<sup>3</sup>/ngày đêm:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Máy tách rác thô → Bể gom → Máy tách rác tinh → Bể điều hòa → Bể keo tụ - tạo bông → Bể lắng hoá lý → Bể C-tech → Bể khử trùng → Hồ hoàn thiện → Mương quan trắc → Suối Nước Trong.

- Công suất thiết kế: 1.500 m<sup>3</sup>/ngày.

- Hóa chất sử dụng: Polymer, Javen, mật ri đường, NaOH, HCl, PAC (đối với NaOH, HCl, PAC chỉ sử dụng khi cần thiết) (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này).

##### 1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải giai đoạn 03 công suất 4.000 m<sup>3</sup>/ngày:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Máy tách rác thô → Bể gom → Thiết bị lược rác → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng sơ cấp → Bể SBR → Bể khử trùng → Hồ hoàn thiện → Mương quan trắc → Suối Nước Trong.

- Công suất thiết kế: 4.000 m<sup>3</sup>/ngày.

- Hóa chất sử dụng: Polymer, Javen, mật ri đường, NaOH, HCl, PAC (đối với NaOH, HCl, PAC chỉ sử dụng khi cần thiết) (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí lắp đặt: mương quan trắc nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý tập trung của Khu công nghiệp.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, COD, TSS, Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị.

- Camera theo dõi: Đã lắp camera giám sát.

- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu quan trắc tự động, liên tục nước thải sau xử lý được kết nối với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai để theo dõi, giám sát.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

Đã xây dựng 01 hồ sự cố thể tích 21.000 m<sup>3</sup>, trải bạt HPDE chống thấm.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa sự cố

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động phát sinh nước thải từ các doanh nghiệp, kiểm tra đầu nối. Lập danh sách các doanh nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm, định kỳ hoặc đột xuất lấy mẫu kiểm tra nước thải các doanh nghiệp này.

- Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng nạo vét đường ống để phát hiện và xử lý kịp thời trường hợp sự cố tắc nghẽn và rò rỉ trong hệ thống xử lý nước thải. Trang bị một số thiết bị dự phòng cho một số máy móc dễ hư hỏng như bơm dự phòng, máy thổi khí, các phụ tùng khác.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải. Hàng ngày, thực hiện kiểm tra một số thông số (pH, N tổng, Florua, Clorua) bên cạnh kiểm tra, theo dõi kết quả giám sát tự động, liên tục chất lượng nước thải sau xử lý để giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

- Vận hành các hệ thống xử lý nước thải tập trung theo đúng quy trình kỹ thuật; kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị của các hệ thống xử lý nước thải; lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành các hệ thống xử lý nước thải; bố trí thiết bị dự phòng để kịp thời thay thế trong trường hợp cần thiết.

- Bố trí các cán bộ kỹ thuật có chuyên môn và được đào tạo đúng chuyên ngành để tham gia vào quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

- Đối với chất lượng nước thải sau xử lý: Công tác giám sát chất lượng nước thải sau

xử lý được thực hiện liên tục, tự động thông qua trạm quan trắc chất lượng nước thải. Số liệu quan trắc được lưu trữ và theo dõi tại Công ty. Trường hợp phát hiện sự cố, cán bộ vận hành sẽ tiến hành khắc phục ngay.

#### 1.4.3. Biện pháp ứng phó sự cố:

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải tập trung bị sự cố hoặc nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép thông qua việc kiểm soát bằng hệ thống quan trắc tự động, liên tục, nước thải được dẫn về lưu chứa tại hồ sự cố dung tích 21.000 m<sup>3</sup>. Sau khi đã khắc phục xong sự cố của hệ thống xử lý nước thải tập trung, vận hành lại hệ thống bình thường.

- Trường hợp nhà đầu tư thứ cấp xả thải vượt chuẩn, đóng van xả nước thải của doanh nghiệp tại điểm đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải. Đến khi nào doanh nghiệp khắc phục xong sự cố và được sự đồng ý của Khu công nghiệp thì mới mở van, cho xả thải trở lại.

- Trường hợp chất lượng nước thải đầu vào vượt quá giới hạn tiếp nhận, sẽ ngừng tiếp nhận và đóng van đầu nối, không xả nước thải vượt tiêu chuẩn đầu nối vào hệ thống thu gom của Khu công nghiệp.

- Trường hợp lưu lượng nước thải đầu vào lớn hơn công suất thiết kế: Bơm điều tiết một phần nước thải tiếp nhận sang lưu chứa tạm thời tại hồ sự cố; Xác định doanh nghiệp xả nước thải với lưu lượng lớn, vượt công suất đã đăng ký; yêu cầu doanh nghiệp đó điều chỉnh lưu lượng xả nước thải, đảm bảo công suất thiết kế của hệ thống XLNT tập trung của Khu công nghiệp.

- Trường hợp 01 hoặc 02 trong 03 hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố: tiến hành cô lập hệ thống xử lý nước thải bị sự cố, ngắt xả ra nguồn tiếp nhận và điều tiết một phần nước thải tiếp nhận sang hệ thống xử lý nước thải còn lại đang hoạt động bình thường qua tuyến ống liên kết. Lưu chứa nước thải tạm thời trong hồ sự cố dung tích 21.000 m<sup>3</sup> trong thời gian chờ khắc phục sự cố và hệ thống xử lý nước thải của Khu công nghiệp hoạt động trở lại bình thường.

- Trường hợp cả 03 hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố: Đóng toàn bộ van xả, sử dụng tuyến liên kết để cân bằng mực giữa các hệ thống xử lý nước thải. Lưu chứa nước thải tạm thời trong hồ sự cố dung tích 21.000 m<sup>3</sup> trong thời gian chờ khắc phục sự cố hệ thống xử lý nước thải của Khu công nghiệp hoạt động trở lại bình thường.

#### 1.5. Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	Nhiệt độ	°C	40
2	Màu	Pt/Co	250
3	pH	-	4,5-10,5
4	BOD5 (20°C)	mg/l	350
5	COD	mg/l	700
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	400
7	Asen	mg/l	0,1
8	Thủy ngân	mg/l	0,01
9	Chì	mg/l	0,5
10	Cadimi	mg/l	0,1
11	Crom (VI)	mg/l	0,1
12	Crom (III)	mg/l	1
13	Đồng	mg/l	2

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
14	Kẽm	mg/l	3
15	Niken	mg/l	0,5
16	Mangan	mg/l	1
17	Sắt	mg/l	5
18	Tổng xianua	mg/l	0,0567
19	Tổng phenol	mg/l	0,081
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
21	Sunfua	mg/l	0,162
22	Florua	mg/l	4,05
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	35
24	Tổng nitơ	mg/l	80
25	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	15
26	Clorua	mg/l	405
27	Clo dư	mg/l	2
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,0405
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	0,243
30	Tổng PCB	mg/l	0,00243
31	Coliform	MPN/100ml	Không giới hạn
32	Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha$	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta$	Bq/l	1

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm.

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Khu công nghiệp Tam Phước (không bao gồm nước thải phát sinh từ Nhà máy thép Bắc Nam hiện hữu thuộc Công ty Cổ phần thép Bắc Nam đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận miễn trừ đầu nối), bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom và thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, xử lý và xả nước thải sau xử lý. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải sau xử lý phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.4. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo

quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

3.5. Việc tiếp nhận các nguồn nước thải số 04 và số 05 phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại khoản 4 Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 31 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

3.6. Có kế hoạch và lộ trình nâng cấp, cải tạo (trường hợp cần thiết) hệ thống xử lý nước thải để bảo đảm giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả thải ra nguồn tiếp nhận đáp ứng quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với nước thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) theo quy định.

3.7. Công ty Cổ phần phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom nước thải từ các nhà đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra ngoài môi trường; chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép môi trường này ra môi trường.

## Phụ lục 2

### BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

##### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực đặt máy thổi khí và bơm của hệ thống xử lý nước thải giai đoạn 1 công suất 1.500 m<sup>3</sup>/ngày.
- Nguồn số 02: Khu vực đặt máy thổi khí và bơm của hệ thống xử lý nước thải giai đoạn 2 công suất 1.500 m<sup>3</sup>/ngày.
- Nguồn số 03: Khu vực đặt máy thổi khí và bơm của hệ thống xử lý nước thải giai đoạn 3 công suất 4.000 m<sup>3</sup>/ngày.
- Nguồn số 04: Khu vực đặt máy phát điện (hoạt động không thường xuyên).
- Nguồn số 05: Khu vực đặt hệ thống máy bơm của hồ sơ cố nước thải (hoạt động không thường xuyên).

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

##### 2.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

##### 2.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**Ghi chú:** Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, giá trị tối đa cho phép đối với mức ồn phát sinh, mức gia tốc rung phải đáp ứng quy định tương ứng tại QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh).

#### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

##### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với thiết bị có công suất lớn, lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị phụ trợ (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

lt

**Phụ lục 3****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:****1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH):**

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	15
2	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	16 01 13	15
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	20
4	Pin, ắc quy thải	16 01 12	30
<b>Tổng khối lượng</b>			<b>80</b>

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát:**

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	1
2	Bao bì mềm (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	18 01 01	10
3	Bao bì cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composite)	18 01 04	50
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	05
5	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	19 05 02	33
6	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	600.000
<b>Tổng khối lượng</b>			<b>600.099</b>

Chất thải công nghiệp phải kiểm soát được thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

**1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:**

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường từ các doanh nghiệp thứ cấp hoạt động trong Khu công nghiệp	19.167,77
2	Rác thải tại song chắn rác	18
3	Bùn cặn từ hoạt động nạo vét, thu gom thoát nước mưa	12
<b>Tổng khối lượng</b>		<b>19.197,77</b>

**1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 2,7 tấn/năm.**

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy, dán nhãn, mã chất thải nguy hại để thu gom và bảo quản từng loại chất thải nguy hại.

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại:

+ Diện tích kho: 200 m<sup>2</sup> (bao gồm khu chứa chất thải nguy hại diện tích 50 m<sup>2</sup> và khu vực lưu chứa bùn khô sau khi phơi có diện tích 150 m<sup>2</sup>).

+ Thiết kế, cấu tạo: Tường bao xung quanh; nền bê tông chống thấm; có biển cảnh báo; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

- Khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

+ Khu chứa bùn sau ép có diện tích 150 m<sup>2</sup> (khu đặt máy ép bùn).

+ Khu chứa bùn sau phơi có diện tích 150 m<sup>2</sup> (nằm trong kho chứa chất thải nguy hại có tổng diện tích 200 m<sup>2</sup>).

- Thiết kế cấu tạo: Tường xây gạch, mái lợp tôn, tường bao quanh, nền bê tông; hố ga thu gom chất thải lỏng, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa (có nắp đậy) được để tại các vị trí thuận lợi cho việc thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt.

- Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Diện tích: 300 m<sup>2</sup>

- Kết cấu: Có nền bê tông chống thấm, cao hơn mặt đường, tường bao xây gạch, có mái che, mương hở có khe chắn kết nối vào hố ga để thu gom nước rỉ rác.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP *vt*

**Phụ lục 4****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

1. Đã hoàn thành hạ tầng kỹ thuật với tổng diện tích 325,01 ha của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tam Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai” (theo Quyết định số 116/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 01 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án).

2. Những nội dung tiếp tục thực hiện theo Quyết số 116/QĐ-BTNMT, bao gồm:

- Xây dựng, lắp đặt bổ sung các mô đun của Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Tam Phước (tổng công suất thiết kế 8.000 m<sup>3</sup>/ngày) theo tiến độ thu hút đầu tư và nhu cầu đầu nối nước thải của các cơ sở đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp Tam Phước bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Quy trình công nghệ xử lý: Nước thải → Máy tách rác thô → Bể gom → Thiết bị lọc rác → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng sơ cấp → Bể SBR → Bể khử trùng → Hồ hoàn thiện → Mương quan trắc → Suối Nước Trong.

- Thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng theo quy định của pháp luật. Thu gom và xử lý toàn bộ nước thải, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường; kiểm soát các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung nằm trong giới hạn của các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong quá trình thi công, xây dựng, vận hành toàn bộ cơ sở, phải áp dụng triệt để các biện pháp kỹ thuật nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực, xử lý các nguồn thải phát sinh có khả năng gây ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư, các đối tượng xung quanh, nguồn tiếp nhận chất thải của Khu công nghiệp.

3. Sau khi hoàn thành các hạng mục trên, Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa có trách nhiệm báo cáo Bộ Nông Nghiệp và Môi trường để xem xét cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Thường xuyên cập nhật, ban hành và nghiêm túc thực hiện quy chế về bảo vệ môi trường của khu công nghiệp theo quy định của pháp luật. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường.

5. Diện tích cây xanh phải bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật về xây dựng; Bảo đảm khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan.

6. Việc thu hút, sắp xếp, bố trí các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp theo ngành nghề thu hút đầu tư trong khu công nghiệp phải bảo đảm thực hiện theo đúng quy hoạch phân khu chức năng của khu công nghiệp được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Ngành nghề thu hút đầu tư vào khu công nghiệp phải phù hợp với chủ trương thu hút đầu tư và yêu cầu, quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

7. Khí thải phát sinh từ 01 máy phát điện dự phòng (công suất 600 kVA; nhiên liệu sử dụng là dầu DO), chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

8. Việc tạm trú, lưu trú trong Khu công nghiệp cần thực hiện theo đúng quy định tại Điều 25 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.

9. Quyết định số 370/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 22/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

10. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới. *ct*





GHỊ CHỮ / GENERAL NOTES:

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH  
PURPOSE OF ISSUE

BÁO CÁO NGHIỆM CỨU KHẢ THI

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TK CẢI TẠO, ĐIỀU CHỈNH

ĐIỀU CHỈNH: NGƯỜI ĐIỀU CHỈNH:

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR:

CÔNG TY TNHH HOA VINA



CÔNG TRÌNH / PROJECT:

NHÀ MÁY 2

TÊN BẢN VẼ/ DRAWING TITLE:

MẶT BẰNG TỔNG THỂ NHÀ XƯỞNG

ĐV THIẾT KẾ/ CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH TMDV  
TVM T THẮNG PHÁT  
ĐỊA CHỈ: SỐ 28, TÔ 12, KP 4B, P. THẮNG DÀI,  
TP. LONG MỸ

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR:

TRẦN VĂN LỢI

CHỦ TRỊ THIẾT KẾ

NGUYỄN VĂN THẮNG

NGƯỜI VẼ

LÊ VĂN VŨ

KIỂM TRA

NGUYỄN VĂN THẮNG

SỐ HIỆU DẠY/JOB NO:

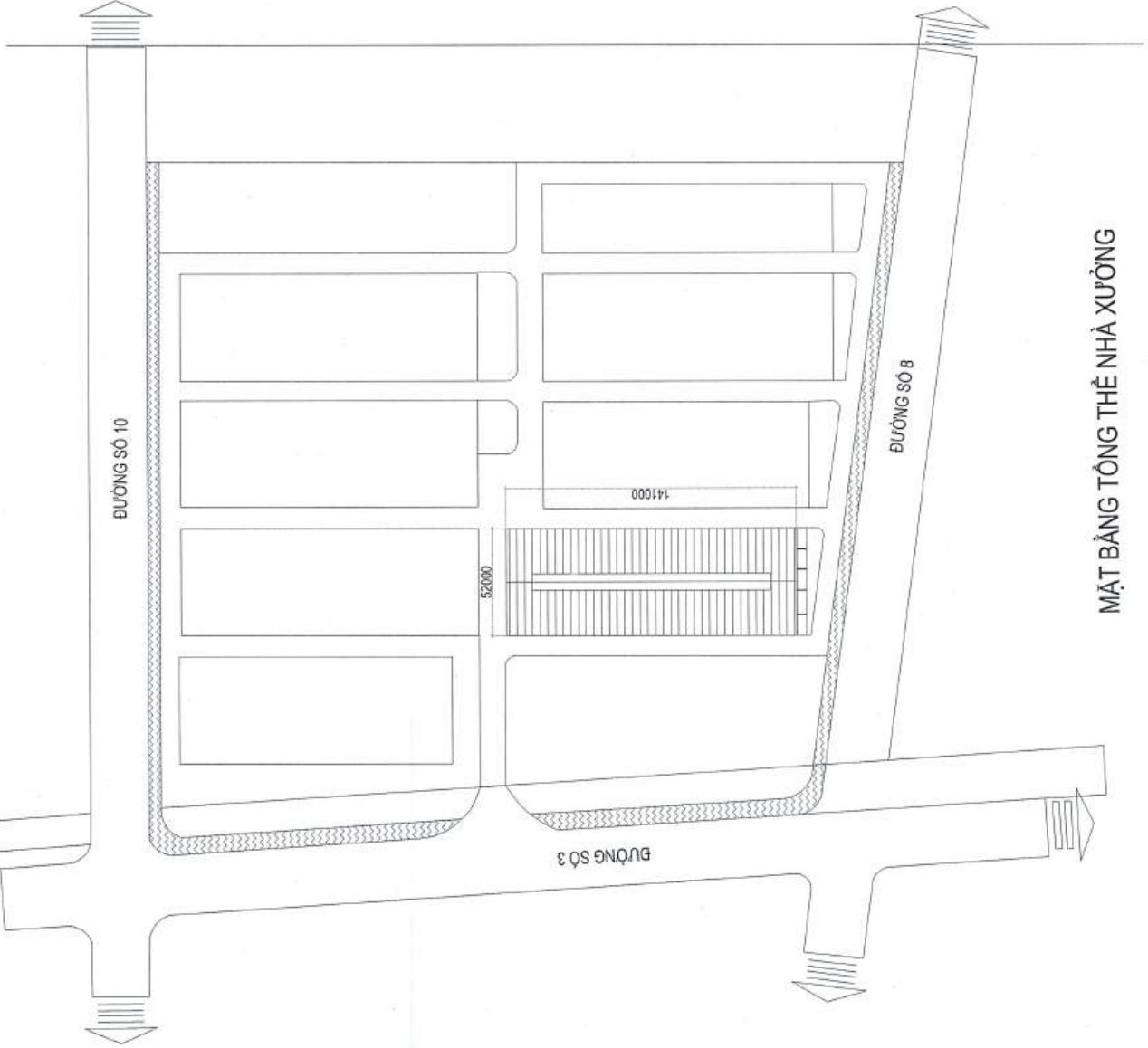
TL / SCALE:

NGÀY / DATE:

BV SỐ/ DWG NO:

2026

VỊ TRÍ NHÀ XƯỞNG  
DIỆN TÍCH: 52x141=7332 m2



MẶT BẰNG TỔNG THỂ NHÀ XƯỞNG

GHI CHÚ / GENERAL NOTES:

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH  
PURPOSE OF ISSUE

BẢO CAO NGHIỆN CỨU KHẢ THI

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TM CẢI TẠO, ĐIỀU CHỈNH

ĐIỀU CHỈNH:  NGƯỜI ĐIỀU CHỈNH:

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR:

CÔNG TY TNHH MƯA VINA



CÔNG TRÌNH / PROJECT:

NHÀ MÁY 2

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC MƯA NHÀ XƯỞNG

ĐV THIẾT KẾ / CONTRACTOR:

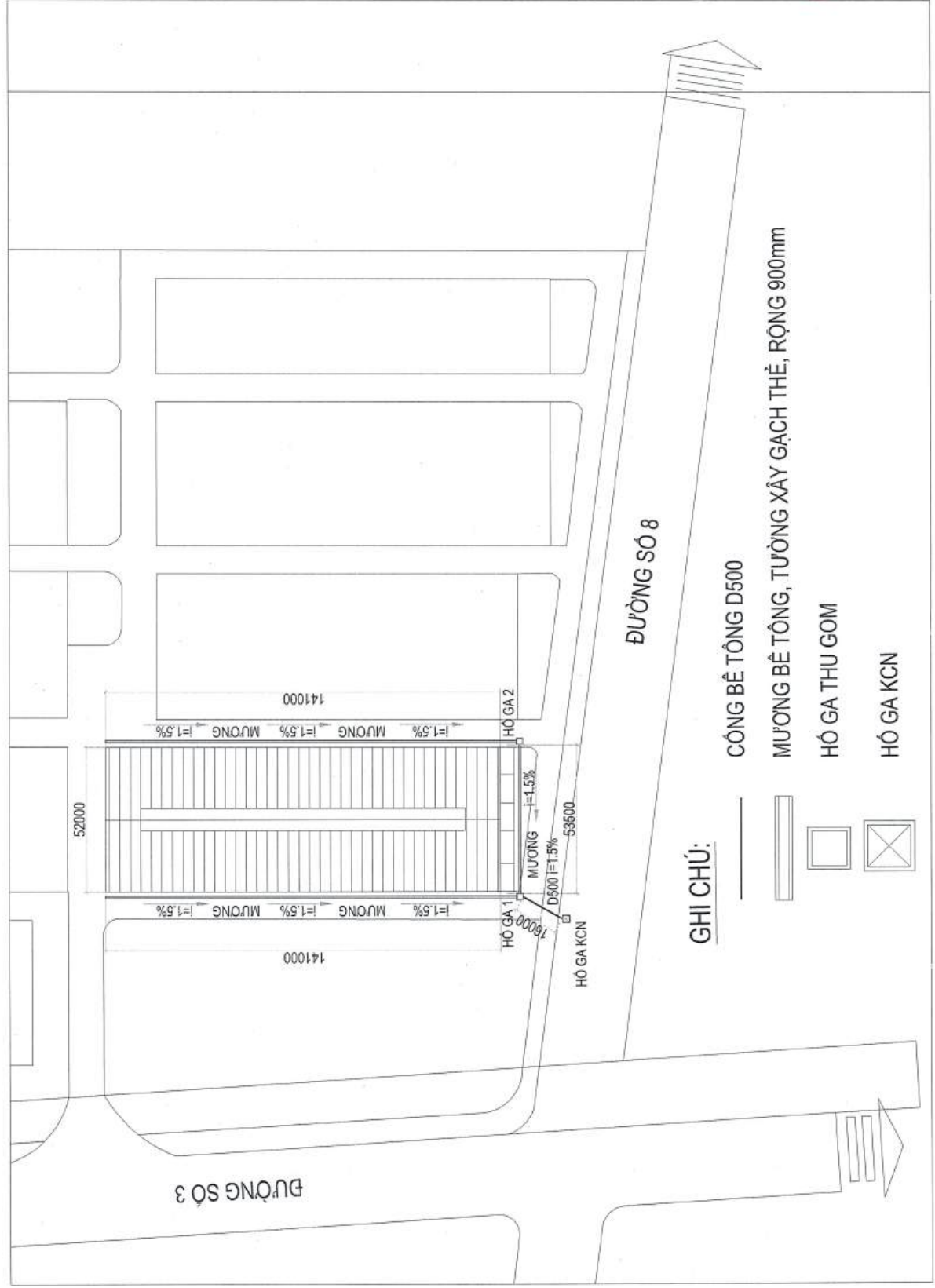
**TP** CÔNG TY TNHH THIDV  
TVMT THẮNG PHÁT  
ĐIA CHỈ: SỐ 38, TỒ 12, KP. 48, P. TRẢNG DẠI,  
TP. BÌNH KHÁNH

Số điện thoại: 0909 966 222  
Email: thidv@thidv.com.vn  
Website: www.thidv.com.vn

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR:

NGUYỄN VĂN LỢI  
*(Handwritten signature)*

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	<i>(Handwritten signature)</i>
NGUYỄN VĂN THẮNG	
NGƯỜI VẼ	<i>(Handwritten signature)</i>
LÊ VĂN VŨ	
KIỂM TRA	<i>(Handwritten signature)</i>
NGUYỄN VĂN THẮNG	
SỐ HIỆU DẠ / JOB NO:	TL / SCALE:
NGÀY / DATE:	2025
BV SỐ / DWG NO:	



GHI CHÚ:

CỐNG BÊ TÔNG D500

MƯƠNG BÊ TÔNG, TƯỜNG XÂY GẠCH THÈ, RỘNG 900mm

HỐ GA THU GOM

HỐ GA KCN

MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC MƯA NHÀ XƯỞNG

GHI CHÚ / GENERAL NOTES:

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH  
PURPOSE OF ISSUE

- BẢO CÁO NGHIỆM CỨU KHẢ THI
- BẢN VẼ HOÀN CÔNG
- TẠO CÁT TẠO, ĐIỀU CHỈNH
- ĐIỀU CHỈNH: NGƯỜI ĐIỀU CHỈNH:

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR:



CÔNG TRÌNH / PROJECT:

NHÀ MÁY 2

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

SƠ ĐỒ BỐ TRÍ NHÀ XƯỞNG

ĐY THIẾT KẾ/ CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH TMĐV  
TYM/T THẮNG PHÁT

ĐỊA CHỈ: SỐ 28, TÔ LÍC, KP. 4B, P. TRẢNG DÀI,  
TP. BẾN MÊ

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR:



CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

NGUYỄN VĂN THẮNG

NGƯỜI VẼ

LE VĂN VŨ

KIỂM TRA

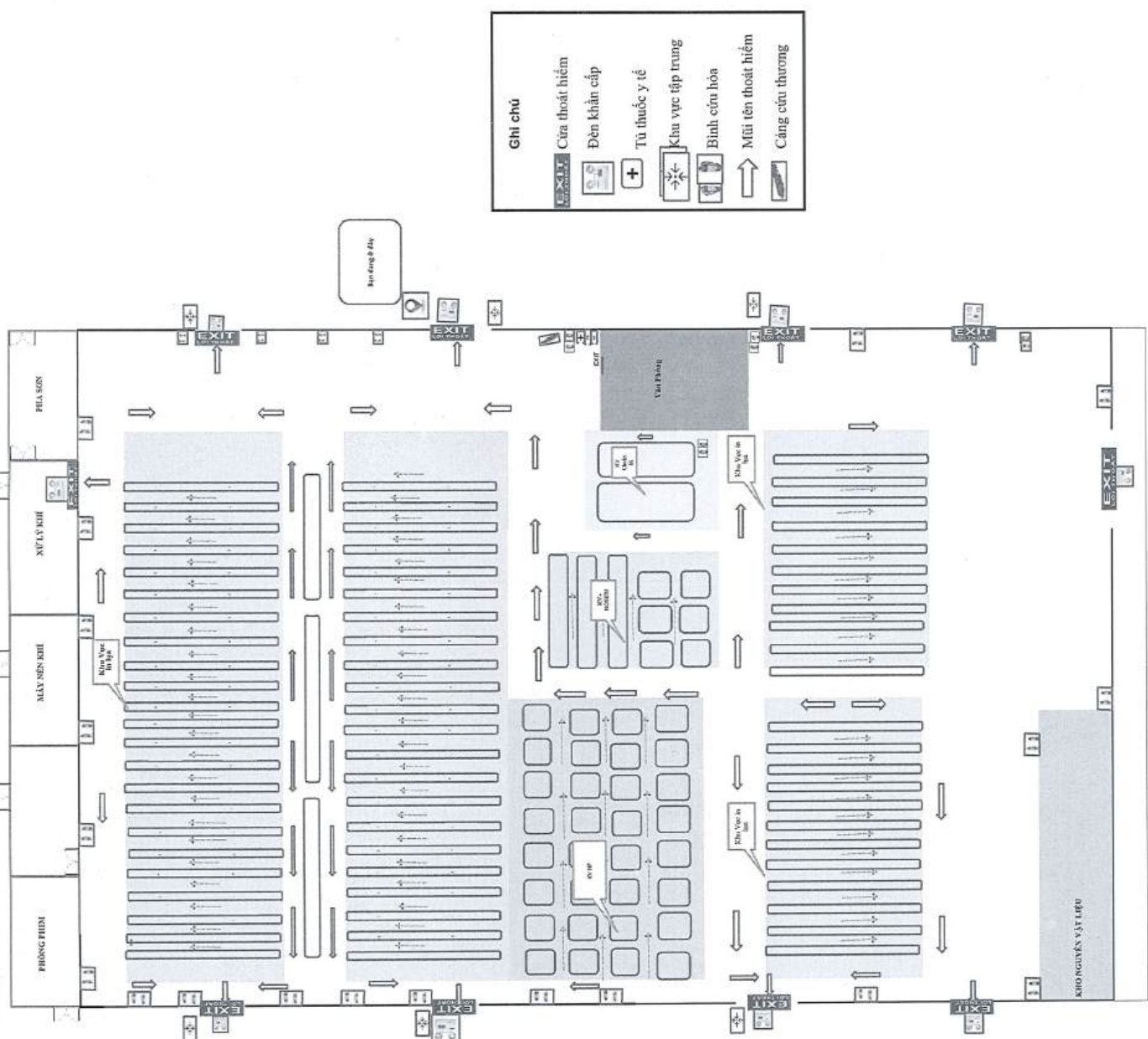
NGUYỄN VĂN THẮNG

SỐ HIỆU DAN/JOB NO: TL / SCALE:

NGÀY / DATE:

2025

SƠ ĐỒ BỐ TRÍ NHÀ XƯỞNG



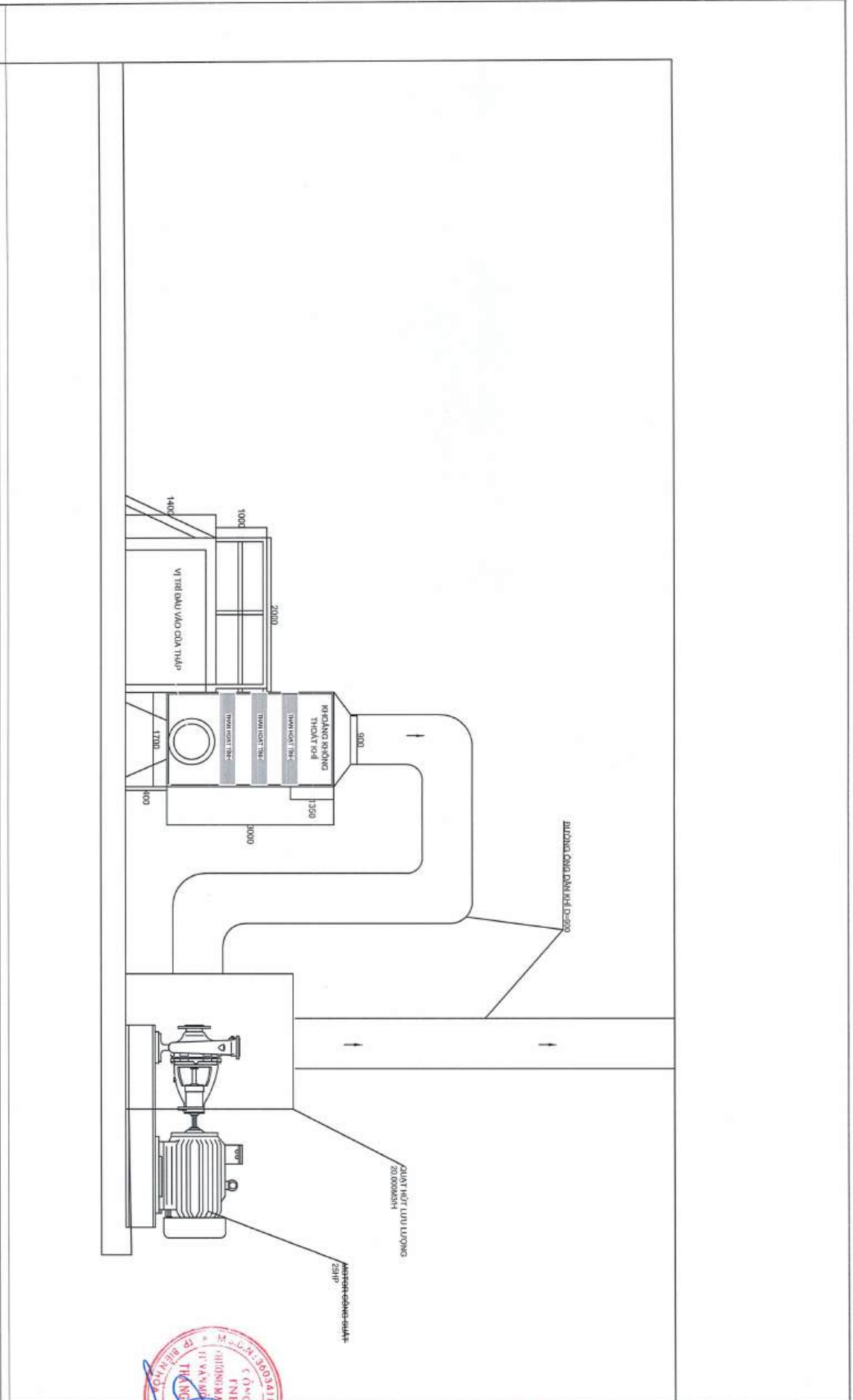
**Ghi chú**

- Cửa thoát hiểm
- Đèn khẩn cấp
- Tủ thuốc y tế
- Khu vực tập trung
- Bình cứu hỏa
- Mũi tên thoát hiểm
- Cảnh cứu thương









CHÚ GIẢI / GENERAL NOTES:

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH  
PURPOSE OF ISSUE  
 BẢO CHỘM THIẾT KẾ  
 THIẾT KẾ BẢN VẼ THỰC CÔNG  
 THIẾT KẾ CHỈNH SỬA  
 KIỂM TRA CHỈNH SỬA

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR:

CÔNG TY TNHH MỸ ANH  
 CÔNG TY TNHH MỸ ANH  
 GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR  
 TỈNH/ PROVINCE  
 QUẬN/ DISTRICT  
 SỐ QUÂN/ ARMY NUMBER

CÔNG TRÌNH / PROJECT:

HỌ TÊN THÌ

TÊN BẢN VẼ/ DRAWING TITLE:

MẶT CẮT NGANG HỆ  
 THÔNG LỘC KHÍ

BV THIẾT KẾ/ CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH THIẾT  
 KẾ VÀ THI CÔNG  
 TP. HỒ CHÍ MINH  
 SỐ QUÂN/ ARMY NUMBER

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR:

NGUYỄN VĂN LỢI

CHỦ TÀI THIẾT KẾ

NGUYỄN VĂN THƯỜNG

THIẾT KẾ

NGUYỄN THƯỜNG ANH

THIẾT KẾ

NGUYỄN VĂN THƯỜNG

SỐ BẢN VẼ/ DRAWING NUMBER

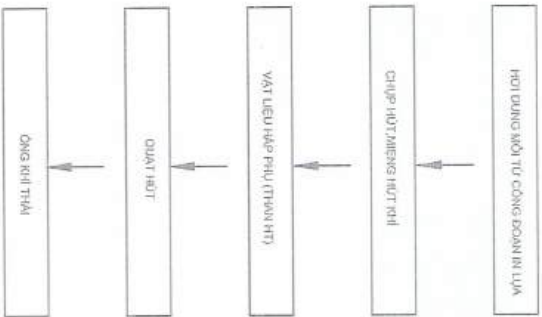
TP. HỒ CHÍ MINH

NGÀY / DATE

2023

BV SỐ/ DRAWING NUMBER

# CÔNG NGHỆ XỬ LÝ HƠI DUNG MÔI



STT	THIẾT BỊ	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ
01	QUẠT HỘT	20.000MMH	01	CÁI
02	ÔNG THẢI	D300.D900	THEO THỰC TE	M
03	BƯỜNG TRẦN HOẠT TÍNH	D=1700XH=3000	01	CÁI

CHÚ GIẢI / GENERAL NOTES:

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH  
Purpose of issue  
 BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHÁ THÍ  
 THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG  
 ĐIỀU CHỈNH MÔ HÌNH  
 HIỆU CHỈNH  
 HỒN DƯỚI CHỈNH

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:



CÔNG TRÌNH / PROJECT:

HỒI KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

CÔNG NGHỆ XỬ LÝ

BY THIẾT KẾ / CONTRACTOR:  
**TP** CÔNG TY TNHH TẠO  
 TẠO THANG PHÁT  
 ĐƠN VỊ SỐ 28, NG. 12, KP. 04, P. THẠNH ĐÀM  
 QUẬN THẠNH, TP. HỒ CHÍ MINH

THÀNH VIÊN BAN ĐỐC / DIRECTOR:



NGUYỄN VĂN LỢI

CHỦ TRƯỞNG THIẾT KẾ

THIẾT KẾ

NGUYỄN VĂN THẠNH

HIỆN TRÁ

NGUYỄN VĂN THẠNH

SỐ HIỆU DẠO/ĐỒ AN

THAY/ 2025/ BVCH

NGÀY / DATE:

2025

BY SỐ/ DNG NG:

2025